

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**NGUYỄN ANH THU**

**DẤU HIỆU "CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ"  
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2012**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**NGUYỄN ANH THU**

**DẤU HIỆU "CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ"  
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

*Chuyên ngành* : Luật hình sự

*Mã số* : 60 38 40

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

*Người hướng dẫn khoa học:* TS. Nguyễn Ngọc Chí

**HÀ NỘI - 2012**

# MỤC LỤC

	Trang
<i>Trang phụ bì</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>	
<i>Danh mục các bảng</i>	
<b>MỞ ĐẦU</b>	1
<b><i>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ DẤU HIỆU "CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ" TRONG LUẬT HÌNH SỰ</i></b>	6
1.1. Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ"	6
1.1.1. Khái niệm "Người thi hành công vụ"	6
1.1.2. Khái niệm "chống người thi hành công vụ"	11
1.2. Phân biệt dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong luật hình sự và luật hành chính	16
1.2.1. Về mức độ vi phạm	17
1.2.2. Nguồn quy định của dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong Luật Hình sự và Luật Hành chính	19
1.2.3. Về thủ tục xử phạt hành vi chống người thi hành công vụ	24
1.2.4. Về chế tài áp dụng	25
1.3. Vị trí của dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong luật hình sự	26
1.3.1. Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" là dấu hiệu định tội trong Luật Hình sự"	26
1.3.2. Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" là dấu hiệu định khung trong Luật Hình sự	33

1.4.	Mối quan hệ giữa dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" và hình phạt	42
1.5.	Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong bộ luật hình sự một số nước trên thế giới	48
1.5.1.	Bộ luật Hình sự Nhật Bản	48
1.5.2.	Bộ luật Hình sự Cộng hòa Liên bang Đức	52
1.5.3.	Bộ luật hình sự Canada	56
	<b>Chương 2: DẤU HIỆU "CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ" TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM</b>	61
2.1.	Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong luật hình sự Việt Nam trước khi có Bộ luật hình sự năm 1999	61
2.1.1.	Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong Luật hình sự Việt Nam trước năm 1985	61
2.1.2.	Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong Luật hình sự Việt Nam từ pháp điển hóa lần thứ nhất (Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1985) đến trước pháp điển hóa lần thứ hai (Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999)	63
2.2.	Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành (bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009)	69
2.2.1.	Một số điểm mới của Bộ luật hình sự hiện hành về dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" so với Bộ luật hình sự năm 1985	71
2.2.2.	Các tội phạm cụ thể có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong Bộ luật hình sự hiện hành	75
	<b>Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG DẤU HIỆU "CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ" VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN LUẬT HÌNH SỰ VỀ DẤU HIỆU NÀY</b>	90

3.1.	Thực tiễn áp dụng dấu hiệu "chống người thi hành công vụ"	90
3.2.	Thực trạng, nguyên nhân của tội phạm có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" và phương hướng hoàn thiện luật hình sự về dấu hiệu này	96
3.2.1.	Thực trạng của tội phạm có dấu hiệu chống người thi hành công vụ	96
3.2.2.	Nguyên nhân của các tội phạm có dấu hiệu chống người thi hành công vụ	103
3.2.3.	Phương hướng hoàn thiện Luật Hình sự về các tội phạm có dấu hiệu chống người thi hành công vụ	108
	<b>KẾT LUẬN</b>	118
	<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	120

## **DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

BLHS	: Bộ luật hình sự
CTTP	: Cấu thành tội phạm
NLTNHS	: Năng lực trách nhiệm hình sự
TAND	: Tòa án nhân dân
TNHS	Trách nhiệm hình sự
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

## DANH MỤC CÁC BẢNG

<b>Số hiệu bảng</b>	<b>Tên bảng</b>	<b>Trang</b>
1.1	So sánh các hình phạt cho loại tội phạm cú dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" giữa BLHS 1985 và BLHS hiện hành	45
3.1	Số liệu thống kê các vụ án chống người thi hành công vụ từ năm 2005 - 2010	103

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI, thực hiện Nghị quyết của Đại hội, đất nước ta bước sang nền kinh tế thị trường, không những tiến bước trên con đường đổi mới, tích cực, đời sống nhân dân từng bước được nâng cao, văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ, tình hình kinh tế - chính trị - xã hội tương đối ổn định, an ninh quốc phòng được tăng cường, quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng, hợp tác quốc tế được tiến hành chủ động và đạt kết quả tốt. Tuy nhiên, theo quy luật chung của hiện tượng xã hội, bất cứ vấn đề gì cũng có tính hai mặt. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, chúng ta cũng phải gánh chịu những ảnh hưởng không nhỏ do mặt trái của nền kinh tế thị trường đem lại, cộng với sự thiếu kinh nghiệm trong quản lý kinh tế xã hội đã làm cho đời sống xã hội có những biến động phức tạp: sự xuống cấp về đạo đức và lối sống, tình trạng thiếu việc làm và thất nghiệp gia tăng, sự phân hóa giàu nghèo sâu sắc... và đặc biệt trong mười năm trở lại đây, có một hiện tượng tiêu cực của xã hội đã xuất hiện và không ngừng gia tăng về số vụ việc và đa dạng hơn trong cách thức thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, đó là hành vi chống người thi hành công vụ.

Pháp luật tồn tại với chức năng quan trọng nhất là điều chỉnh các quan hệ xã hội (QHXH), thông qua việc điều chỉnh hành vi của các chủ thể tham gia các QHXH đó. Việc thực hiện chức năng này nhằm đảm bảo cho chức năng và nhiệm vụ của nhà nước được tiến hành phù hợp với bản chất của nhà nước, thông qua một bộ máy nhà nước gồm những người thi hành công vụ sẽ thay mặt nhà nước thực hiện chức trách được giao. Tuy nhiên, trong xã hội tất yếu tồn tại một bộ phận các cá nhân nhằm bảo vệ quyền lợi riêng của mình mà đi lệch chuẩn với quy định của pháp luật, và các lực lượng thi hành pháp



luật gặp rất nhiều khó khăn trong công tác phòng chống do phương thức, thủ đoạn hoạt động và che dấu tội phạm của các đối tượng ngày càng tinh vi, xảo quyệt, tính chống đối ngày càng mạnh mẽ, liều lĩnh. Tình trạng chống người thi hành công vụ có chiều hướng gia tăng và diễn biến rất phức tạp cả về số vụ và tính chất phạm tội.

Trong 10 năm trở lại đây (từ năm 2001 đến năm 2010), tội phạm thực hiện đối với người thi hành công vụ nói chung có chiều hướng gia tăng về số vụ, tính chất nghiêm trọng, và phương thức, thủ đoạn phạm tội mới. Trung bình mỗi năm xảy ra 500 vụ, đặc biệt từ năm 2009 đến nay tình trạng chống người thi hành công vụ gia tăng, trung bình mỗi năm xảy ra 700 vụ. Hành vi này đã xâm hại đến hoạt động bình thường và đúng đắn của các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, đồng thời còn trực tiếp xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của cá nhân người thi hành công vụ cũng như những người thân thích của họ. Điều này tác động xấu đến dư luận, thể hiện thái độ coi thường pháp luật của một bộ phận người dân và làm cho tình hình an ninh trật tự ngày một phức tạp.

Bộ luật Hình sự (BLHS) Việt Nam hiện hành đã thể hiện thái độ của mình thông qua việc quy định hành vi chống người thi hành công vụ là tội phạm, tuy nhiên tùy vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi, phụ thuộc vào các khách thể bị xâm hại cũng như động cơ, mục đích của người phạm tội, nhà làm luật đã xây dựng các điều luật, các khoản khác nhau đối với những hành vi có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ".

Từ những phân tích nêu trên, việc nghiên cứu để làm rõ các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn của không chỉ riêng tội phạm Chống người thi hành công vụ nói riêng mà của dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" nói chung được quy định trong Luật hình sự Việt Nam là thực sự cần thiết. Vì vậy, chúng tôi xin được nghiên cứu đề tài "***Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong Luật Hình sự Việt Nam***".

## 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Việc nghiên cứu hành vi chống người thi hành công vụ dưới góc độ Tội chống người thi hành công vụ ở nước ta trong thời gian qua đã có một số công trình nghiên cứu của các tác giả như: Tác giả Lê Thế Tiêm với đề tài khóa luận tốt nghiệp đại học "*Đấu tranh phòng chống tội phạm chống người thi hành công vụ*" năm 1994; tác giả Trần Thu Hương với đề tài khóa luận tốt nghiệp đại học "*Tội chống người thi hành công vụ theo bộ luật Hình sự năm 1999 và đấu tranh phòng chống tội phạm này trên địa bàn thành phố Hà Nội*" năm 2001; tác giả Vũ Văn Kiệm với đề tài luận văn thạc sĩ "*Tội chống người thi hành công vụ trong Luật Hình sự Việt Nam và đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này*" năm 2006... Ngoài ra, tội chống người thi hành công vụ cũng được đề cập trong các văn bản quan trọng của nhà nước như BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); trong các giáo trình Luật Hình sự của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Luật Hà Nội,... và các chuyên đề, ấn phẩm, bình luận khoa học BLHS.

Tuy nhiên, hầu hết các công trình nói trên chỉ được các tác giả đi sâu nghiên cứu Tội chống người thi hành công vụ với vị trí là một tội danh được quy định tại Điều 257 BLHS mà không có sự bao quát chung về dấu hiệu chống người thi hành công vụ. Bởi thực tế, hành vi chống người thi hành công vụ không chỉ cấu thành duy nhất Tội chống người thi hành công vụ kể trên. Về vấn đề này, cũng đã có một số tác giả phân tích ở những khía cạnh nhất định trong các tạp chí chuyên đề về pháp luật.

Vì vậy, việc chúng tôi lựa chọn đề tài luận văn "***Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong Luật Hình sự Việt Nam***" sẽ góp phần làm sáng tỏ các góc độ lý luận cũng như thực tiễn quan trọng của dấu hiệu chống người thi hành công vụ nói chung và các tội phạm có dấu hiệu này nói riêng, nhằm góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng, chống một loại tội phạm nguy hiểm và gây nhức nhối trong dư luận thời gian vừa qua.

### **3. Mục đích và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

#### ***Mục đích nghiên cứu:***

Nghiên cứu một hiện tượng mang tính thời sự xã hội như chống người thi hành công vụ dưới góc độ tội phạm là một vấn đề hết sức cần thiết. Đây không chỉ là việc xem xét các tổng hợp các quy định của pháp luật hình sự hiện hành mà còn là nhận định thái độ của nhà nước ta đối với hành vi chống người thi hành công vụ thông qua một chặng đường dài từ trước khi pháp điển hóa BLHS cho đến lần sửa đổi, bổ sung năm 2009, qua đó cũng thấy được sự phát triển của xã hội về vấn đề này. Đề tài không đi sâu nghiên cứu các đặc điểm pháp lý hình sự, các dấu hiệu cấu thành của cá nhân tội chống người thi hành công vụ mà chủ yếu xem xét "chống người thi hành công vụ" với vai trò là một dấu hiệu trong Luật Hình sự, cấu thành các tội phạm khác nhau nhưng đều thể hiện thái độ coi thường kỷ cương phép nước, lệch chuẩn của một bộ phận cá nhân đi ngược lại với cách xử sự hợp pháp của xã hội.

#### ***Phạm vi nghiên cứu:***

Đề tài tập trung làm rõ mặt lý luận dấu hiệu "chống người thi hành công vụ", như khái niệm, vị trí của dấu hiệu trong các quy định của Luật Hình sự với tư cách là dấu hiệu định tội và dấu hiệu định khung; đối chiếu so sánh với các quy định về dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong Bộ luật Hình sự một số nước trên thế giới; đồng thời đề tài cũng phân tích sự khác biệt giữa việc cấu thành tội Chống người thi hành công vụ (tại Điều 257 BLHS) với các tội phạm khác có dấu hiệu này. Từ đó, đề tài chỉ ra các nguyên nhân, thực trạng và đề xuất giải pháp đối với việc hoàn thiện pháp luật để góp phần đấu tranh phòng, chống và giảm thiểu các tội phạm có dấu hiệu chống người thi hành công vụ.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

*Về phương pháp luận:* Luận văn sử dụng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam làm phương pháp luận trong quá trình nghiên cứu đề tài.

*Về phương pháp nghiên cứu:* Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp lịch sử, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích, tổng hợp... Từ đó tìm ra mối liên hệ giữa các quy định của pháp luật với thực tiễn đã phù hợp hay chưa, xem xét nội dung quy định của pháp luật khi áp dụng trong thực tiễn đời sống xã hội.

## **5. Kết cấu của đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Những vấn đề lý luận về dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong Luật Hình sự.

*Chương 2:* Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong Luật Hình sự Việt Nam.

*Chương 3:* Thực tiễn áp dụng dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" và phương hướng hoàn thiện Luật Hình sự về dấu hiệu này.

## *Chương 1*

# **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ DẤU HIỆU "CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ" TRONG LUẬT HÌNH SỰ**

### **1.1. DẤU HIỆU "CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ"**

#### **1.1.1. Khái niệm "Người thi hành công vụ"**

"Người thi hành công vụ" là thuật ngữ thường được sử dụng khi nhắc đến "công vụ". Công vụ là một khái niệm rộng về phạm vi và quan trọng về ý nghĩa cũng như phương thức hoạt động trong các hoạt động nhà nước. Thuật ngữ "công vụ" trong tiếng Việt thể hiện những hoạt động của Nhà nước cũng như các tổ chức phục vụ nhân dân. Công vụ cũng có thể được định nghĩa là hoạt động phục vụ lợi ích công do Nhà nước đài thọ hoặc tạo điều kiện, hoặc công việc được thực hiện vì Chính phủ hay nhân danh Chính phủ.

Từ điển Tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học do tác giả Hoàng Phê chủ biên đã định nghĩa một cách ngắn gọn nhưng chính xác: "*Công vụ là việc công*" [26]. Hoạt động công vụ thường mang tính phục vụ lợi ích công, tính chuyên nghiệp, tính không trực tiếp tạo ra của cải vật chất cho xã hội, và tính được đảm bảo bằng ngân sách của Nhà nước.

Từ khái niệm "công vụ" như trên, có thể hiểu "người thi hành công vụ" là người thi hành việc công. Khái niệm "người thi hành công vụ" từ trước đến nay đã tồn tại rất nhiều ý kiến và quan điểm khác nhau.

Trước đây, khi BLHS năm 1999 chưa ban hành, đa số tồn tại hai khuynh hướng giải thích về yếu tố "người có chức vụ quyền hạn" hay chính là một cách lý giải khác của "người thi hành công vụ".

Hướng quan điểm thứ nhất cho rằng tất cả những người làm việc trong các cơ quan nhà nước, trong các tổ chức xã hội đều là những người có chức

vụ quyền hạn, không phụ thuộc vào chức vụ họ giữ, tính chất công việc, quyền hạn và thẩm quyền được giao.

Hướng quan điểm thứ hai hẹp hơn, cho rằng "chỉ những người là công chức nhà nước và được giao thực hiện những công vụ nhất định mới là người có chức vụ quyền hạn" [6, tr. 2].

Nhằm khắc phục tình trạng này, Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) ra thông tư hướng dẫn việc áp dụng Pháp lệnh trừng trị tội hối lộ của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 20/05/1981 đã giải thích người thi hành công vụ là người có chức vụ quyền hạn bao gồm những người được cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội chính thức giao đảm nhiệm một công tác thường xuyên hoặc nhất thời - không kể quy chế (bổ nhiệm, dân cử, hợp đồng, huy động nghĩa vụ, có hưởng lương hay không hưởng lương...) hoặc cấp bậc như nào (phụ trách hay nhân viên nghiệp vụ) có quyền năng nhất định đối với người khác trong khi thực hiện công tác.

Khi BLHS năm 1985 được ban hành, tại Điều 219, các nhà làm luật đã quy định về người có chức vụ quyền hạn, người thi hành công vụ như sau: "Người có chức vụ là người do bổ nhiệm, do dân cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ". Đây là khái niệm tương đối hoàn chỉnh, lần đầu tiên được quy định chính thức trong pháp luật hình sự nước ta, đã chỉ ra những dấu hiệu đặc trưng cơ bản của người có chức vụ quyền hạn, người thi hành công vụ, bởi vậy khái niệm này có ý nghĩa lớn về mặt lý luận cũng như thực tiễn.

Đến Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29.11.1986 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS năm 1985, đã hướng dẫn:

Người thi hành công vụ là người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội thực hiện chức năng, nhiệm vụ

vụ của mình và cũng có thể là những công dân được huy động làm nhiệm vụ (như: tuần tra, canh gác...) theo kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền, phục vụ lợi ích chung của nhà nước, của xã hội [32].

Tại khoản 1 Điều 3 Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước lại quy định người thi hành công vụ là người được bầu cử, phê chuẩn, tuyển dụng hoặc bổ nhiệm vào một vị trí trong cơ quan nhà nước để thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án hoặc người khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án.

Như vậy, các quy định nêu trên cùng với các quy định khác về cán bộ, công chức và công vụ thì để xác định người thi hành công vụ phải xét ở hai khía cạnh. *Thứ nhất* về chủ thể, người thi hành công vụ phải là cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội hoặc cũng có thể là một công dân bất kỳ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền huy động, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. *Thứ hai* về phạm vi nhiệm vụ thực hiện, chỉ có thể được coi là thi hành công vụ khi công việc mà họ làm phải là thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, các tổ chức nhằm phục vụ lợi ích chung của nhà nước, của xã hội. Tóm lại, thi hành công vụ tức là làm nhiệm vụ công (vì lợi ích chung của nhà nước, của xã hội).

Khi BLHS 1999 được ban hành, với việc định nghĩa về người có chức vụ quyền hạn tại Điều 277 BLHS 1999, nhà làm luật đã giữ nguyên về mặt nội dung, quy định: "Người có chức vụ là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ" [28].

Chúng tôi cho rằng, các quan điểm về khái niệm "người thi hành công vụ" ở trên đã phân tích dựa trên những khía cạnh khác nhau, đều có những hạt

nhân hợp lý nhất định, và có thể khẳng định, "người thi hành công vụ" là các đối tượng trong bộ máy công quyền, trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, trong các tổ chức chính trị - xã hội. Theo quy định của pháp luật, có thể phân chia người thi hành công vụ theo những nhóm người chính sau đây:

*Thứ nhất*, người thi hành công vụ là những người đại diện quyền lực nhà nước, thường những người này ở trong bộ máy công quyền, ở những cơ quan thuộc nhánh quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp từ trung ương đến địa phương, hưởng lương từ ngân sách của nhà nước. Những người trong bộ máy công quyền nhằm thay mặt nhà nước tổ chức điều hành và điều khiển và duy trì toàn bộ hoạt động của xã hội.

*Thứ hai*, người thi hành công vụ là những người có chức vụ quyền hạn có liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức điều hành, quản lý hành chính trong các cơ quan hoặc tổ chức chính trị xã hội, trong bộ máy của Đảng, Mặt trận Tổ quốc...

*Thứ ba*, đó là nhóm những người giữ chức vụ quyền hạn có liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ tổ chức sản xuất kinh doanh trong các cơ quan và tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước.

*Thứ tư*, người thi hành công vụ còn là nhóm những người dân được giao nhiệm vụ tuần tra, canh gác giữ gìn an toàn trật tự xã hội (thanh niên cờ đỏ, thanh niên xung kích, dân quân tự vệ, dân phòng được huy động làm nhiệm vụ giữ gìn an ninh...). Những người này không phải cán bộ trong cơ quan nhà nước nhưng khi được giao nhiệm vụ họ cũng có quyền ra các mệnh lệnh quyết định mang tính chất bắt buộc đối với người khác.

Nhóm những người này có chức vụ quyền hạn trong việc thực thi những nhiệm vụ nhất định, vì vậy có thể coi đây là những người thi hành công vụ.

Hành vi thi hành công vụ của người thi hành công vụ được coi là hành vi của nhà nước. Từ góc độ cơ cấu tổ chức, cán bộ công chức là một bộ phận



cấu thành của bộ máy nhà nước; là nhân tố quyết định mọi hoạt động của nhà nước. Hoạt động công vụ của công chức đảm bảo sự vận hành của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc thống nhất quyền lực, cấp dưới phục tùng mệnh lệnh cấp trên. Khi cán bộ công chức thi hành nhiệm vụ là họ đang đại diện cho Nhà nước để thực hiện các chức trách nhiệm vụ do nhà nước giao phó. Khi đó quan hệ giữa những người đang thi hành công vụ với cá nhân, tổ chức không còn là quan hệ mang tính cá nhân nữa, được coi là hành vi của nhà nước, các quyết định của người thi hành công vụ là quyết định của Nhà nước.

Người thi hành công vụ thực hiện một nhiệm vụ được giao phó, có thể là chiến sĩ công an nhân dân đang làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh, là thầy thuốc điều trị tại bệnh viện, thầy giáo, cán bộ thuế, cán bộ quản lý thị trường, cán bộ kiểm lâm, hải quan... Hành vi công vụ của người thi hành công vụ nhằm thiết lập, duy trì, bảo vệ trật tự xã hội hoặc vì lợi ích của cơ quan, tổ chức nơi họ công tác. Vì vậy trong quá trình thực thi công vụ có thể việc làm của họ xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác, ví dụ người thực hiện công vụ tiến hành mệnh lệnh bắt, khám xét các đối tượng phạm tội theo thủ tục tố tụng hình sự, người thi hành công vụ truy bắt những tên lưu manh, côn đồ, đối tượng đang bị truy nã. Không ít các trường hợp những đối tượng đó đã có hành vi chống đối, không những gây ảnh hưởng đến việc hoàn thành công vụ mà còn xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người thi hành công vụ.

Dựa trên những quan điểm đã phân tích, chúng tôi xin đưa ra khái niệm "người thi hành công vụ" như sau:

*Người thi hành công vụ là những người được giao trách nhiệm để tiến hành một công vụ nhất định nhằm bảo đảm thực hiện chức năng của nhà nước, duy trì trật tự, sự ổn định của xã hội. Những người này do bầu cử, được bổ nhiệm, do hợp đồng hoặc một hình thức khác có hưởng lương hoặc không hưởng lương và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao.*

### **1.1.2. Khái niệm "chống người thi hành công vụ"**

Khi xã hội phát triển đến một mức độ nào đó, các QHXX ngày một phức tạp, thì tất yếu sẽ có những hành vi chống người thi hành công vụ của những người muốn lựa chọn cách thức thỏa mãn nhu cầu trái với lợi ích của toàn xã hội. Qua nghiên cứu, hành vi chống người thi hành công vụ tuy đa dạng nhưng đều có những đặc điểm như sau:

*Thứ nhất*, hành vi chống người thi hành công vụ là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi lệch chuẩn so với những yêu cầu chung của xã hội. Hành vi này đã vi phạm những điều pháp luật cấm dưới hai hình thức: hành động (thực hiện hành vi pháp luật cấm); hoặc không hành động (không thực hiện hành vi pháp luật yêu cầu). Hành vi chống người thi hành công vụ là hành vi nguy hiểm cho xã hội vì đã thỏa mãn được yếu tố trái với các quy định của pháp luật, và hành vi này đã xâm hại đến các lợi ích được nhà nước, được pháp luật bảo vệ.

Hành vi chống người thi hành công vụ được phân chia thành các mức độ khác nhau, và dựa theo tiêu chí phân loại vi phạm pháp luật thì có thể phân chia hành vi này thành hai loại:

(1) *Vi phạm hành chính*: là đối với những hành vi chống người thi hành công vụ có mức nguy hiểm thấp hơn, mà không được Bộ luật Hình sự quy định là tội phạm, nhưng đã vi phạm quy định của Luật hành chính và phải chịu loại chế tài này.

(2) *Vi phạm hình sự*: là đối với những hành vi chống người thi hành công vụ có mức nguy hiểm cao, gây hại đáng kể cho xã hội và theo các quy định của BLHS thì người thực hiện phải chịu trách nhiệm hình sự (TNHS).

Ngoài ra, hành vi chống người thi hành công vụ còn được coi là một dạng vi phạm đạo đức, bởi những người có hành vi chống đối lại người đang thực thi một công vụ đã đi ngược lại với sự xử sự hợp lý, không theo đạo đức chuẩn mực hành vi của con người.

*Thứ hai*, hành vi chống người thi hành công vụ xâm hại tới nhiều QHXX được nhà nước, pháp luật bảo vệ.

Khác với các hành vi vi phạm thông thường chỉ tác động đến một vài QHXX nhất định, hành vi chống người thi hành công vụ có khả năng tác động đến nhiều QHXX khác nhau. QHXX đầu tiên và cơ bản nhất bị hành vi này xâm hại trực tiếp, đó là hoạt động bình thường và đúng đắn của các cơ quan tổ chức trong quản lý hành chính. Người thi hành công vụ là người thi hành việc công, nên chống người thi hành công vụ là chống lại việc thực hiện nhiệm vụ đó, cản trở việc công được hoàn thành đúng mệnh lệnh nhà nước, làm giảm hiệu lực quản lý hành chính nói riêng của các cơ quan nhà nước, các tổ chức được thực hiện thông qua hoạt động của các nhân viên thuộc cơ quan tổ chức đó.

QHXX thứ hai bị xâm hại là sự vững mạnh của chính quyền nhân dân, an ninh đối nội, an ninh đối ngoại (với các hành vi chống người thi hành công vụ vì mục đích chống chính quyền nhân dân).

QHXX thứ ba đó là tính mạng của người thi hành công vụ bị xâm hại bởi hành vi sử dụng vũ lực của người phạm tội. Không ít trường hợp người phạm tội đã giết chết người thi hành công vụ để bao che hoặc tiếp tục thực hiện hành vi trái pháp luật của mình.

Tiếp đến, hành vi này còn xâm hại đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người thi hành công vụ. Người thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ có thể gây thương tích cho người thi hành công vụ hoặc vu khống nhằm hạ thấp, bôi nhọ uy tín của người thi hành công vụ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm và công việc của họ.

Ngoài ra, còn một số QHXX khác cũng bị hành vi chống người thi hành công vụ xâm hại như các lợi ích, tính mạng, sức khỏe của người thân của những người thi hành công vụ.

*Thứ ba*, hành vi chống người thi hành công vụ được thực hiện với lỗi cố ý và với những động cơ, mục đích khác nhau.

Trước tiên, lỗi là thái độ tâm lý, là sự phản ứng tiêu cực của người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật đối với chính hành vi nguy hiểm mà họ thực hiện và đối với hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi đó gây ra (hoặc đe dọa gây ra).

Có thể nhận thấy, tất cả hành vi chống người thi hành công vụ thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý, không có trường hợp nào được thực hiện với lỗi vô ý, vì người phạm tội đã hoàn toàn nhận thức được hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật và hậu quả do hành vi đó gây ra, nhưng vẫn muốn thực hiện hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra, hoặc không mong muốn nhưng có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra.

Các hành vi chống người thi hành công vụ được các đối tượng thực hiện, tựu chung lại có chung những động cơ và mục đích sau đây:

(1) Để cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân:

Người thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ đã dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thực hiện một số hành vi khác nhằm không cho người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ, thủ đoạn của người phạm tội có thể là hành động hoặc không hành động. Người phạm tội vì mục đích bảo vệ những lợi ích bất hợp pháp của mình, tránh khỏi sự can thiệp của người thi hành công vụ.

Ngoài việc cản trở người thi hành công vụ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, người phạm tội có thể cản trở người thi hành công vụ vì lý do công vụ của họ bởi việc người thi hành công vụ sắp thực hiện sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của người phạm tội, nên người phạm tội đã thực hiện tội phạm để ngăn chặn việc đó xảy ra.

*Ví dụ:* Ngày 24/12/2011, tại phường Phú Thuận, thành phố Huế đã xảy ra một vụ tai nạn giao thông giữa Phan Thanh Minh và một phụ nữ. Thượng sĩ Hoàng Kim Tài, công an phường Phú Thuận xác định Minh có lỗi nên lấy chìa khóa xe của Minh, và yêu cầu người này về trụ sở công an phường để lấy lời khai. Minh không chấp hành và gọi điện cho Trần Văn Ti và một thanh

niên khác đến, đòi lại chìa khóa xe không được, Minh đã xông vào thượng sĩ Tài giật ve áo, cấp hàm và biển tên. Đồng thời, hòng tháo chạy, Ti dùng mũ bảo hiểm nhảy lên đánh vào mặt thượng sĩ Tài, gây thương tích ở mặt.

(2) Để trả thù người thi hành công vụ:

Mục đích của người phạm tội trong trường hợp này nhằm hướng tới việc người thi hành công vụ đã thực thi công vụ, gây ra sự thù hận cá nhân giữa người thi hành công vụ và người thực hiện hành vi phạm tội. Đối tượng của việc thực thi công vụ đã bị thiệt hại nhất định, vì vậy người phạm tội đã thực hiện hành vi trái pháp luật đối với người thi hành công vụ, nhằm trả thù cá nhân.

*Ví dụ:* Phạm Việt D có em trai là Phạm Việt M bị Tòa án nhân dân (TAND) quận Y xét xử về tội Trộm cắp tài sản với khung hình phạt 18 tháng tù giam. Sau phiên tòa, D đã đến nhà thẩm phán xét xử vụ việc đó, và trả thù bằng cách đặt mìn trước cửa nhà thẩm phán. Hành vi của D nhằm trả thù việc thẩm phán đã tuyên bố em trai anh ta có tội.

(3) Để đe dọa người khác:

"*Đe dọa*" theo Từ điển Tiếng Việt được định nghĩa là việc cho biết trước sẽ làm một điều không hay nếu dám trái ý, nhằm làm cho lo sợ, hoặc tạo ra nỗi lo sợ về một tai họa có thể xảy ra.

Người thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ có thể hướng sự đe dọa của mình đến đối tượng là người thi hành công vụ, hoặc đến một đối tượng khác, mà thông qua hành vi phạm tội đó, người phạm tội có ý đồ cảnh cáo, dẫn dắt người thi hành công vụ hoặc với người khác, tạo cho họ nỗi lo sợ sự bất lợi có thể xảy ra cho mình, nếu như không thực hiện theo yêu cầu của người phạm tội.

*Ví dụ:* A. có hành vi tổ chức đánh bạc quy mô lớn, anh B. là cảnh sát hình sự đang điều tra về hành vi phạm tội này của A, một vài lần anh B cùng

anh C là người cùng đội với anh B đến thăm dò nơi A tổ chức đánh bạc. A không sợ mà còn đe dọa anh B nên dừng việc điều tra của mình, nếu không sẽ nhận hậu quả bất lợi. A nhân lúc anh C đang đi trên đường đã cho người gây ra vụ va chạm với anh C khiến anh C bị thương nhập viện, nhằm cảnh cáo và đe dọa anh B, để anh B dừng việc làm của mình lại.

(4) Để ép buộc người thi hành công vụ thực hiện hành vi trái pháp luật, có thể là đe dọa sẽ tung những thông tin bất lợi cho bản thân người thi hành công vụ hoặc cho công việc của họ, nhằm bắt họ thực hiện một hành vi trái pháp luật trong chức trách, nhiệm vụ của họ theo ý đồ của người phạm tội.

*Thứ tư*, các hình thức của hành vi chống người thi hành công vụ rất đa dạng, tất cả những động cơ, mục đích trên đều được thể hiện thông qua những hành vi sau:

*Chống đối* là hành vi thể hiện tính chống lại, không chấp hành các mệnh lệnh yêu cầu và quyết định hợp pháp của người thực hiện hành vi đối với người thi hành công vụ. Việc chống đối ở đây ví dụ như trường hợp người có thẩm quyền khám xét chỗ ở của một đối tượng nhưng đối tượng đó có những hành vi chống đối như không mở cửa, dùng gây gộc ngăn chặn người thi hành công vụ lại. Vì hành vi chống đối này mà hầu hết các trường hợp thực hiện công vụ của người thi hành công vụ không diễn ra một cách suôn sẻ.

*Cản trở* là hành vi của chủ thể với mục đích nhằm không để người thi hành công vụ tiếp tục thực hiện công vụ của mình, hoặc ngăn chặn ngay từ đầu không để việc thực hiện công vụ xảy ra. Hành vi cản trở có thể là gây thương tích cho nạn nhân hoặc giết nạn nhân để họ không thể tiếp tục công vụ của mình, nhờ đó mà lợi ích của người thực hiện hành vi vẫn không bị ảnh hưởng.

*Uy hiếp* là hành vi của chủ thể tác động tới người thi hành công vụ, có thể là uy hiếp về mặt tinh thần hoặc uy hiếp về thân thể, chủ thể đã thực hiện những hành vi khiến người thi hành công vụ bị hạn chế về tinh thần hoặc thân thể, vì vậy đã ảnh hưởng đến việc thực hiện công vụ của người thi hành công vụ.

*Đe dọa* là việc chủ thể dùng lời nói hoặc dùng những cử chỉ, hành động nhất định tác động đến người thi hành công vụ, khiến họ tin rằng nguy hiểm sẽ xảy ra với mình, việc đe dọa phải có căn cứ khiến người thi hành công vụ tin chắc rằng điều đó sẽ xảy ra.

Những hành vi này không nhất thiết phải xảy ra khi người thi hành công vụ đang làm nhiệm vụ của mình mà có thể xảy ra trước hoặc sau khi nạn nhân thực thi công vụ. Ý đồ của người thực hiện hành vi là muốn chống lại người thi hành công vụ, gây trở ngại, khiến họ không thể tiến hành nhiệm vụ của mình, khiến họ lo sợ hậu quả bất lợi có thể xảy ra với mình nếu tiếp tục thực hiện công vụ.

*Thứ năm*, chủ thể của hành vi chống người thi hành công vụ là bất kì ai mà quyền lợi của họ bị hạn chế bởi người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ, hoặc họ là người đang bảo vệ một lợi ích bất hợp pháp tránh khỏi sự can thiệp của những người thực thi công vụ.

Từ các phân tích như trên, chúng tôi xin đưa khái niệm "chống người thi hành công vụ" như sau:

*Chống người thi hành công vụ là hành vi chống đối, cản trở, đe dọa, uy hiếp người thi hành công vụ xảy ra trước, trong hoặc sau khi người thi hành công vụ thực hiện công vụ bằng thủ đoạn dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc các thủ đoạn khác nhằm cản trở người thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ, trả thù người thi hành công vụ, đe dọa người khác hoặc để ép buộc người thi hành công vụ thực hiện hành vi trái pháp luật.*

## **1.2. PHÂN BIỆT DẤU HIỆU "CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ" TRONG LUẬT HÌNH SỰ VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH**

Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong Luật Hình sự và Luật Hành chính (hay còn được gọi là vi phạm chống người thi hành công vụ và tội phạm chống người thi hành công vụ) về cơ bản có nhiều điểm tương đồng. Về mặt *khách quan*, chúng đều là những hành vi nguy hiểm cho xã hội ở những

mức độ khác nhau, và được thực hiện bằng hành động hoặc không hành động, xâm hại đến các QHXX nhất định được nhà nước bảo vệ; về mặt *pháp lý*, chúng đều là những hành vi trái pháp luật, bị cấm bởi các văn bản quy phạm pháp luật, và chủ thể thực hiện hành vi bị cấm đều phải bị xử lý bởi các biện pháp cưỡng chế nhất định (tùy từng vi phạm mà người thực hiện hoặc phải chịu trách nhiệm hành chính, hoặc phải chịu TNHS); về mặt *chủ quan*, chúng đều là những hành vi có tính chất lỗi, được thực hiện một cách cố ý bởi người có năng lực trách nhiệm pháp lý được quy định trong Luật Hành chính hoặc Luật Hình sự.

Xét về khái niệm, vi phạm hành chính là hành vi do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm, theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính.

Tại Điều 8 BLHS hiện hành, khái niệm tội phạm được quy định:

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa [28]

Để phân biệt dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong Luật hình sự và Luật hành chính, sự khác nhau thể hiện chủ yếu ở các tiêu chí sau đây:

### **1.2.1. Về mức độ vi phạm:**

Tiêu chí mức độ vi phạm của hành vi là cơ sở quan trọng nhất để đánh giá sự khác biệt giữa vi phạm chống người thi hành công vụ và tội phạm



chống người thi hành công vụ. Tiêu chí này phân định ranh giới giữa vi phạm hành chính và tội phạm, thể hiện ở các mặt sau:

*Thứ nhất*, về tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi chống người thi hành công vụ: Hành vi chống người thi hành công vụ theo quy định của Luật hành chính là hành vi có tính nguy hiểm thấp hơn, không gây nên thiệt hại đáng kể, chưa đến mức phải xử lý về hình sự; ngược lại tội phạm chống người thi hành công vụ dưới góc độ luật hình sự nhất thiết phải là hành vi gây nên (hoặc có khả năng thực tế gây nên) thiệt hại đáng kể cho các QHXX được bảo vệ bằng pháp luật hình sự, và trên thực tế, tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi được coi là tội phạm luôn cao nhất trong các vi phạm pháp luật.

*Thứ hai*, về phạm vi khách thể bị xâm hại, hành vi chống người thi hành công vụ nhìn chung đều xâm hại đến những QHXX được pháp luật bảo vệ, nhưng phạm vi khách thể bị xâm hại của hành vi chống người thi hành công vụ trong Luật hành chính luôn hẹp hơn so với phạm vi này trong Luật Hình sự. Cụ thể, khách thể bị xâm hại bởi hành vi này trong Luật Hành chính là hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, trật tự quản lý hành chính nhà nước; nhưng đối với tội phạm chống người thi hành công vụ, khách thể còn bao gồm cả an ninh quốc gia, tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân người thi hành công vụ, và nhiều trường hợp còn là của người thân của chính những người đang thực thi công vụ cho nhà nước.

*Thứ ba*, về hậu quả (thiệt hại) do hành vi chống người thi hành công vụ gây ra, theo quy định của Luật hành chính, thiệt hại có thể xảy ra nhưng không nghiêm trọng; còn đối với hành vi chống người thi hành công vụ trong Luật hình sự, thiệt hại luôn là nghiêm trọng hơn cả.

*Thứ tư*, về tính trái pháp luật của hành vi chống người thi hành công vụ, khi là vi phạm hành chính, chủ thể thực hiện hành vi đã vi phạm những quy định của pháp luật hành chính (phi hình sự) và bị đe dọa xử lý bởi các

biện pháp cưỡng chế ít nghiêm khắc hơn (cảnh cáo, phạt tiền...); ngược lại, hành vi chống người thi hành công vụ là sự vi phạm điều cấm của Luật hình sự và người thực hiện hành vi phải chịu biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước, đó là hành phạt.

*Thứ năm*, về chủ thể thực hiện hành vi: chủ thể thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ trong Luật hành chính được quy định bao gồm cá nhân và tổ chức thỏa mãn các điều kiện chủ thể, tuy nhiên, chủ thể của tội phạm chống người thi hành công vụ chỉ là cá nhân (đủ năng lực trách nhiệm hình sự (NLTNHS) - tức là có khả năng gánh vác một TNHS trước nhà nước khi cá nhân đó thực hiện một tội phạm).

### **1.2.2. Nguồn quy định của dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong Luật Hình sự và Luật Hành chính**

Nghiên cứu các quy định pháp luật về xử lý người có hành vi chống lại người thi hành công vụ dưới góc độ giới hạn hoạt động xử lý của Nhà nước đối với người có hành vi vi phạm, cần thấy được những yêu cầu đặt ra đối với các quy định pháp luật này.

Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải xây dựng một hệ thống quy phạm pháp luật cần và đủ điều chỉnh QHXXH liên quan để xử lý người có hành vi chống lại người thi hành công vụ. Việc ban hành các văn bản pháp luật chứa đựng hệ thống quy phạm về xử lý người có hành vi chống người thi hành công vụ luôn mang tính khách quan bởi nó xuất phát từ yêu cầu tất yếu về việc bảo vệ trật tự chung của xã hội. Việc ban hành các văn bản pháp luật này cũng đồng thời là biểu hiện của hoạt động quản lý của Nhà nước đối với xã hội. Một xã hội tổ chức tốt là xã hội được quản lý tốt bởi công quyền thông qua công cụ pháp luật. Dù vậy, pháp luật không phải là công cụ mang tính vạn năng, có hiệu quả trong mọi trường hợp và sự can thiệp của bản thân pháp luật vào từng lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội cũng chỉ đạt hiệu quả khi nó được sử dụng với một "liều lượng" thích hợp.

Các quy định của pháp luật về xử lý hành vi chống người thi hành công vụ được chia thành hai nhóm chính: nhóm các quy định thuộc ngành luật hành chính và nhóm các quy định thuộc ngành luật hình sự. Ranh giới để các cơ quan có thẩm quyền lựa chọn quy định để điều chỉnh hành vi vi phạm pháp luật này cụ thể như sau:

*a) Xử phạt hành chính đối với người có hành vi chống người thi hành công vụ*

Về nguồn pháp luật thuộc lĩnh vực này bao gồm: 1) Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002, được sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008; 2) Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16/12/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002, sửa đổi năm 2008; 3) Nghị định số 73/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội (gọi tắt là Nghị định số 73).

Về hành vi chống người thi hành công vụ hoặc liên quan đến hành vi chống người thi hành công vụ bị cấm có thể được vận dụng trong *xử lý hành chính* người chống người thi hành công vụ:

(1) Hành vi cản trở, không chấp hành yêu cầu của người thi hành công vụ chưa đến mức truy cứu TNHS (Điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 73).

(2) Hành vi "có lời nói, hành động lăng mạ, xúc phạm danh dự hoặc chống lại người thi hành công vụ" chưa đến mức truy cứu TNHS (điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 73).

(3) Hành vi xúi giục người khác không chấp hành các yêu cầu của người thi hành công vụ (điểm b khoản 3 Điều 7 Nghị định số 73).

(4) Hành vi gây mất trật tự hoặc gây rối ở nơi công cộng (điểm b khoản 1, điểm đ khoản 2, điểm c, d khoản 3 Điều 7 Nghị định số 73).

(5) Hành vi gây rối hoặc cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức (điểm l khoản 3 Điều 7 Nghị định số 73).

(6) Hành vi tàng trữ, cất giấu trong người, đồ vật, phương tiện giao thông các loại dao, búa, các loại công cụ, phương tiện dùng trong lao động, sinh hoạt hàng ngày nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác (điểm a khoản 4 Điều 7 Nghị định số 73).

(7) Hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác chưa đến mức truy cứu TNHS (điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định số 73).

(8) Các hành vi khác quy định trong Nghị định số 73.

Về hình thức xử phạt: căn cứ vào điều khoản cụ thể của Nghị định số 73 được vận dụng, có thể xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với đối tượng có hành vi chống lại người thi hành công vụ.

Về thẩm quyền xử phạt: theo quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (được sửa đổi năm 2007, 2008), Nghị định số 128/2008/NĐ-CP, Nghị định số 73/2010/NĐ-CP, thẩm quyền xử phạt hành chính đối với hành vi chống người thi hành công vụ bao gồm nhiều loại chủ thể khác nhau.

*b) Xử lý hình sự đối với người có hành vi chống người thi hành công vụ*

Điều 2 BLHS hiện hành quy định "Chỉ người nào phạm một hay nhiều tội đã được bộ luật hình sự quy định mới phải chịu TNHS". Đây chính là cơ sở pháp lý quan trọng để xử lý hình sự một hành vi được coi là tội phạm.

Căn cứ pháp lý chủ yếu để xử lý hình sự đối với người có hành vi chống người thi hành công vụ là BLHS năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và các văn bản pháp luật thi hành bộ luật này. Liên quan đến hành vi cần xử lý, BLHS có quy định một số tội danh sau đây:

(1) Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 84), với dấu hiệu mục đích bắt buộc là "nhằm chống chính quyền nhân dân".

(2) Tội phá rối an ninh (Điều 89), thuộc chương Các tội xâm phạm an ninh quốc gia, và dấu hiệu mục đích "chống chính quyền nhân dân" cũng là dấu hiệu bắt buộc như tội Khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân.

(3) Tội chống người thi hành công vụ (Điều 257) với hành vi khách quan đặc trưng là dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật. Cần lưu ý, Điều 257 BLHS quy định các hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hay thủ đoạn khác chỉ coi là phạm tội "chống người thi hành công vụ" khi những hành vi này được thực hiện nhằm "cản trở" hoặc "ép buộc" người thi hành công vụ thực hiện hành vi trái pháp luật. Trường hợp mục đích trực tiếp của người phạm tội là tước đoạt tính mạng hay xâm phạm sức khỏe người thi hành công vụ thì không xử lý theo tội danh này mà xử lý về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người tương ứng quy định trong Chương XII BLHS. Hình phạt đối với tội này được chia thành 2 khung: khung 1, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm; khung 2 phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.

(4) Tội giết người (Điều 93) với hành vi khách quan đặc trưng là cố ý tước đoạt tính mạng của người khác một cách trái pháp luật. Cố ý tước đoạt trái pháp luật của người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 93 BLHS. Hình phạt được áp dụng trong trường hợp này là phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

(5) Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 104). Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe (người thi hành công vụ) để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân là tính tiết mang hai ý nghĩa: 1) Là dấu hiệu định tội trong trường hợp tỷ lệ thương tật gây ra cho nạn nhân dưới 11%; 2) Là tình tiết định khung tăng nặng định khung quy định trong khoản 2, 3, 4 Điều 104 BLHS.

(6) Tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 117) với đặc trưng là người biết mình bị nhiễm HIV mà cố ý truyền bệnh cho người khác. Lây truyền HIV cho người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân là

tình tiết tăng nặng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 117. Khung hình phạt được quy định là phạt tù từ 3 năm đến 7 năm.

(7) Tội làm nhục người khác (Điều 121). Làm nhục người khác là hành vi là cố ý xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của người khác. Làm nhục người thi hành công vụ là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 121. Khung hình phạt được quy định là phạt tù từ 1 năm đến 3 năm.

(8) Tội vu khống (Điều 122). Vu khống là hành vi bịa đặt, loan truyền những điều biết rõ là bịa đặt nhằm xúc phạm danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác hoặc bịa đặt là người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền. Vu khống người thi hành công vụ là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 122 BLHS. Khung hình phạt được quy định là phạt tù từ 1 năm đến 7 năm.

(9) Tội bắt, giữ, giam người trái pháp luật (Điều 123). Bắt, giữ, giam trái pháp luật người thi hành công vụ là tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 2 Điều 123. Khung hình phạt được quy định là phạt tù từ 1 năm đến 5 năm. Nếu gây hậu quả nghiêm trọng thì phạt tù từ 3 năm đến 10 năm.

(10) Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 143). Trường hợp hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản vì lý do công vụ của người bị hại là tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 2 Điều 143. Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của Nhà nước là tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại điểm i khoản 1 Điều 48 BLHS.

(11) Tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245). Trường hợp người gây rối trật tự công cộng lại có hành vi hành hung người can thiệp để bảo vệ trật tự công cộng phải xử lý theo khoản 2 Điều 245. Khung hình phạt được quy định là phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.

Đối với trường hợp có dấu hiệu của một trong các tội phạm nêu trên, cơ quan chức năng có quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn (bắt giữ người

phạm tội quả tang) và bàn giao cho cơ quan điều tra (cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội) thụ lý, giải quyết.

Tuy nhiên khái niệm "người có chức vụ quyền hạn" trong Luật hình sự khác với khái niệm này trong Luật hành chính, bởi khái niệm chức vụ quyền hạn trong Luật hành chính chỉ áp dụng đối với công chức và nhân viên Nhà nước, còn trong Luật hình sự, không chỉ áp dụng đối với công chức và nhân viên Nhà nước mà còn áp dụng cho các đối tượng khác như: dân quân tự vệ được giao nhiệm vụ tuần tra, canh gác giữ gìn an toàn trật tự xã hội hoặc như thanh niên cò đò, dân phòng được huy động làm nhiệm vụ giữ gìn an ninh.. Những người này không phải cán bộ trong cơ quan nhà nước nhưng khi được giao nhiệm vụ họ cũng có quyền ra các mệnh lệnh quyết định mang tính chất bắt buộc đối với người khác. Việc thực hiện công vụ của họ vì lợi ích chung của toàn xã hội nên cũng được coi là những người thi hành công vụ.

### **1.2.3. Về thủ tục xử phạt hành vi chống người thi hành công vụ**

Hành vi chống người thi hành công vụ dưới góc độ luật hình sự và luật hành chính điều chỉnh đều bị xử phạt theo những thủ tục riêng của từng ngành luật tương ứng.

Trong Luật Hành chính, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002, sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008. Hành vi chống người thi hành công vụ khi là vi phạm hành chính sẽ bị xử lý theo thủ tục đơn giản (đối với trường hợp cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 10.000 đồng đến 200.000 đồng thì người có thẩm quyền xử phạt có thể quyết định xử phạt tại chỗ không phải lập biên bản) và thủ tục có lập biên bản.

Thủ tục xử lý hành vi chống người thi hành công vụ khi được coi là tội phạm sẽ tuân theo thủ tục Tố tụng hình sự (hay còn gọi là thủ tục Tòa án), quy trình thủ tục xử lý tội phạm là Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành quy định, tức là tuân thủ theo trình tự của Bộ luật quy định.

#### **1.2.4. Về chế tài áp dụng**

Chế tài là biện pháp cưỡng chế nhà nước dự kiến áp dụng đối với những hành vi vi phạm các quy định của pháp luật. Xét về tiêu chí chế tài áp dụng, ranh giới quy định của Luật Hành chính và Luật Hình sự được thể hiện rất rõ ràng và cụ thể.

Chế tài đối với hành vi chống người thi hành công vụ trong Luật Hành chính theo một nguyên tắc, đó là chỉ xử lý hành chính đối với những trường hợp hành vi vi phạm chưa đến mức truy cứu TNHS và khi xử phạt hành chính, cần tuân thủ đúng thủ tục xử phạt hành chính cũng như thẩm quyền xử phạt hành chính quy định trong Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi năm 2007, 2008). Các hình thức trách nhiệm hành chính bao gồm hình thức phạt chính (cảnh cáo, phạt tiền) và các hình thức phạt bổ sung (tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính), ngoài ra còn có hình thức phạt trực xuất được áp dụng với người nước ngoài (có thể là hình thức phạt chính hoặc hình thức phạt bổ sung).

Chế tài đối với hành vi chống người thi hành công vụ được coi là tội phạm được quy định tại Điều 28 BLHS, bao gồm các hình phạt chính và hình phạt bổ sung, và tùy từng trường hợp cụ thể, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của các hành vi chống người thi hành công vụ sẽ có các loại và mức hình phạt tương ứng.

Điểm khác biệt trong việc áp dụng chế tài xử phạt hành vi chống người thi hành công vụ giữa hai ngành luật hành chính và luật hình sự chính là án tích. Người đã thực hiện tội phạm chống người thi hành công vụ sẽ có án tích và được xóa án tích theo những thủ tục, quy định của BLHS, ngược lại, chế tài vi phạm hành chính vì không được coi là tội phạm, nên người vi phạm không phải chịu án tích và sẽ không có trường hợp xóa án tích.



### **1.3. VỊ TRÍ CỦA DẤU HIỆU "CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ" TRONG LUẬT HÌNH SỰ**

Nhìn chung, những hành vi chống người thi hành công vụ khi được Luật Hình sự quy định là tội phạm đều phải thỏa mãn được các đặc điểm của dấu hiệu cấu thành tội phạm xét theo mặt lý luận. Tuy nhiên, hành vi chống người thi hành công vụ rất đa dạng, và tùy theo các mức độ nguy hiểm và những điều kiện khác nhau sẽ cấu thành những tội phạm khác nhau. Theo vị trí của dấu hiệu chống người thi hành công vụ trong Luật hình sự, có thể xác định dấu hiệu này theo các tiêu chí sau đây:

#### **1.3.1. Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ là dấu hiệu định tội trong Luật Hình sự"**

Định tội danh là hoạt động thực tiễn của các cơ quan tiến hành tố tụng để xác định một người đã phạm tội gì, theo điều luật nào của BLHS hay nói cách khác đây là quá trình xác định tên tội cho hành vi nguy hiểm đã được thực hiện. Việc định tội danh phải dựa vào cấu thành tội phạm cơ bản của một tội phạm cụ thể. Trong công tác xét xử vụ án Hình sự, định tội danh đúng sẽ là tiền đề cho việc xác định khung hình phạt được chính xác, đảm bảo việc xét xử đúng người đúng tội, đúng pháp luật, không xử oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm. Định tội danh chính là quá trình xác định một hành vi đã được thực hiện trên thực tế có phạm tội không, nếu phạm tội thì đó là tội gì, theo điều luật nào của BLHS. Việc định tội danh sai sẽ dẫn đến hậu quả tất yếu là quyết định hình phạt sai, từ đó làm cho mức hình phạt đã tuyên không tương xứng với tính chất và mức độ nghiêm trọng cho xã hội của hành vi phạm tội (có thể quá nhẹ hoặc quá nặng), làm cho bản thân bị cáo không thấy được tính sai trái của hành vi mình thực hiện, từ đó chức năng giáo dục của pháp luật không được thực hiện tốt. Hoạt động định tội danh theo khoa học luật hình sự suy cho cùng là việc so sánh, đối chiếu các tình tiết của hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện trên thực tế có phù hợp với các dấu hiệu tương ứng

của cấu thành tội phạm cơ bản của một tội phạm cụ thể nào đó được quy định trong phần các tội phạm của BLHS hay không. Nếu các tình tiết của hành vi phù hợp với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể đó thì hành vi được định theo tội danh đó.

Từ những cơ sở lý luận nêu trên, việc định tội danh cho hành vi "chống người thi hành công vụ" cũng phải căn cứ vào các tình tiết đã xảy ra xem có phù hợp với cấu thành tội phạm của một tội cụ thể hay không.

*Trước hết*, người tiến hành định tội phải xem xét hành vi đã thực hiện trên thực tế xâm hại đến QHXXH nào được luật hình sự bảo vệ. Trong trường hợp này việc xác định khách thể chung (toàn bộ các QHXXH được pháp luật hình sự bảo vệ) mới có cơ sở chung nhất để khẳng định hành vi chống người thi hành công vụ là hành vi trái pháp luật hình sự. Tiếp đó, xác định khách thể loại (nhóm QHXXH cùng tính chất được pháp luật hình sự bảo vệ) sẽ có cơ sở xác định hành vi chống người thi hành công vụ đã thực hiện nằm trong chương nào trong phần các tội phạm của BLHS, và cuối cùng phải xác định khách thể trực tiếp (QHXXH cụ thể bị tội phạm gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại), mới có cơ sở khẳng định hành vi chống người thi hành công vụ đã thực hiện thỏa mãn cấu thành tội phạm cụ thể nào, được quy định tại điều luật nào trong chương đã xác định.

*Thứ hai* là phải đối chiếu về mặt khách quan của hành vi chống người thi hành công vụ. Khi nhận định một hành vi cụ thể đã thực hiện có phải tội phạm hay không, và đó là tội gì, phải xem xét hành vi đó có phù hợp với hành vi khách quan được mô tả trong cấu thành tội phạm (CTTP) của một tội danh cụ thể hay không. Để đánh giá một cách đầy đủ, chính xác hành vi đã thực hiện có thỏa mãn dấu hiệu về mặt khách quan của CTTP được quy định trong luật hay không, cần phải xác định chính xác tội phạm có cấu thành vật chất hay cấu thành hình thức, từ đó đối chiếu với hành vi đã thực hiện trên thực tế.

*Thứ ba* là xem xét mặt chủ quan của hành vi "chống người thi hành công vụ", lỗi của người phạm tội là lỗi gì, động cơ mục đích phạm tội là gì, và cuối cùng là dấu hiệu chủ thể thực hiện hành vi có đủ NLTNHS và đủ tuổi chịu TNHS hay không.

Từ những yếu tố vừa được phân tích ở trên, và nghiên cứu trong BLHS 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 phân các tội phạm có quy định một loạt các tội phạm có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ". Các tội phạm có hành vi chống người thi hành công vụ được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, xâm hại đến nhiều khách thể khác nhau như đã được phân tích ở những phần trước, nên các nhà làm luật đã quy định những hành vi này là tội phạm trong nhiều tội danh khác nhau, với các khung hình phạt cũng rất khác nhau về mức độ nghiêm khắc. Với vị trí là dấu hiệu định tội, dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" là dấu hiệu để định tội danh cho các tội sau đây:

***a) Tội chống người thi hành công vụ (Điều 257)***

Điều 257 BLHS hiện hành quy định: "Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật thì bị cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm" [28].

Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" là dấu hiệu định tội của tội phạm này, đối tượng cụ thể ở đây là người thi hành công vụ, là người đã, đang bắt đầu thực hiện nhiệm vụ và nhiệm vụ chưa kết thúc. Trường hợp người thi hành công vụ chưa bắt đầu thực hiện hoặc đã kết thúc nhiệm vụ của mình mà bị xâm hại, sẽ không thuộc trường hợp được quy định trong điều luật này mà sẽ bị xử lý theo các tội tương ứng. Người thi hành công vụ đang thi hành nhiệm vụ của mình một cách hợp pháp, mọi cách thức, thủ tục thực thi phải tuân thủ các bước đã được pháp luật quy định. Vì vậy, nếu người có hành vi xâm phạm đến các đối tượng mà việc thực hiện công vụ của họ trái

với quy định hiện hành đó, cũng sẽ không thuộc trường hợp quy định của điều luật này.

Hành vi phạm tội sẽ cấu thành tội chống người thi hành công vụ với cách hành vi khách quan:

- Dùng vũ lực: là hành vi tác động bằng sức mạnh vật chất lên thân thể người đang thi hành công vụ như trời, đâm đá, gây thương tích nhẹ.. Sự tác động đó khiến người thi hành công vụ không tiếp tục thực thi công vụ của mình được nữa. Tuy nhiên, hành vi dùng vũ lực này nếu gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân nếu gây ra tỷ lệ thương tật hoặc làm nạn nhân chết thì sẽ bị truy cứu về tội Giết người (Điều 93) hoặc Tội cố ý gây thương tích (Điều 104), lúc này, dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" sẽ chuyển sang dấu hiệu định khung.

- Đe dọa dùng vũ lực: là dùng lời nói hoặc hành động đe dọa sẽ dùng sức mạnh vật chất đối với người thi hành công vụ nhằm cản trở người đó thực hiện công vụ được giao hoặc buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật. Hành vi đe dọa này phải có cơ sở để người thi hành công vụ tin là có thật.

- Các thủ đoạn khác cản trở hoặc cưỡng ép người thi hành công vụ: có thể là những việc làm gây bất lợi cho người thi hành công vụ hoặc người thân thích của họ (ví dụ lấy danh nghĩa thương binh cưỡng ép cán bộ quản lý thị trường về hàng hóa đầu cơ đang bị tạm giữ, hoặc cưỡng ép cán bộ kiểm lâm cho chõ gỗ khai thác trái phép...).

- Hành vi ép buộc người thi hành công vụ thực hiện hành vi trái pháp luật là bằng nhiều cách tác động đến người thi hành công vụ phải thực hiện hành vi trái pháp luật, hành vi ép buộc ảnh hưởng đến tính chất của việc bảo đảm thực hiện nhiệm vụ công, và do hành vi ép buộc mà nhiệm vụ không hoàn thành. Tùy theo tính chất mức độ của hành vi trái pháp luật mà người thi hành công vụ sẽ có mức xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu TNHS tương ứng với hành vi đó.

***b) Các tội phạm chống người thi hành công vụ với mục đích "chống chính quyền nhân dân"***

***(1) Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 84 BLHS)***

Trên thế giới hiện tồn tại rất nhiều khái niệm khủng bố khác nhau, tuy nhiên đều thống nhất ở những yếu tố cơ bản sau: Khủng bố là hoạt động được lập kế hoạch từ trước, không phải là hoạt động manh động nhất thời; khủng bố là hoạt động mang tính chính trị, không mang tính chất tội phạm thuần túy, hành vi bạo lực của hoạt động khủng bố không giống với hành vi bạo lực của loại tội phạm xuyên quốc gia, mà nó luôn chứa đựng một mưu đồ chính trị; khủng bố thường nhằm vào các mục tiêu dân sự, tuy nhiên vẫn có một số trường hợp ngoại lệ như tại Iraq, hoạt động khủng bố vẫn nhằm vào các mục tiêu quân sự và lực lượng quốc tế làm nhiệm vụ giữ gìn hoà bình tại nước này; khủng bố được tiến hành bởi các tổ chức nhỏ hơn quốc gia, nằm trong quốc gia, như tổ chức tôn giáo cực đoan, tổ chức phản động...; khủng bố có nhiều loại khác nhau như khủng bố dân tộc, khủng bố tôn giáo cực đoan, khủng bố cánh tả, khủng bố cánh hữu, khủng bố vô chính phủ... và xu hướng chung cho thấy hoạt động khủng bố gây ra mức độ thương vong lớn hơn, nguy hiểm hơn.

Chỉ thị số 25/CT-TTg, ngày 15-7-2007 của Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng, chống khủng bố trong tình hình mới, xác định:

Khủng bố là hoạt động có tổ chức do cơ quan tình báo nước ngoài chỉ đạo hoặc do tổ chức khủng bố, tổ chức "tôn giáo cực đoan", lực lượng phản động lưu vong ở nước ngoài, bọn phản động ở trong nước hoặc bọn tội phạm hình sự hoạt động có tổ chức sử dụng vũ khí, chất nổ, chất độc hại, lợi dụng công nghệ thông tin, tấn công vào các cơ quan nhà nước, cơ quan nước ngoài tại Việt Nam, nơi công cộng, ám sát, bắt cóc con tin, khống chế người hoặc phương tiện giao thông, phá huỷ các công trình công cộng, công trình quan trọng về an ninh quốc gia, xâm phạm hoặc đe dọa xâm phạm trật tự

an toàn xã hội,, tính mạng, tài sản, uy hiếp tinh thần của cán bộ, công chức, công dân, lợi ích của nước ngoài ở Việt Nam, nhằm chống lại chính quyền nhân dân, gây nguy hại cho an ninh quốc gia, gây khó khăn cho quan hệ quốc tế của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [9].

Từ khái niệm trên, cho thấy: hoạt động khủng bố là hoạt động có tổ chức, có sự chuẩn bị về âm mưu, phương thức, thủ đoạn và đối tượng nhằm vào khủng bố không phải là manh động, nhất thời; mục đích của khủng bố là nhằm chống lại chính quyền nhân dân, xâm phạm an ninh quốc gia và hoạt động quan hệ quốc tế của Việt Nam hay còn gọi là mục đích chính trị. Tội khủng bố nếu xét về biểu hiện hành vi rất giống với các tội phạm hình sự thông thường khác, như tội giết người, tội phá huỷ tài sản, bắt cóc đòi tiền chuộc... nhưng khác nhau về mục đích và đối tượng tác động. Mục tiêu mà đối tượng khủng bố nhằm vào là các cơ quan nhà nước, cơ quan nước ngoài tại Việt Nam, nơi công cộng, các công trình công cộng, công trình quan trọng về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, tính mạng, tài sản, uy hiếp tinh thần của cán bộ, công chức, công dân, lợi ích của nước ngoài ở Việt Nam.

Điều 84 BLHS 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định:

1. Người nào nhằm chống chính quyền nhân dân mà xâm phạm tính mạng của cán bộ, công chức hoặc công dân, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình.
2. Phạm tội trong trường hợp xâm phạm tự do thân thể, sức khoẻ, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm.
3. Phạm tội trong trường hợp đe dọa xâm phạm tính mạng hoặc có những hành vi khác uy hiếp tinh thần, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.
4. Khủng bố người nước ngoài nhằm gây khó khăn cho quan hệ quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì cũng bị xử phạt theo Điều này [29]

Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" là dấu hiệu định tội của tội phạm được quy định tại Điều 84 BLHS hiện hành vì các lý do sau đây: Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân xâm hại trực tiếp đến sự vững mạnh của chính quyền nhân dân, an ninh đối nội, an ninh đối ngoại, xâm phạm đến tính mạng sức khỏe, quyền tự do thân thể của con người, cụ thể là cán bộ, công chức nhà nước; với những hành vi khách quan: xâm phạm tính mạng cán bộ công chức; xâm phạm tự do thân thể, sức khỏe của người thi hành công vụ; đe dọa xâm phạm tính mạng cán bộ, công chức.

Tuy nhiên, dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" chỉ là dấu hiệu định tội cho tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân khi yếu tố chủ quan của người phạm tội có mục đích "chống chính quyền nhân dân". Đây là yếu tố bắt buộc của mặt chủ quan, bởi cùng là những hành vi trên nhưng người phạm tội không có mục đích chống chính quyền nhân dân thì có thể bị truy cứu TNHS về tội khác.

## *(2) Tội phá rối an ninh (Điều 89 BLHS)*

Điều 89 BLHS hiện hành quy định:

Người nào nhằm chống chính quyền nhân dân mà kích động, lôi kéo, tụ tập nhiều người phá rối an ninh, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan tổ chức nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 của bộ luật này (Tội bạo loạn) thì bị phạt tù từ 5 năm đến 15 năm [28].

Người thi hành công vụ chính là đối tượng tác động của tội phạm, dưới hành vi chống người thi hành công vụ. Sở dĩ dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" là dấu hiệu định tội của tội Phá rối an ninh vì nhà làm luật đã quy định các hành vi khách quan của tội phạm này như sau: (a) Hành vi kích động, lôi kéo, tụ tập nhiều người phá rối an ninh, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội là hành vi của những tên chủ mưu, cầm đầu, xúi giục; (b) Chống người thi hành công vụ: là

hành vi bằng thủ đoạn như bắt giữ, dùng vũ lực tấn công người thi hành công vụ, đe dọa, cưỡng ép họ làm trái pháp luật; (c) Cản trở hoạt động của các cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội: là gây khó khăn cho các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình; (d) Tham gia phá rối an ninh: là hành vi của những người biết rõ việc tụ tập với những người khác nhằm phá rối an ninh, cản trở nhân viên nhà nước, bộ đội, công an thi hành nhiệm vụ, gây khó khăn cho hoạt động bình thường của các cơ quan tổ chức này nhưng vẫn tham gia. Tuy nhiên, hành vi này chỉ gây mất an ninh địa phương, gây khó khăn trở ngại cho người thi hành công vụ chứ không nhằm mục đích chống chính quyền nhân dân.

Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" được coi là dấu hiệu định tội của tội Phá rối an ninh (Điều 89 BLHS) khi người phạm tội bắt buộc phải có mục đích chống chính quyền nhân dân.

Với tư cách là dấu hiệu định tội, vị trí của dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong Luật hình sự được quy định cho ba tội phạm trên. Chúng ta thấy rằng, việc đối chiếu hành vi khách quan xảy ra trên thực tế với các dấu hiệu cấu thành tội phạm của các điều luật trên là rất cần thiết, vì việc phân biệt các tội phạm có dấu hiệu chống người thi hành công vụ trên các cơ sở pháp lý đặc trưng và điển hình sẽ tránh trường hợp thực tiễn xét xử có sự không thống nhất, hành vi của người phạm tội cấu thành tội phạm này nhưng tòa án lại kết án về một tội khác, dẫn đến việc áp dụng pháp luật không chuẩn xác.

### **1.3.2. Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" là dấu hiệu định khung trong Luật Hình sự**

Định khung hình phạt là việc làm sau khi định tội danh đã được thực hiện xong và là hoạt động xác định giới hạn tối thiểu và tối đa của hình phạt theo khung hình phạt được phép áp dụng.

Khi xác định loại và mức hình phạt cho từng tội trong mỗi chương và các khung hình phạt cho các tội phạm đó, cũng như khi xây dựng hình phạt



cho các nhóm tội khác nhau, nhà làm luật chủ yếu dựa vào tính chất nguy hiểm cho xã hội của loại tội phạm đó, trong đó có xét đến mối tương quan về tính nguy hiểm của tội phạm so với các loại tội phạm khác. Việc định khung hình phạt là một giai đoạn của việc quyết định hình phạt, vì vậy khi cân nhắc mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội sẽ đảm bảo sự thống nhất và chính xác đối với các trường hợp phạm tội khác nhau trong cùng một khung hình phạt cụ thể.

*Có thể hiểu: các tình tiết định khung là những tình tiết làm tăng nặng hoặc giảm nhẹ một mức độ đáng kể tính chất nguy hiểm của một loại tội. Khi chúng xảy ra ở một loại tội nào đó làm cho tính chất nguy hiểm của loại tội thay đổi hẳn (hoặc nặng thêm, hoặc nhẹ đi), dựa vào đó nhà làm luật ghi thành một cấu thành khác, hoặc một khung hình phạt riêng.*

Khi xem xét hành vi chống người thi hành công vụ trong một tội phạm nhất định, với tư cách là tình tiết định khung hình phạt, để đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi chống người thi hành công vụ, Tòa án thường dựa vào những tình tiết sau: 1/ Tính chất và mức độ hậu quả đã gây ra hoặc đe dọa gây ra; 2/ Mức độ lỗi; 3/ Tính chất của động cơ phạm tội; 4/ Tính chất của hành vi phạm tội như phương pháp, phương tiện phạm tội, thủ đoạn phạm tội, công cụ phạm tội...; 5/ Hoàn cảnh phạm tội.

Vấn đề nhân thân người phạm tội cũng là một yếu tố để đánh giá tuy nhiên trong trường hợp này, nhân thân người phạm tội không đóng vai trò quan trọng.

"Chống người thi hành công vụ" xét về mặt xã hội là một hành vi nguy hiểm vì nó thể hiện sự coi thường kỷ cương phép nước, coi thường tính mạng sức khỏe con người. Người phạm tội vì bảo vệ các lợi ích bất hợp pháp của mình hoặc động cơ tư thù cá nhân nên đã chống đối lại người thi hành công vụ, những người thực hiện nhiệm vụ không vì lợi ích của cá nhân mà của toàn xã hội. Khi tình tiết "chống người thi hành công vụ" được chuyển từ

dấu hiệu định tội sang dấu hiệu định khung hình phạt, tất cả các tội có dấu hiệu này đều quy định tại khung hình phạt tăng nặng. Điều đó chứng tỏ phần nào thái độ của nhà làm luật đối với hành vi này, căn cứ vào các nguyên nhân sau:

Hành vi phạm tội đối với người thi hành công vụ nhằm cản trở người thi hành công vụ, trả thù vì lý do công vụ của nạn nhân, đã gây ra hoặc đe dọa gây ra những hậu quả có tính chất và mức độ nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng và một loạt các ảnh hưởng xấu khác do hành vi này gián tiếp gây ra. Về mặt lý luận, tính chất và mức độ của thiệt hại được xác định bởi tính chất và mức độ biến đổi của đối tượng tác động của tội phạm, và việc đánh giá này phải đặt trong mối liên hệ với tổng thể các tình tiết của vụ án, không tách rời điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của tội phạm cũng như các ảnh hưởng xấu về mọi mặt của tội phạm. Đối tượng tác động của tội phạm chính là người thi hành công vụ, tùy từng trường hợp cụ thể được quy định trong các điều luật khác nhau, hậu quả mà người phạm tội gây ra cho người thi hành công vụ rất đa dạng, có thể là thiệt hại về tính mạng (Tội giết người - Điều 93), thiệt hại về sức khỏe (Tội cố ý gây thương tích - Điều 104), thiệt hại về danh dự nhân phẩm (Tội vu khống - Điều 122)...

Yếu tố xét đến thứ hai, đó là mức độ lỗi của người phạm tội, là mức độ quyết tâm của người phạm tội. Mức độ này càng cao thì độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi chống người thi hành công vụ càng lớn. Người phạm tội hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật và hậu quả do hành vi đó có thể xảy ra nhưng vẫn thực hiện tội phạm. Tất cả các tội có dấu hiệu định khung "vì lý do công vụ của nạn nhân", "đối với người thi hành công vụ",... được thực hiện bởi lỗi cố ý, người phạm tội mong muốn thực hiện hành vi của mình nhằm mục đích cản trở, đe dọa, trả thù vì tư thù cá nhân với người thi hành công vụ, hoàn toàn không có trường hợp lỗi vô ý ở đây. Người phạm tội càng nhận thức rõ bao nhiêu về hành vi phạm tội của họ đã thực hiện thì mức độ lỗi sẽ càng lớn bấy nhiêu.

Yếu tố thứ ba, xét về tính chất của động cơ thực hiện hành vi phạm tội, có thể giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân, cố ý gây thương tích cho người thi hành công vụ, làm nhục người thi hành công vụ..., động cơ của người phạm tội đã trực tiếp làm tăng mức độ nguy hiểm của lỗi và tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà họ thực hiện. Các động cơ của người phạm tội khi thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ nhằm cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ, hoặc trả thù vì lý do công vụ của nạn nhân, tất cả nhằm mục đích bảo vệ lợi ích bất hợp pháp của người phạm tội, có thể coi đây là một dạng của động cơ đê hèn. Nạn nhân là người thực hiện công việc vì lợi ích công, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của xã hội nhưng lại bị tác động bởi hành vi phạm tội nhằm vào công vụ đó và nhằm hướng đến bản thân người thi hành công vụ. Điều đó càng thể hiện rõ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi này.

Hoàn cảnh phạm tội cũng là tình tiết để Tòa án đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội bởi có hoàn cảnh phạm tội làm tăng mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhưng cũng có hoàn cảnh phạm tội làm giảm mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Với hành vi phạm tội xảy ra đối với người thi hành công vụ, tùy từng trường hợp hoàn cảnh phạm tội, có thể là trước, trong, hoặc sau khi nạn nhân thi hành công vụ. Ví dụ tình tiết "giết người đang thi hành công vụ", hoàn cảnh phạm tội là khi nạn nhân đang thi hành công vụ, mục đích để nạn nhân không thể tiếp tục thực hiện, thể hiện tính chống đối và cản trở mạnh mẽ, yếu tố thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi giết người là không muốn nạn nhân thực hiện công vụ của họ.

Tất cả những dấu hiệu trên là căn cứ pháp lý cần thiết để dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" là dấu hiệu định khung hình phạt trong Luật hình sự.

Từ những phân tích và nhận định như trên, vị trí của dấu hiệu định khung này được quy định tại các điều luật sau trong Bộ luật hình sự hiện hành:

### ***a) Tội giết người (Điều 93 - điểm d khoản 1)***

Điều 93 quy định: "Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình: d/ Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân" [28]

Nhà làm luật đã thiết kế Điều 93 BLHS tương đối đặc biệt hơn so với các Điều luật khác trong phần tội phạm, đó là cấu thành cơ bản của tội phạm ở khoản 1 điều này lại là cấu thành tăng nặng và khoản 2 của điều luật này lại là cấu thành giảm nhẹ. Theo đó nếu như không có 16 tình tiết tăng nặng tại các điểm từ a đến q của khoản 1 (thực ra không phải chỉ có 16 tình tiết tăng nặng mà trong các điểm còn có thiết kế ghép các tình tiết tăng nặng khác nhau. Ví dụ, điểm d "giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân" hoặc điểm đ "giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình"), thì người phạm tội chỉ bị xử phạt theo khoản 2 Điều 93 BLHS, trong nghề Tòa án vẫn gọi là giết người thông thường.

Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" ở Điều 93 là tình tiết định khung tăng nặng, cụ thể là hành vi giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân. Giết người đang thi hành công vụ là trường hợp người bị giết đang thi hành công vụ của mình, đang thực hiện một nhiệm vụ được Nhà nước giao phó, có thể là đương nhiên do nghề nghiệp quy định hoặc những người tuy không được giao nhiệm vụ nhưng tự nguyện tham gia vào việc giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong một số trường hợp. Nạn nhân bị chết khi họ đang thi hành nhiệm vụ và nhiệm vụ của họ là đúng pháp luật. Mục đích phạm tội của người thực hiện hành vi giết người là ngăn cản nạn nhân tiếp tục thực hiện công vụ đó, do công vụ có ảnh hưởng đến quyền lợi của người phạm tội. Giết người vì lý do công vụ của nạn nhân, thời điểm nạn nhân bị giết không phải khi đang thi hành công vụ, mà có thể là trước hoặc sau đó, thông thường nạn nhân đã thi hành một nhiệm vụ, làm cho người phạm tội thì oán nên đã giết chết họ.

***b) Tội đe dọa giết người (Điều 103 - điểm b khoản 2)***

Điều 103 quy định:

1. Người nào đe dọa giết người, nếu có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 3 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm: b/ Đối với người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân [28].

Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" được đưa vào điểm b khoản 2 của Điều 103, với đối tượng của hành vi đe dọa giết người là người thi hành công vụ, thể hiện sự nguy hiểm của tội phạm. Nếu chỉ truy cứu TNHS người phạm tội có hành vi đe dọa giết người thi hành công vụ như tại khoản 1 điều này sẽ không thể hiện được tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi bị cáo thực hiện, không động viên được những người làm nhiệm vụ chính đáng của Nhà nước, xã hội. Người thi hành công vụ trong trường hợp này, chỉ bị đe dọa bị giết và họ cũng tin rằng mình sẽ bị giết. Đây là cấu thành tăng nặng mới được quy định tại điều luật này của BLHS, nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình tội phạm.

***c) Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 104)***

Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân là trường hợp người phạm tội đã gây tổn hại cho sức khỏe của người thi hành công vụ. Hành vi của người phạm tội phải tác động đến thân thể của người thi hành công vụ làm cho họ bị thương, bị tổn hại đến sức khỏe như đâm chém, đâm, đá, đốt cháy... hành vi này về hình thức giống như hành vi của Tội giết người nhưng tính chất và mức độ nguy hiểm thấp hơn, chỉ làm nạn nhân bị thương hoặc bị tổn hại sức khỏe, chứ không làm cho nạn nhân bị chết. Người phạm tội thông thường gây thương tích cho nạn nhân để cản trở việc thi hành công vụ của họ.

Trường hợp vì lý do công vụ của người thi hành công vụ, nếu thương tích của người bị hại dưới 11% thì người phạm tội bị truy cứu TNHS theo khoản 1 Điều 104 BLHS, nếu thương tích của người bị hại từ 11% đến 30% thì người phạm tội bị truy cứu TNHS theo khoản 2 Điều 104 BLHS, nếu thương tích của người bị hại từ 31% đến 60% thì người phạm tội bị truy cứu TNHS theo khoản 3 Điều 104.

***d) Tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 117)***

Theo Điều 117: "1. Người nào biết mình bị nhiễm HIV mà cố ý lây truyền bệnh cho người khác, thì bị phạt tù từ 1 năm đến 3 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 3 năm đến 7 năm: ...d/ Đối với người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân" [28].

Hành vi này, dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" được thể hiện ở đối tượng tội phạm tác động, quy định ở khung hình phạt tăng nặng TNHS.

Đây là hành vi của một người biết mình bị nhiễm HIV mà cố ý truyền bệnh cho người khác dưới bất kỳ hình thức nào, họ mong muốn hoặc để mặc nạn nhân bị nhiễm HIV. Người bị hại là người bị lây truyền HIV (cụ thể ở điểm d khoản 2 Điều 117 là người thi hành công vụ) do hành vi của người phạm tội gây ra.

Người phạm tội có thể thực hiện hành vi không chỉ vì động cơ cản trở người thi hành công vụ mà có thể vì bất kỳ động cơ nào. Tuy nhiên nếu vì lý do công vụ của nạn nhân mà người phạm tội cố ý truyền HIV cho người thi hành công vụ thì cần xác định nạn nhân phải là người đã thi hành một công vụ và vì việc thi hành công vụ đó mà đã trở thành đối tượng của tội phạm này.

***e/ Tội cố ý truyền HIV cho người khác (Điều 118 - điểm d khoản 2)***

Điều luật quy định:

1. Người nào cố ý truyền HIV cho người khác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điều 117 của Bộ luật hình sự thì bị phạt

tù từ 3 năm đến 10 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân: ...d/ Đối với người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân [28].

Cố ý truyền HIV cho người khác là trường hợp người phạm tội không bị nhiễm HIV nhưng đã cố ý truyền HIV từ người này sang người khác.

Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" ở điều luật này thể hiện ở việc người phạm tội đã có hành vi cố ý truyền HIV cho người thi hành công vụ, hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân. Tuy nhiên khác với Điều 117, người phạm tội không phải là người lây truyền HIV trong cơ thể mình đã bị nhiễm cho người thi hành công vụ, mà là truyền HIV của người khác.

#### ***f/ Tội làm nhục người khác (Điều 121 - điểm d khoản 2)***

Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" là dấu hiệu định khung tại điểm d khoản 2, trong đó phạm tội đối với người thi hành công vụ, yếu tố chống người thi hành công vụ là dấu hiệu định khung tăng nặng TNHS. Đây là trường hợp người thi hành công vụ là người bị hại, vì họ thi hành công vụ của mình mà bị người phạm tội làm nhục, bao gồm cả trường hợp đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

Làm nhục người thi hành công vụ là hành vi nghiêm trọng hơn làm nhục người khác vì khi thi hành công vụ, người bị hại đã thay mặt nhà nước, tổ chức xã hội chứ không phải vì nhân danh cá nhân họ. Làm nhục người thi hành công vụ là làm mất uy tín, giảm lòng tin của nhân dân đối với cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, chứ không đơn thuần là hạ thấp uy tín của cá nhân người thi hành công vụ.

#### ***g/ Tội vu khống (Điều 122 - điểm đ khoản 2)***

Người thi hành công vụ là đối tượng của tội phạm này tại khung tăng nặng TNHS, theo đó người phạm tội đã bịa đặt, loan truyền những điều biết rõ là bịa đặt nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thi hành công vụ, hoặc bịa đặt người thi

hành công vụ phạm tội và tố cáo họ trước pháp luật. Đây là hành vi nghiêm trọng, nhà làm luật đã sử dụng dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" là tình tiết định khung của tội phạm này.

Ngoài ra, dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" còn là dấu hiệu định khung của các tội sau:

***h/ Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (Điều 123 - điểm c khoản 2)***

Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" là dấu hiệu định khung tại điểm c khoản 2 Điều 123, phạm tội "đối với người thi hành công vụ". Đây là trường hợp người phạm tội thực hiện một trong các hành vi như bắt giữ, hoặc giam người có nhiệm vụ do cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội giao cho vì lợi ích chung của nhà nước, của xã hội như cảnh sát điều tra vụ án, cán bộ thuế, cán bộ kiểm toán... hành vi này làm cản trở việc thực hiện công vụ của họ, hoặc có thể đe dọa uy hiếp, đe dọa người thi hành công vụ.

***i/ Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 143 - điểm đ khoản 2)***

Điểm đ khoản 2 tại Điều 143 được hiểu trong trường hợp này người phạm tội thực hiện hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người thi hành công vụ xuất phát từ việc người đó thực hiện công vụ có liên quan đến người phạm tội, nhằm mục đích trả thù người thi hành công vụ.

***k/ Tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245 - điểm đ khoản 2)***

Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" được nhà làm luật đưa vào Điều luật với tư cách là dấu hiệu định khung, với hành vi hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng.

Đây là hành vi của người phạm tội chống lại người đã can ngăn, ngăn chặn hành vi gây rối trật tự công cộng, có thể đánh người đã góp ý, khuyên can, giải thích hoặc nếu người bảo vệ trật tự công cộng đã có hành động khác cản trở hành vi gây rối để bảo vệ trật tự công cộng.



Từ việc phân tích làm rõ vị trí của dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong Luật hình sự, là dấu hiệu định tội, dấu hiệu định khung hình phạt của một loạt các tội phạm, chúng ta thấy rõ được tầm quan trọng của dấu hiệu này trong vai trò là cơ sở pháp lý cho việc giải quyết các vụ án có liên quan đến việc chống người thi hành công vụ, mặt khác thể hiện thái độ của nhà làm luật đối với người phạm tội, đặc biệt trong tình hình khi các hành vi chống người thi hành công vụ đang xảy ra phức tạp với tính chất nguy hiểm ngày một tăng, đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe những người đang thay mặt nhà nước thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm sự ổn định, vững mạnh của nhà nước, trật tự quản lý hành chính, trật tự công cộng nói chung.

#### **1.4. MỐI QUAN HỆ GIỮA DẤU HIỆU "CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ" VÀ HÌNH PHẠT**

Hình phạt là một khái niệm cơ bản trong Luật hình sự có mối quan hệ tương ứng với khái niệm tội phạm. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, thì có quan niệm như thế nào về tội phạm sẽ có quan điểm như thế ấy về bản chất và mục đích của hình phạt. Tại Điều 26 BLHS 1999 nêu khái niệm hình phạt, đó là "biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước nhằm tước bỏ, hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội". Về mục đích của hình phạt, lịch sử phát triển của nhân loại đã có nhiều quan điểm về mục đích của hình phạt. Trước đây trong các xã hội có chế độ tư hữu, quan điểm phổ biến cho rằng mục đích của hình phạt là trừng trị người phạm tội, thông qua bộ máy nhà nước. Nhưng sau đó quan điểm này dần dần phải nhường chỗ cho các học thuyết tiến bộ và nhân đạo, nhìn nhận hình phạt như một trong các biện pháp phòng ngừa tội phạm, trong đó có việc phòng ngừa tái phạm của người phạm tội (phòng ngừa riêng) và phòng ngừa người khác phạm tội (phòng ngừa chung), đây chính là thành quả của sự phát triển về vật chất và giải phóng tinh thần của nhân loại.

Trước đây trong BLHS 1985, tại Điều 20, mục đích của hình phạt đã được nhà làm luật thể hiện rõ:

Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn nhằm cải tạo họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm [28].

Mục đích này cũng được thể hiện rõ nét trong Điều 27 BLHS hiện hành:

Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm [28].

Tuy nhiên việc nhận thức đúng về mục đích của hình phạt là một trong những yêu cầu quan trọng để xác định hiệu quả của hình phạt. Dưới góc độ hình sự và tội phạm học có thể phân chia mục đích của hình phạt thành 3 loại: 1/ Cải tạo, giáo dục phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung; 2/ Loại trừ nguyên nhân và điều kiện phạm tội; 3/ Loại trừ tội phạm. Việc đánh giá hiệu quả của hình phạt gắn liền với các mục đích trên.

Loại và mức hình phạt sẽ thể hiện tính chất và mức độ của hành vi phạm tội; phản ánh thái độ của nhà nước đối với tính chất và mức độ của từng tội phạm, là thước đo sự lên án của xã hội đối với người thực hiện tội phạm. Hệ thống hình phạt trong luật hình sự của nước ta được sắp xếp theo thứ tự từ nhẹ đến nặng và được phân chia thành hai loại: Hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

Hình phạt chính là hình phạt được tuyên một cách độc lập, mỗi tội phạm chỉ có thể bị tuyên một hình phạt chính không bị phụ thuộc vào các hình phạt khác. Hình phạt chính theo Điều 28 BLHS bao gồm: Cảnh cáo; Phạt tiền; Cải tạo không giam giữ; Trục xuất; Tù có thời hạn; Tù chung thân; Tử hình. Hình phạt bổ sung là loại hình phạt không được tuyên một cách độc lập mà phải tuyên kèm theo với hình phạt chính. Hình phạt bổ sung được quy định cho một số tội phạm nhất định mà không được quy định cho một tội

phạm. Nhưng khi đã quy định hình phạt bổ sung cho một tội phạm nhất định thì tòa án có thể áp dụng một hoặc nhiều hình phạt bổ sung cho một tội phạm. Theo khoản 2 Điều 28 BLHS, hình phạt bổ sung bao gồm: Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; Cấm cư trú; Quản chế; Tước một số quyền công dân; Tịch thu tài sản; Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính; Trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính. Trong phần các tội phạm của BLHS, hình phạt bổ sung được quy định bằng hai cách: *a/ Bắt buộc phải áp dụng; b/ Tùy nghi*. Nếu trường hợp đối với tội mà bị cáo đã thực hiện có quy định hình phạt bổ sung là bắt buộc thì tòa án phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với người phạm tội. Còn trong trường hợp đối với tội phạm mà luật hình sự quy định hình phạt bổ sung là tùy nghi, tòa án có quyền căn cứ vào các tình tiết cụ thể của vụ án mà quyết định có hay không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người phạm tội. Hình phạt bổ sung có tác dụng hỗ trợ cho hình phạt chính, tạo cơ sở pháp lý để cá thể hóa TNHS và hình phạt, xử lý người phạm tội một cách công bằng, triệt để, phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm và những đặc điểm nhân thân người phạm tội nhằm đạt được những hiệu quả cao nhất theo mục đích của hình phạt.

Các tội có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" được quy định rải rác tại các Chương, các điều luật khác nhau trong phần các tội phạm của Bộ luật hình sự, xâm hại đến nhiều khách thể được nhà nước bảo vệ khác nhau, chính vì vậy, chính sách hình sự của nhà nước a đối với loại tội phạm này khá nghiêm khắc, được thể hiện qua việc quy định loại, mức, và khung hình phạt cho các tội phạm có dấu hiệu chống người thi hành công vụ. Ngoài các tội phạm có dấu hiệu chống người thi hành công vụ được quy định là dấu hiệu định tội, tất cả các tội phạm chống người thi hành công vụ còn lại đều quy định "chống người thi hành công vụ" là tình tiết định khung hình phạt tăng nặng, so với khung hình phạt cơ bản, mức độ nghiêm khắc đã thể hiện rõ ràng. Có thể so sánh tính nghiêm khắc của hình phạt dành cho loại tội phạm này thông qua quy định của BLHS 1985 và BLHS hiện hành như sau:

**Bảng 1.1: So sánh các hình phạt cho loại tội phạm có dấu hiệu  
"chống người thi hành công vụ" giữa BLHS 1985 và BLHS hiện hành**

<b>Tội danh</b>	<b>BLHS 1985</b>	<b>BLHS hiện hành</b>
<b>Tội khủng bố (nhằm chống chính quyền nhân dân)</b>	Khoản 1 Điều 78: phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình. Khoản 2: phạt tù từ 5 năm đến 15 năm Khoản 3: phạt tù từ 2 năm đến 7 năm Hình phạt bổ sung: Có thể bị tước quyền công dân từ 1 năm đến 5 năm; bị quản chế hoặc cấm cư trú từ 1 năm đến 5 năm; bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.	Khoản 1 Điều 84: phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình. Khoản 2: phạt tù từ 5 năm đến 15 năm Khoản 3: phạt tù từ 2 năm đến 7 năm Hình phạt bổ sung: có thể bị tước một số quyền công dân từ một năm đến năm năm, phạt quản chế, cấm cư trú từ một năm đến năm năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.
<b>Tội phá rối an ninh</b>	Khoản 1 Điều 83: phạt tù từ 5 năm đến 15 năm Khoản 2: đồng phạm bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm Hình phạt bổ sung: có thể bị tước một số quyền công dân từ một năm đến năm năm, phạt quản chế, cấm cư trú từ một năm đến năm năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.	Khoản 1 Điều 89: phạt tù từ 5 năm đến 15 năm Khoản 2: đồng phạm bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm Hình phạt bổ sung: có thể bị tước một số quyền công dân từ một năm đến năm năm, phạt quản chế, cấm cư trú từ một năm đến năm năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.
<b>Tội chống người thi hành công vụ</b>	Khoản 1 Điều 205: cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm Khoản 2: phạt tù từ 2 năm đến 10 năm	Khoản 1 Điều 257: cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Khoản 2: phạt tù từ 2 năm đến 7 năm
<b>Tội giết người</b>	Điểm c khoản 1 Điều 101: bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình Hình phạt bổ sung: có thể bị cấm đảm nhiệm những chức vụ, làm những nghề hoặc công việc nhất định từ hai năm đến năm năm; bị phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.	Điểm d khoản 1 Điều 93: bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.
<b>Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác</b>	Điểm b khoản 2 Điều 109: bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm Khoản 3 Điều 109: phạt tù từ 5 năm đến 20 năm	Điểm k khoản 1 Điều 104: phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm Khoản 2 Điều 104: phạt tù từ 2 năm đến 7 năm Khoản 3 Điều 104: phạt tù từ 5 năm đến 15 năm
<b>Tội đe dọa giết người</b>	Điều 108 quy định chung cho tất cả các hành vi đe dọa giết người, không cụ thể hóa các đối tượng, mục đích riêng, không có khung hình phạt tăng nặng (cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc bị phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm)	Điểm b khoản 2 Điều 103: bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.

<b>Tội lây truyền HIV cho người khác</b>		Điểm d khoản 2 Điều 117: bị phạt tù từ 3 năm đến 7 năm.
<b>Tội cố ý truyền HIV cho người khác</b>		Điểm d khoản 2 Điều 118: bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Hình phạt bổ sung: có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm
<b>Tội làm nhục người khác</b>	Khoản 2 Điều 116: phạt cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.	Điểm d khoản 2 Điều 121: bị phạt tù từ 1 năm đến 3 năm Hình phạt bổ sung: có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm
<b>Tội vu khống</b>	Chưa đưa dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" vào điều luật: Khoản 1 Điều 117: bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc bị phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm. Khoản 2: bị phạt tù từ 1 năm đến 7 năm.	Điểm d khoản 2 Điều 122: bị phạt tù từ 1 năm đến 7 năm. Hình phạt bổ sung: có thể bị phạt tiền từ một triệu đồng đến mười triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.
<b>Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật</b>	Chưa đưa dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" vào điều luật. Khoản 1 Điều 119: bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm. Khoản 2: bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm. Khoản 3: bị phạt tù từ ba năm đến mười năm. Hình phạt bổ sung: có thể bị cấm đảm nhiệm những chức vụ nhất định từ 2 năm đến 5 năm.	điểm c khoản 2 Điều 123: bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm. Khoản 3 Điều 123: phạt tù từ 3 năm đến 10 năm Hình phạt bổ sung: có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 1 năm đến 5 năm.
<b>Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản</b>	Tương tự như các tội trên, BLHS 1985 chưa đưa dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" vào điều luật. Khoản 1 Điều 160: phạt tù từ 6 tháng đến 5 năm; khoản 2: phạt tù từ 3 năm đến 12 năm; khoản 3: phạt tù từ 10 năm đến 20 năm	Điểm đ khoản 2 Điều 143: phạt tù từ 2 năm đến 7 năm. Khoản 3: phạt tù từ 7 năm đến 15 năm. Khoản 4: phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Hình phạt bổ sung: có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.
<b>Tội gây rối trật tự công cộng</b>	Điểm c khoản 2 Điều 198: phạt tù từ 1 năm đến 7 năm.	Điểm đ khoản 2 Điều 245: bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.

*Nguồn: Tác giả luận văn tự tổng hợp từ BLHS 1985 và BLHS hiện hành.*

So sánh hình phạt của các tội có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong BLHS năm 1985 với các quy định trong BLHS hiện hành, mức độ nghiêm khắc của các loại hình phạt đã được thể hiện rõ nét. Cụ thể, tăng mức hình phạt tù có thời hạn của một số tội (ví dụ Tội đe dọa giết người, Tội gây rối trật tự công cộng...) và bổ sung thêm hình phạt bổ sung kèm theo đối với một số tội (ví dụ: Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản; Tội vu khống, Tội làm nhục người khác...). Chế tài trong các hình phạt của các tội có dấu hiệu chống người thi hành công vụ chủ yếu là hình phạt tù, 100% điều luật đều có quy định hình phạt tù (bao gồm cả tù có thời hạn và tù chung thân), nếu như ở khung hình phạt cơ bản bao gồm nhiều hình phạt khác như phạt tiền, cải tạo không giam giữ thì ở những khung hình phạt tăng nặng có dấu hiệu này, mức chế tài nghiêng về hình phạt tù. Cụ thể với các hình phạt chính nằm trong các tội có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" được thể hiện như sau: a/ Cảnh cáo: không tội phạm nào quy định; b/ Phạt tiền: không tội phạm nào quy định; c/ Cải tạo không giam giữ: được quy định ở 2 tội; d/ Hình phạt tù có thời hạn dưới 7 năm tù: có 11 tội quy định; e/ Hình phạt tù có thời hạn từ 7 năm đến 15 năm: có 7 tội quy định; f/ Hình phạt tù có thời hạn từ 15 năm đến 20 năm: có 4 tội quy định; g/ Hình phạt tù chung thân: có 4 tội quy định; h/ Tử hình: có 2 tội quy định.

Các quy định của pháp luật hình sự về hệ thống hình phạt, từng loại hình phạt và từng chế tài cụ thể cũng như những vấn đề có liên quan khác đối với các tội có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" là tiền đề quan trọng bước đầu để nâng cao hiệu quả của hình phạt. Hệ thống hình phạt phản ánh thái độ của nhà nước đối với tính chất và mức độ của từng tội phạm, là thước đo sự lên án của xã hội đối với người thực hiện tội phạm, đặc biệt đối với những hành vi phạm tội đối với người thực thi công vụ của nhà nước.

## 1.5. DẤU HIỆU "CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ" TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

### 1.5.1. Bộ luật Hình sự Nhật Bản

Bộ luật Hình sự Nhật Bản được công bố ngày 24 tháng 4 năm 1097 và được ban hành ngày 1 tháng 10 năm 1908. Đây là một trong những bộ pháp điển cơ bản được cấu thành từ 6 văn bản luật. Tuy nhiên không phải tất cả các tội phạm và hình phạt đều được quy định trong bộ luật này, có những loại tội danh khác được quy định riêng trong những bộ luật đặc biệt khác.

Bộ luật Hình sự hiện hành của Nhật Bản được sửa đổi, bổ sung ngày 24 tháng 6 năm 2011. Xét về kết cấu, Bộ luật này cũng được chia thành hai phần tương tự như Bộ luật Hình sự của Việt Nam, đó là Phần thứ nhất: các quy định chung và Phần thứ hai: Tội danh.

*Phần thứ nhất* được chia thành 13 chương, trong đó quy định về các điều khoản cơ bản, hình phạt, cách tính thời gian, án treo, thả ra trước thời hạn, thời hiệu của án và xóa án, phạm tội chưa đạt và miễn giảm hình phạt, tổng hợp hình phạt, phạm tội nhiều lần, đồng phạm, cân nhắc giảm nhẹ hình phạt, phương pháp tăng nặng và giảm nhẹ.

*Phần thứ hai* là phần tội danh, trong đó được phân thành các chương (bao gồm 40 chương tội danh), quy định các tội phạm cụ thể và mức hình phạt đối với các tội phạm đó.

Tương tự như BLHS Việt Nam, dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" cũng được thể hiện tại phần tội danh của BLHS Nhật Bản, tuy nhiên vị trí của dấu hiệu này không được thể hiện rộng rãi tại các chương khác nhau, các điều luật cụ thể khác nhau mà hầu như được quy định rất ít. Cụ thể:

- Tại Chương 5 "Tội cản trở việc thi hành công vụ" của phần Tội danh từ Điều 95 đến Điều 96 - 6:

***Điều 95: Tội cản trở việc thi hành công vụ***

1. Liên quan đến việc thi hành công vụ, người nào hành hung hoặc đe dọa công chức thì bị phạt tù giam, hoặc tù cấm cố dưới 3 năm, hoặc bị phạt tiền dưới 50 vạn yên.

2. Người nào hành hung hoặc đe dọa công chức với mục đích làm cho người đó phải bị xử lý hoặc nếu không làm cho họ bị xử lý thì cũng làm cho người đó phải rời vị trí công tác thì cũng áp dụng tương tự như khoản trên.

***Điều 96: Tội phá hủy dấu niêm phong***

Người nào phá hủy dấu đóng niêm phong hoặc phá hủy biểu thị dấu niêm phong hoặc biểu thị thu giữ; hoặc tìm cách khác để làm vô hiệu thì bị phạt tù dưới 2 năm hoặc bị phạt tiền dưới 20 vạn Yên.

***Điều 96-2: Tội cản trở việc thi hành cưỡng chế***

1. Với mục đích trốn thoát việc thi hành cưỡng chế mà giấu giếm hoặc là phá hoại tài sản, hoặc là tạm giả vờ chuyển nhượng cho người khác, hoặc là giả vờ đang vay nợ thì bị phạt tù dưới 2 năm hoặc bị phạt tiền dưới 50 vạn Yên. Những người biết rõ tình hình mà chuyển nhượng theo quy định của Khoản 3 hoặc trở thành người đối phương có quyền lợi thì cũng bị phạt tương tự.

2. Chịu thi hành cưỡng chế hoặc chịu thi hành mà lại giấu giếm tài sản, hủy hoại, hoặc giả vờ chuyển nhượng tài sản đó, hoặc là có hành vi giả vờ chịu trách nhiệm vay nợ.

3. Có hành vi chuyển nhượng hoặc tạo ra quyền lợi với điều kiện không có công và không có những lợi ích khác về tài sản chịu thi hành tiền bạc.

***Điều 96-3: Tội cản trở đấu giá***

1. Tất cả những người nào có các hành vi như dùng mưu kế hoặc uy lực để xâm hại sự công chính trong việc đấu giá hoặc đấu thầu, thì sẽ bị phạt tù dưới 2 năm hoặc phạt tiền dưới 250 vạn Yên.



2. Những người nào thông đồng với nhau với mục đích trục lợi hoặc gây tổn hại làm mất công chính giá cả thì cũng tương tự như khoản trên.

**Điều 96-4: Cản trở đấu giá liên quan tới thi hành cưỡng chế**

Người nào mà có hành vi toan tính hoặc uy hiếp trong việc thi hành cưỡng chế hoặc có hành vi gây trở ngại cho việc bán đấu giá công chính thì sẽ bị xử phạt tù dưới 3 năm hoặc bị phạt tiền dưới 250 vạn Yên, hoặc có thể bị cả hai hình phạt trên.

**Điều 96-5: Để người khác hủy hoại con dấu niêm phong tài sản kê biên**

Người nào nhận tiền thù lao hoặc với mục đích cho người khác nhận tiền thù lao về Khoản nợ của người khác mà phạm tội từ Điều 96 đến Điều 96-4 thì sẽ bị xử phạt tù dưới 5 năm tù hoặc phạt tiền dưới 500 vạn Yên, hoặc có thể bị xử phạt bằng cả hai hình thức trên.

**Điều 96-6: Cản trở đấu giá liên quan đến hợp đồng nhà nước**

1. Người nào có hành vi toan tính hoặc dùng vũ lực mà cản trở công chính trong việc ký kết hợp đồng bằng việc đấu thầu hoặc đấu giá công khai, thì sẽ bị xử phạt tù giam dưới 3 năm hoặc bị phạt tiền dưới 250 vạn Yên, hoặc sẽ bị xử phạt bằng cả hai hình thức trên.

2. Với mục đích làm cản trở giá trị một cách công chính hoặc với mục đích kiếm lời một cách bất chính mà bàn bạc với nhau, thì cũng bị phạt tương tự như trên [16].

Chương 5 chỉ quy định các tội phạm cản trở việc thi hành công vụ, tức là cản trở lại các hoạt động bình thường của nhà nước, làm ảnh hưởng đến sự quản lý của nhà nước đối với các hoạt động đó, thông qua các hành vi khách quan cũng bao gồm: hành hung, đe dọa công chức, hoặc phá hủy, hủy hoại, dùng mưu kế, mưu lực để xâm hại, để uy hiếp cán bộ công chức, nhằm đạt được mục đích.

Mục đích đó có thể là ngăn chặn công vụ đó được thực hiện, hoặc nhằm mục đích làm cho cán bộ công chức bị xử lý, hoặc rời khỏi vị trí công tác của họ; hoặc cản trở các hoạt động của nhà nước đang tiến hành như thi hành cưỡng chế, đấu giá; nhằm hủy hoại con dấu niêm phong tài sản kê biên ...

- Tại chương 8: Tội gây rối trật tự công cộng

***Điều 106: Gây rối trật tự công cộng***

Người nào có hành vi tụ tập đám đông lại để đánh đập hoặc đe dọa, thì bị xem là phạm tội gây rối trật tự công cộng và sẽ bị xử phạt theo sự phân biệt dưới đây:

1. Người chủ mưu thì bị phạt tù giam hoặc tù cấm cố trên 1 năm đến dưới 10 năm.

2. Người chỉ huy hoặc cầm đầu những người khác và hô hào gây rối trật tự công cộng thì bị phạt tù giam hoặc tù cấm cố trên 6 tháng đến dưới 7 năm.

3. Người chỉ đơn thuần tham gia vào đám đông thì bị phạt tiền dưới 10 vạn Yên.

***Điều 107: Tụ tập không chịu giải tán***

Trong trường hợp nhiều người cùng tụ tập với mục đích hành hung hoặc đe dọa, tuy đã bị công chức có thẩm quyền ra lệnh giải tán hơn 3 lần mà không chịu giải tán, thì người chủ mưu sẽ bị phạt tù giam hoặc tù cấm cố dưới 3 năm, còn những người khác thì bị phạt tiền dưới 10 vạn Yên [16].

Ở chương tội phạm này quy định hai tội phạm có dấu hiệu chống lại mệnh lệnh của nhà nước, chống đối người thi hành công vụ, đó là gây rối trật tự công cộng với các hành vi tụ tập đám đông với mục đích đe dọa hoặc đánh đập, cản trở hoạt động thông thường của các tụ điểm công cộng, hoặc hành vi tụ tập và không chấp hành lệnh giải tán của công chức.

Hầu hết các tội phạm được BLHS Nhật bản quy định có dấu hiệu chống lại việc thi hành công vụ, chống lại người thi hành công vụ đều nằm trong hai chương này. Điều này khác với BLHS Việt Nam, Tội chống người thi hành công vụ được coi là một điều luật độc lập nằm trong một chương Tội phạm, còn lại nếu hành vi chống người thi hành công vụ thỏa mãn điều kiện của các tội phạm khác thì sẽ bị xử lý theo tùy từng tội phạm tương ứng cụ thể. Dấu hiệu này hầu như không được thể hiện tại các tình tiết tăng nặng TNHS của BLHS Nhật Bản, các tội phạm phần lớn đều chỉ có một khung cơ bản, ví dụ: Tội giết người, theo Điều 199 BLHS Nhật Bản: "*Người nào giết người thì bị phạt tử hình; tù chung thân hoặc phạt tù trên 5 năm*". Vậy ở đây mức hình phạt quy định chung cho hành vi tước đoạt tính mạng của người khác, trong điều luật này không đề cập đến các tình tiết tăng nặng TNHS; hoặc đối với Điều 204 Thương tích: "*Người nào gây ra thương tích cho người khác thì bị phạt tù dưới 15 năm hoặc phạt tiền dưới 50 vạn Yên*".

BLHS Nhật Bản chưa cụ thể hóa các hành vi có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" như BLHS Việt Nam hiện hành, hơn nữa, mức hình phạt BLHS đưa ra chưa đủ sự nghiêm khắc để có thể đấu tranh giảm thiểu hành vi này trong cuộc sống.

### **1.5.2. Bộ luật Hình sự Cộng hòa Liên bang Đức**

Bộ luật Hình sự Cộng hòa Liên bang Đức được kết cấu thành hai phần, đó là Phần chung và Phần riêng (tương tự như BLHS Việt Nam hiện hành).

Phần chung gồm có 5 chương, với nội dung cụ thể từng chương như sau:

*Chương thứ nhất:* Luật hình sự (phạm vi hiệu lực, sử dụng từ ngữ)

*Chương thứ hai:* Hành vi (Các cơ sở của sự xử phạt; phạm tội chưa đạt; thực hiện tội phạm và tòng phạm; phòng vệ khẩn cấp và tình trạng khẩn cấp; không xử phạt đối với các bày tỏ hoặc báo cáo tại Quốc hội)

*Chương thứ ba:* Các hậu quả pháp lý của hành vi (các hình phạt; lượng hình; lượng hình ở trường hợp nhiều vi phạm luật; dùng hình phạt để

thử thách; cảnh báo với việc treo hình phạt; biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn; thu lại và tịch thu)

*Chương thứ tư:* Đề nghị xử phạt, ủy thác, yêu cầu xử phạt

*Chương thứ năm:* Thời hiệu (thời hiệu truy cứu; thời hiệu chấp hành án)

Phần chung gồm có 29 chương tội phạm, cụ thể:

*Chương 1:* Chống hòa bình, phản bội nhà nước và gây nguy hại cho nhà nước pháp quyền dân chủ

*Chương 2:* Phản quốc và gây nguy hại cho an ninh đối ngoại

*Chương 3:* Các tội xâm phạm các nhà nước nước ngoài

*Chương 4:* Các tội xâm phạm các cơ quan hiến pháp cũng như các tội phạm trong bầu cử và biểu quyết

*Chương 5:* Các tội xâm phạm quốc phòng

*Chương 6:* Chống đối quyền lực nhà nước

*Chương 7:* Các tội xâm phạm trật tự công cộng

*Chương 8:* Làm giả tiền và tem có mệnh giá

*Chương 9:* Khai báo không thể sai và thẻ giả dối

*Chương 10:* Vu cáo

*Chương 11:* Các tội phạm liên quan đến tôn giáo và thế giới quan

*Chương 12:* Các tội phạm xâm phạm hộ tịch, hôn nhân và gia đình

*Chương 13:* Các tội xâm phạm sự tự quyết về tình dục

*Chương 14:* Xúc phạm

*Chương 15:* Xâm phạm phạm vi bí mật cuộc sống cá nhân và bí mật cá nhân

*Chương 16:* Các tội xâm phạm tính mạng

*Chương 17:* Các tội xâm phạm sự nguyên vẹn thân thể

*Chương 18:* Các tội xâm phạm tự do cá nhân

*Chương 19: Trộm cắp và lấy trái phép*

*Chương 20: Cướp và cưỡng đoạt*

*Chương 21: Trợ giúp và tiêu thụ của gian*

*Chương 22: Lừa đảo và bội tín*

*Chương 23: Làm giả giấy chứng nhận*

*Chương 24: Các tội phạm về việc không trả được nợ*

*Chương 25: Hành vi tư lợi bị xử phạt*

*Chương 26: Các tội phạm về cạnh tranh*

*Chương 27: Làm hư hỏng đồ vật*

*Chương 28: Các tội phạm gây nguy hiểm chung*

*Chương 29: Các tội xâm phạm môi trường*

Nghiên cứu về dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong Bộ luật Hình sự Cộng hòa Liên bang Đức, trong 29 chương về các tội phạm, tinh thần đấu tranh chống lại hành vi có dấu hiệu chống người thi hành công vụ đã được thể hiện ở việc Nhà nước Cộng hòa Liên bang Đức quy định trong BLHS những tình tiết, hành vi được coi là tội phạm khi tác động đến người thi hành công vụ, đến hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước, trật tự quản lý nhà nước. Dấu hiệu này được thể hiện trong các Điều luật sau:

Tại chương 6 - Chống đối quyền lực nhà nước, hành vi chống người thi hành công vụ được BLHS quy định trong 3 điều: Điều 113, Điều 114 và Điều 121.

Điều 113 (Tội Chống đối công chức nhà nước thi hành công vụ) quy định nội dung tương tự với Tội chống người thi hành công vụ (Điều 257 BLHS Việt Nam hiện hành), trong đó hành vi khách quan bao gồm: bằng bạo lực hoặc đe dọa với bạo lực một nhà chức trách hay quân nhân của quân đội liên bang được giao thi hành những đạo luật, những văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan hành pháp, những bản án, nghị quyết của tòa án hoặc lệnh,

trong khi đang thực hiện hành vi công vụ này; hoặc hành vi tấn công người thi hành công vụ kể trên. Tình tiết định khung hình phạt tăng nặng là: 1/ người thực hiện tội phạm hay một người tham gia khác mang theo mình một vũ khí nhằm sử dụng khi thực hiện hành vi; 2/ người thực hiện tội phạm qua một hành vi bạo lực đưa người bị tấn công đến nguy cơ chết người hoặc nguy cơ bị tổn hại nặng về sức khỏe. Tại khoản 3 của điều luật quy định rõ ràng công vụ ở đây phải hợp pháp, nếu trường hợp công vụ không hợp pháp thì điều này không có hiệu lực để xử phạt người thực hiện hành vi đó.

Điều 114 (Chống đối những người như công chức nhà nước thi hành công vụ), về nội dung tương đương như hành vi tại Điều 113, nhưng đã cụ thể hóa đối tượng tác động của tội phạm, chính từ điều luật này đã làm rõ hơn khái niệm người thi hành công vụ. Người thi hành công vụ không những chỉ là những nhà chức trách thuộc nội dung Điều 113, mà còn bao gồm những người có quyền và nghĩa vụ của một công chức cảnh sát hoặc những điều tra viên của viện công tố mà không phải là nhà chức trách, được huy động để trợ giúp hành vi công vụ của những nhà chức trách.

Điều 121 (Nổi loạn của tù nhân) quy định:

Những tù nhân hợp nhau thành nhóm và với sức mạnh thống nhất: 1/ cưỡng ép hoặc tấn công bằng hành động một công chức nhà nước của một trại, một nhà chức trách khác hoặc một người được ủy nhiệm giám sát, chăm lo hay điều tra; 2/ tẩu thoát bằng bạo lực; 3/ dùng bạo lực giúp một trong những tù nhân này hoặc một tù nhân khác tẩu thoát thì bị xử phạt tự do từ 3 tháng đến năm năm [35, tr. 230].

Điều luật này còn kèm theo hai khoản (2) phạm tội chưa đạt bị xử phạt và (3) quy định trường hợp đặc biệt nghiêm trọng với khung hình phạt tăng nặng.

Ba điều luật nằm trong chương Chống đối quyền lực nhà nước quy định những hành vi khách quan khác nhau của người phạm tội, nhưng đều

hướng đến đối tượng là nhà chức trách, công chức nhà nước và những người tuy không phải công chức nhà nước nhưng đang được giao một nhiệm vụ tương tự như công chức; mục đích của người phạm tội nhằm chống đối quyền lực nhà nước, mà đáng lý ra nghĩa vụ của họ là phải chấp hành theo quyền lực, mệnh lệnh đó.

Xuyên suốt hai mươi chín chương các tội phạm cụ thể, dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" chỉ được quy định cụ thể ở chương 6, còn nếu như hành vi này tương ứng với các tội phạm khác sẽ được xử lý theo các điều luật cụ thể tương ứng, tuy nhiên tại các điều luật tương ứng đó đều không chỉ rõ tình tiết liên quan đến việc chống người thi hành công vụ, hay vì lý do công vụ của người bị hại, hay vì mục đích cản trở công vụ của nạn nhân, mà đều xem xét dưới góc độ hành vi vi phạm chung.

### **1.5.3. Bộ luật hình sự Canada**

Bộ luật hình sự Canada hiện hành không phân chia kết cấu thành hai phần rõ rệt thành phần chung và phần riêng (phần các tội phạm), kết cấu của Bộ luật hình sự Canada cũng được phân bổ thành các phần (nhưng vị trí của các phần tương ứng với vị trí của các chương được phân bổ trong Bộ luật hình sự). Ngoài Tên gọi và Giải thích từ ngữ là hai phần được quy định đầu tiên khi tiếp cận Bộ luật hình sự, thì phần 1 là phần chứa đựng một số các quy định chung. Phần chung và phần riêng trong BLHS Canada được đan xen tại các phần tội phạm cụ thể. Đây là điểm khác biệt của BLHS Canada so với BLHS Nhật Bản, Cộng hòa Liên bang Đức hoặc với BLHS Việt Nam hiện hành.

Xét về dấu hiệu "chống người thi hành công vụ", BLHS Canada phân chia những hành vi có dấu hiệu chống người thi hành công vụ rải rác tại các phần khác nhau.

Tại Phần Các tội xâm phạm trật tự công cộng quy định **Tội tụ tập bất hợp pháp và bạo loạn** có quy định tại Điều 68:

Bất kỳ người nào cũng là phạm một tội đại hình và có thể bị phạt tù chung thân khi mà người này:

(a) Dùng sức mạnh phản đối, cản trở hoặc gây thương tích một cách cố ý chống lại người đang bắt đầu hoặc sắp bắt đầu đưa ra tuyên bố theo Điều 67 dẫn đến tuyên bố đó không được đưa ra.

(b) Không giải tán và rời khỏi địa điểm nơi tuyên bố theo Điều 67 được đưa ra trong vòng 30 phút một cách bình yên sau khi tuyên bố được đưa ra; hoặc

(c) Không rời khỏi một nơi trong vòng 30 phút khi người này có căn cứ hợp lý tin là tuyên bố theo Điều 67 đã có thể được đưa ra tại địa điểm đó nếu một số người đã không phản đối, cản trở hoặc gây thương tích một cách cố ý và với sức mạnh cho một người đáng lẽ đã đưa ra tuyên bố [36].

Điều luật trên quy định các hành vi đang chống lại những người theo Điều 67 là thẩm phán, thị trưởng hoặc cảnh sát trường hoặc phó thị trưởng, phó cảnh sát trưởng; người cai nhà tù và phó của họ; hoặc người đứng đầu nhà tù liên bang, cấp phó của họ; những người này nhận được thông báo là tại một địa điểm bất kỳ nào trong phạm vi thẩm quyền của họ đang tụ tập bất hợp pháp và náo loạn thì họ phải đến địa điểm đó thì phải ra lệnh yên lặng và tuyên bố theo quy định tại Điều luật này. Mọi hành vi cản trở khiến họ không đọc được tuyên bố, đều được coi là các hành vi có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" và là tội đại hình.

Tại phần 4: Các tội phạm chống việc thi hành pháp luật và công lý, mục Tham nhũng và việc không tuân thủ, Điều 127 quy định tội danh "Không tuân thủ lệnh của Tòa án" như sau:

(1) Người nào, không có lý do hợp pháp, không tuân thủ lệnh của Tòa án hoặc của người hoặc nhóm người có thẩm quyền ra lệnh theo quy định của pháp luật mà không phải là lệnh trả tiền, trừ



trường hợp hình phạt hoặc cách thức khác được quy định cụ thể trong luật, là phạm tội (a) đại hình và có thể bị phạt tù không quá hai năm; hoặc (b) có thể bị trừng phạt theo thủ tục kết án rút gọn [36].

Tại phần Các tội phạm về thân thể và danh dự, mục Tội giết người, ngộ sát và giết trẻ sơ sinh có quy định Tội giết người trong khi thực hiện tội phạm (Điều 230):

Có lỗi gây chết người là phạm tội giết người trong trường hợp một người gây ra cái chết của một người trong khi thực hiện hoặc mưu toan thực hiện tội phản quốc hoặc tội phạm quy định tại Điều 52 (phá hoại), 75 (cướp biển),... Điều 270 (hành hung trật tự viên)..., cho dù có hay không người đó có ý định gây ra cái chết cho bất cứ người nào và người đó biết là cái chết có khả năng xảy ra đối với bất cứ người nào, nếu (a) người đó có ý định làm tổn hại về thân thể với mục đích: (i) tạo thuận lợi cho việc thực hiện tội phạm, hoặc (ii) tạo thuận lợi cho việc bỏ trốn sau khi thực hiện hoặc mưu toan thực hiện tội phạm; và cái chết xảy ra do bị tổn hại về thân thể... [36, tr. 20].

Như vậy, về nội dung điều luật này có nét tương tự với tình tiết Giết người để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân trong BLHS Việt Nam hiện hành, đều hướng đến những người đang thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao, vì mục đích bảo vệ cho việc thực hiện tội phạm của mình. Và đặc biệt trong BLHS Canada, Tội giết người bất kể cố ý và có kế hoạch đối với bất cứ người nào, đều được quy định là tội giết người cấp độ một khi người bị hại là sĩ quan cảnh sát, nhân viên cảnh sát, cảnh sát trưởng tư pháp, phó cảnh sát trưởng tư pháp, cảnh sát tư pháp hoặc người khác được tuyển dụng để giữ gìn và duy trì trật tự công cộng, đang thực thi nhiệm vụ của mình; giám thị trại giam, phó giám thị trại giam, giảng viên trại giam, cai tù hoặc nhân viên khác hoặc người được thuê làm việc thường xuyên trong nhà tù, đang thực thi nhiệm vụ của mình;.... So với tội giết người thông thường,

nếu tội phạm xâm hại đến những người được nêu trên thì đều được coi là tội giết người cấp độ một, tức là dấu hiệu chống người thi hành công vụ ở tội phạm này được coi là một tình tiết định khung tăng nặng TNHS.

Cũng trong phần các tội phạm về thân thể và danh dự, mục Hành hung, Điều 270 quy định tội Hành hung trật tự viên: *Người thực hiện tội phạm là người hành hung nhân viên nhà nước hoặc trật tự viên liên quan đến việc thực thi trách nhiệm của mình hoặc một người đang hành động trợ giúp nhân viên này*; Điều 270.1 quy định Tội tước vũ khí của trật tự viên: *Một người phạm tội khi người này không có sự đồng ý của trật tự viên, lấy hoặc mưu toan lấy vũ khí do trật tự viên nắm giữ trong khi trật tự viên đang thi hành nhiệm vụ của mình.*

Đó là những tội phạm Bộ luật Hình sự Canada quy định có đối tượng tác động của tội phạm là những người thi hành công vụ. Tuy nhiên, điểm khác biệt của Bộ luật Hình sự Canada so với Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện hành đó là ngay trong chính Bộ luật này đã có những điều luật giải thích cụ thể về mặt từ ngữ. Trong đó hai khái niệm "chức vụ" và "công chức" được đưa vào phần giải thích cụ thể trước khi vào phần tội phạm cụ thể. Theo Bộ luật Hình sự Canada, "chức vụ" bao gồm: "(a) chức vụ hoặc vị trí được bổ nhiệm trong chính quyền, (b) được giao thực hiện nhiệm vụ dân sự hoặc quân sự và (c) vị trí hoặc công việc trong cơ quan công quyền" [36, tr. 364]. Còn "công chức" được hiểu là người "(a) giữ một chức vụ, hoặc (b) được bổ nhiệm hoặc được bầu để đảm nhiệm một công vụ" [36, tr. 364].

\*

\* \*

Từ việc nghiên cứu những vấn đề lý luận về dấu hiệu chống người thi hành công vụ, với tính cách là một hiện tượng xã hội pháp lý tiêu cực và phức tạp, các hành vi chống người thi hành công vụ đã được nhà nước ta quy định là tội phạm. Thái độ của nhà nước đã được thể hiện trong các quy định của Bộ luật Hình sự, đánh giá đúng mức độ nguy hiểm của các hành vi này trong thực

tế và các căn cứ pháp lý để xử lý người vi phạm đã phân nào chi tiết và rõ ràng: người thực hiện hành vi ở mức độ nào sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý ở mức độ đó, căn cứ vào hành vi thực tế của chủ thể thực hiện. Đồng thời với việc so sánh các quy định của pháp luật Hình sự Việt Nam với các quy định trong BLHS một số nước trên thế giới đã chứng tỏ được về mặt lập pháp, nhà làm luật Việt Nam đã chi tiết hóa và cụ thể hóa vị trí của dấu hiệu chống người thi hành công vụ trong các chương, các điều luật khác nhau, xâm hại đến các khách thể khác nhau chứ không đơn thuần chỉ là một đến hai tội cụ thể như một số BLHS nước ngoài. Tuy nhiên, để đánh giá hiệu quả cũng như việc áp dụng của các quy định này trong thực tiễn xét xử, chúng ta phải đi vào nghiên cứu cụ thể các quy định về dấu hiệu chống người thi hành công vụ trong Luật Hình sự Việt Nam.

## *Chương 2*

# **DẤU HIỆU "CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ" TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

## **2.1. DẤU HIỆU "CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ" TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TRƯỚC KHI CÓ BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999**

### **2.1.1. Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong Luật hình sự Việt Nam trước năm 1985**

Cách mạng Tháng Tám thành công đã đánh dấu thời khắc chính quyền bọn thực dân, phong kiến bị đập tan, ách thống trị hơn 80 năm đô hộ của thực dân Pháp bị lật đổ. Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập tuyên bố thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ngay sau khi nhà nước công nông non trẻ ra đời, để kịp thời điều chỉnh các QHXX, nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật, trong đó có các văn bản pháp luật hình sự, đồng thời cũng để phục vụ và giải quyết những nhiệm vụ cấp bách của chính quyền Cách mạng.

Trước tiên, trên bình diện chung, Nhà nước ban hành sắc lệnh số 47-SL ngày 10/10/1945 giữ tạm thời các luật lệ hiện hành ở Bắc, Trung và Nam bộ cho đến khi ban hành những bộ luật mới áp dụng cho toàn quốc, có vai trò là một biện pháp hết sức kịp thời nhằm hạn chế đến mức thấp nhất sự xáo trộn trong đời sống và quan hệ thường nhật của nhân dân, đồng thời tiếp tục duy trì những trật tự, quy định chung không phương hại đến nền độc lập và nền dân chủ của đất nước.

Theo Sắc lệnh 47, các quy phạm pháp luật cũ được phép áp dụng trong trường hợp khẩn cấp và phù hợp với đường lối, chính sách của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, còn các quy phạm hình luật cũ không còn phục vụ cho các mục đích bóc lột và đàn áp

nhân dân Việt Nam, mà phục vụ cho sự nghiệp và phát triển chế độ dân chủ và nhiệm vụ bảo vệ thành quả của cuộc cách mạng Tháng Tám, trật tự pháp luật mới, nhân thân, các quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân lao động vẫn được tạm thời áp dụng [7].

Trong bất cứ thời kì nào, hành vi chống người thi hành công vụ cũng diễn ra, bởi sẽ có những người vì bảo vệ lợi ích riêng của mình mà đi ngược lại với lợi ích của toàn xã hội. Nghiên cứu về các quy định của pháp luật Hình sự thời kì này về các tội xâm hại đến đối tượng là người thi hành công vụ, chúng tôi rút ra một nhận định chung, đó là trong giai đoạn này, không có một văn bản nào quy định về một tội phạm riêng, cụ thể cho hành vi chống người thi hành công vụ, mà đều nằm rải rác trong các văn bản quy định về một nhóm tội nào đó. Ví dụ, hành vi chống người thi hành công vụ sẽ được thể hiện trong các quy định của các văn bản như Sắc lệnh số 26-SL ngày 25/2/1946 trừng trị tội phá hoại công sản; Sắc lệnh số 27-SL ngày 28/02/1946 trừng trị các tội bắt cóc, tống tiền và ám sát; Sắc lệnh số 133-SL ngày 20/01/1953 trừng trị những tội xâm phạm an ninh đối nội và an toàn đối ngoại của nhà nước; Sắc lệnh số 151-SL ngày 12/4/1953 trừng trị địa chủ chống pháp luật; Thông tư số 442-TTg ngày 19/01/1955 về tổng kết án lệ một số tội phạm thông thường...

Đặc biệt, khi Sắc luật số 03-SL/76 ngày 15/3/1976 ra đời đã quy định các tội phạm và hình phạt, trong đó có 7 loại tội phạm:

1. Tội phản cách mạng;
2. Tội xâm phạm tài sản công cộng;
3. Tội xâm phạm đến thân thể và nhân phẩm của công dân;
4. Tội phạm kinh tế;
5. Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn và tội hối lộ;
6. Tội xâm phạm tài sản riêng của công dân;
7. Tội xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn công cộng và sức khỏe công dân.

Theo Sắc luật này, mặc dù không đề cập trực tiếp đến tội chống người thi hành công vụ nhưng tội phạm này đã được quy định là một dạng thuộc nhóm tội phạm xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn công cộng.

Qua nghiên cứu các văn bản pháp luật Hình sự trong giai đoạn trước pháp điển hóa lần thứ nhất (BLHS 1985), có thể nhận thấy mặc dù việc quy định về các hành vi chống người thi hành công vụ còn một số hạn chế, chưa có văn bản cụ thể, điều luật cụ thể, nhưng không thể phủ nhận các văn bản pháp luật Hình sự Việt Nam giai đoạn này đã có sự tiến bộ phát triển trong việc bảo vệ người thi hành công vụ và hoạt động bình thường, ổn định của nhà nước.

### **2.1.2. Dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong Luật hình sự Việt Nam từ pháp điển hóa lần thứ nhất (Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1985) đến trước pháp điển hóa lần thứ hai (Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999)**

Bộ luật Hình sự năm 1985 - Bộ luật hình sự đầu tiên của nước ta ra đời đã đánh dấu một bước tiến quan trọng, đã hệ thống hóa và pháp điển hóa tất cả các văn bản trước đây, tập trung trong một văn bản chính thể và thống nhất, để bảo vệ một cách hiệu quả các QHXX quan trọng, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm trong một giai đoạn mới của đất nước.

Trong giai đoạn từ khi Bộ luật hình sự năm 1985 có hiệu lực đến trước khi có Bộ luật hình sự năm 1999, dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" đã được nhà làm luật thể hiện thông qua các chương, các điều luật trong phần các tội phạm của BLHS 1985, đồng thời được cụ thể hóa trong Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự 1985. Điều này đã chứng tỏ hơn nữa mức độ nguy hiểm của hành vi chống người thi hành công vụ, sự nhức nhối về mặt xã hội của một bộ phận người dân coi thường kỷ cương phép nước, và thái độ của nhà làm luật thể hiện ở

việc quy định những hành vi này là Tội phạm, có những mức chế tài tương thích đối với từng loại tội cụ thể.

Trong phần các tội phạm của BLHS 1985, dấu hiệu chống người thi hành công vụ được quy định ở chương: Các tội xâm phạm an ninh quốc gia (mục A: Các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia); Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; Các tội xâm phạm an toàn, trật tự công cộng và trật tự quản lý hành chính (mục B: Các tội xâm phạm trật tự công cộng; mục C: các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính). Cụ thể đó là các tội phạm như sau:

*a/ Tội khủng bố (Điều 78):* khoản 1 "xâm phạm tính mạng của nhân viên nhà nước, nhân viên tổ chức xã hội hoặc công nhân nhằm chống chính quyền nhân dân" với chế tài phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình; khoản 2 "phạm tội trong trường hợp xâm phạm tự do thân thể, sức khỏe" bị phạt tù từ 5 năm đến 15 năm; khoản 3 "phạm tội trong trường hợp đe dọa xâm phạm tính mạng, hoặc có những hành vi khác uy hiếp tinh thần" thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm; khoản 4 của điều luật quy định về việc uy hiếp người nước ngoài gây khó khăn cho quan hệ ngoại giao cũng bị xử lý theo điều luật này.

*b/ Tội phá rối an ninh (Điều 83):* khoản 1 quy định hành vi kích động, lôi kéo, tụ tập nhiều người phá rối an ninh, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc của tổ chức xã hội kèm theo dấu hiệu "chống chính quyền nhân dân" thì bị phạt tù từ 5 năm đến 15 năm; khoản 2 quy định đồng phạm chịu phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.

Đối với tội khủng bố (Điều 78) và Tội phá rối an ninh (Điều 83), Nghị quyết số 04 đã hướng dẫn, đối với các tội đặc biệt nguy hiểm được quy định tại mục A (từ Điều 72 đến Điều 86) phải có dấu hiệu bắt buộc chung "nhằm chống chính quyền nhân dân", tức là đối với 2 tội này, người phạm tội bắt buộc phải có dấu hiệu mục đích "chống chính quyền nhân dân" trong mặt chủ quan của tội phạm, còn nếu không chứng minh được mục đích đó, tội phạm sẽ

không nằm ở Chương các tội xâm phạm an ninh quốc gia mà sẽ được chuyển qua các Chương khác, nằm ở các điều luật khác.

*c/ Tội giết người (Điều 101):* hành vi chống người thi hành công vụ được thể hiện tại điểm c khoản 1 Điều 101 với tình tiết "giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân", với hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Đối với Điều 101, Nghị quyết số 04 lần đầu tiên đã lý giải cụ thể về khái niệm "công vụ", người thực hiện công vụ và giải thích dấu hiệu "vì lý do công vụ của nạn nhân", lấy đó làm căn cứ để cơ quan xét xử xem xét các tình tiết chống người thi hành công vụ trong các điều luật khác. Theo đó, "công vụ" là một công việc mà cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội giao cho một người thực hiện; người thực hiện một công việc vì nghĩa vụ công dân (như bắt giữ kẻ phạm tội đang chạy trốn) tuy không phải là người thi hành công vụ, nhưng nếu do công việc đó mà họ bị giết, thì họ có thể được hưởng chính sách bảo hiểm xã hội như đối với người thi hành công vụ và hành vi của kẻ giết người cũng được quy định theo điểm c khoản 1 của điều luật này.

Hành vi giết người thi hành công vụ không nhất thiết phải là lúc nạn nhân đang thực hiện công vụ của mình, mà theo Nghị quyết 04, kẻ giết người có thể thực hiện tội phạm khi nạn nhân sắp thi hành công vụ, hoặc đang thi hành công vụ để cản trở họ thi hành công vụ, hoặc giết người đã thi hành công vụ để trả thù hoặc để đe dọa người khác. Sau này, khi BLHS 1985 đã hết hiệu lực và BLHS năm 1999 được sử dụng, chưa có văn bản nào thay thế để giải thích dấu hiệu này, nên các nhà làm luật vẫn giải thích tình tiết "giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân" như trên.

*d/ Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác (Điều 109):* dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" được thể hiện tại điểm b khoản 2 Điều 109 "để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân", hình phạt tại khoản này là phạt tù từ 2 năm đến 7 năm. Khoản 3 quy định trường hợp nếu gây cố tật nặng dẫn đến chết người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác thì bị phạt tù từ 5 năm đến 20 năm.



*e/ Tội làm nhục người khác (Điều 116):* khoản 2 Điều 116 quy định: người phạm tội có hành vi xúc phạm nghiêm trọng danh dự nhân phẩm đối với người thi hành công vụ sẽ bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

*f/ Tội gây rối trật tự công cộng (Điều 198):* điểm c khoản 2 Điều 198 quy định: người phạm tội có hành vi hành hung người bảo vệ trật tự công cộng sẽ không bị xử lý theo khoản 1 mà chuyển sang khung hình phạt tăng nặng là phạt tù từ 1 năm đến 7 năm.

*g/ Tội chống người thi hành công vụ (Điều 205):* khoản 1 Điều 205 quy định: người nào có hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực chống người thi hành công vụ, cũng như dùng mọi thủ đoạn cưỡng ép họ thực hiện những hành vi trái pháp luật nếu không thuộc trường hợp quy định ở Điều 101 và Điều 109 thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Khoản 2 với tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng" thì bị phạt tù từ 2 năm đến 10 năm.

Riêng đối với Điều 205, Nghị quyết số 04 hướng dẫn về các hành vi nằm trong mặt khách quan của tội phạm như sau:

*Thứ nhất,* dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực như đánh, trói... nhưng chưa gây chết người, thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của người thi hành công vụ hoặc đe dọa sẽ đánh, trói.. người đó.

*Thứ hai,* dùng mọi thủ đoạn cưỡng ép người thi hành công vụ thực hiện những hành vi trái pháp luật như dùng số đông người lấy danh nghĩa thương binh cưỡng ép cán bộ quản lý thị trường cho đem hàng hóa đầu cơ đang bị tạm giữ, cưỡng ép cán bộ kiểm lâm cho chở gỗ khai thác trái phép đang bị tạm giữ...

Hậu quả nghiêm trọng có thể là người thi hành công vụ không hoàn thành được nhiệm vụ, việc chấp hành pháp luật ở địa phương hoặc khu vực trở nên lỏng lẻo, kẻ xấu lợi dụng cơ hội reo rắc dư luận gây ảnh hưởng xấu...

Nghị quyết 04 cũng đã chỉ dẫn, nếu hành vi của tội chống người thi hành công vụ là giết người thi hành công vụ, hoặc gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người thi hành công vụ thì sẽ bị chuyển sang Tội giết người (Điều 101) hoặc Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 109 - khoản 2 hoặc khoản 3 tùy tình tiết vụ án).

Như vậy, dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" đã được thể hiện trong một hệ thống các điều luật của Bộ luật hình sự 1985, dưới những tên gọi của những tội phạm cụ thể, với các mức chế tài nghiêm khắc. Với vị trí là dấu hiệu định tội, "chống người thi hành công vụ" là dấu hiệu định tội của 3 tội danh: Tội khủng bố, Tội phá rối an ninh (kèm theo dấu hiệu mục đích "chống chính quyền nhân dân") và Tội chống người thi hành công vụ. Với vị trí là dấu hiệu định khung tội phạm, dấu hiệu này được quy định ở khung hình phạt tăng nặng TNHS của 4 tội: Tội giết người, Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, Tội làm nhục người khác và Tội gây rối trật tự công cộng. Các quy phạm pháp luật mang tính chất pháp lý hình sự quy định về các tội phạm này đều có tính chất ngăn cấm, là cơ sở pháp lý vững chắc cho việc phòng ngừa và xử lý mọi hành vi phạm tội xâm hại đến người thi hành công vụ, bảo đảm xử lý đúng người đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

Tuy nhiên BLHS 1985 là lần pháp điển hóa đầu tiên các quy định của pháp luật hình sự, nên mức độ mở rộng phạm vi điều chỉnh cụ thể của hành vi chống người thi hành công vụ vẫn còn hạn chế. Ví dụ trong thực tiễn có nhiều hành vi khác xâm hại đến người thi hành công vụ (ví dụ hành vi vu khống người thi hành công vụ, hành vi bắt, giữ hoặc giam người thi hành công vụ để cản trở công vụ của nạn nhân hoặc vì trả thù người thi hành công vụ, hoặc hành vi hủy hoại, làm hư hỏng tài sản của người thi hành công vụ cũng vì mục đích trả thù... hoặc nguy hiểm hơn là đe dọa giết người thi hành công vụ...) chưa được nhà làm luật quy định thành vào trong các điều luật riêng mà vẫn được xử lý theo Tội chống người thi hành công vụ (Điều 205). Việc quy

định tất cả các hành vi này vào chung một tội phạm với khung hình phạt chưa thực sự nghiêm khắc đã ảnh hưởng đến việc xử lý tội phạm, và mục đích giáo dục cũng như phòng ngừa của hình phạt chưa thực sự đạt được hiệu quả cao. BLHS 1985 chưa thực hiện triệt để sự phân hóa TNHS bằng việc chưa tối đa hóa các tình tiết định khung đối với tình tiết "chống người thi hành công vụ" của từng tội phạm cụ thể. Tuy dấu hiệu này đã được thể hiện là tình tiết định khung tăng nặng ở một số tội phạm nhưng ở một số tội phạm mặc dù đối tượng của hành vi phạm tội rơi vào người thi hành công vụ nhưng nhà làm luật chưa tách thành khung tăng nặng mà vẫn được coi là khung hình phạt cơ bản (ví dụ, đối với tội đe dọa giết người (Điều 108) hoặc Tội vu khống (Điều 117)).

Điều này có thể lý giải bởi khi Bộ luật hình sự năm 1985 - bộ luật hình sự đầu tiên của nước ta được ban hành và có hiệu lực thi hành là lúc đất nước chuyên mình bước vào sự nghiệp đổi mới. Sự thay đổi các mặt của đời sống xã hội trong đó có đổi mới về kinh tế giữ vai trò quan trọng, là cơ sở và là sự đòi hỏi cấp bách đối với sự thay đổi của pháp luật nói chung và của luật hình sự nói riêng. Bộ luật hình sự năm 1985 được coi là "nguồn duy nhất trong đó quy định tội phạm và hình phạt, được xây dựng trên cơ sở kinh tế xã hội của nền kinh tế bao cấp, và thực tế tình hình tội phạm thời kì đó không phức tạp như khi bắt đầu tiến hành đổi mới" [19]. Vì vậy, xét về góc cạnh phản ánh xã hội, Bộ luật hình sự năm 1985 từ khi mới ra đời đã ở trong tình trạng không phù hợp với chủ trương đổi mới cũng như những đòi hỏi của đổi mới. Riêng với hành vi chống người thi hành công vụ, thời điểm khi BLHS 1985 được đưa vào thực hiện so với khi nhà làm luật xây dựng, xét về góc độ kinh tế - xã hội đã có sự biến chuyển lớn, người dân được tham gia vào nhiều hoạt động trong nhiều lĩnh vực, phát sinh nhiều quyền và lợi ích mà họ cần phải bảo vệ. Các lĩnh vực như tranh chấp đất đai, vi phạm giao thông, buôn lậu,... vì thế cũng nảy sinh và là vấn nạn của xã hội. Những cá thể tham gia các QHXX phức tạp này không muốn bị xâm phạm đến lợi ích của riêng mình, trình độ pháp luật còn yếu kém, nên hành vi đi ngược lại với quyết định

của nhà nước, chống đối hoặc cản trở những người thực thi việc công xảy ra với số lượng ngày một nhiều, hành vi ngày một đa dạng phức tạp, thủ đoạn tinh vi. Các quy định đã tồn tại trong BLHS 1985 với mức chế tài chưa đủ sức thuyết phục trong thực tiễn xét xử và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Vì vậy, trong khoảng 15 năm tồn tại, BLHS năm 1985 đã được tiến hành sửa đổi, bổ sung 4 lần vào các năm 1989, 1991, 1992 và 1997. Với những sửa đổi bổ sung này, luật hình sự nói chung và các điều luật quy định dấu hiệu chống người thi hành công vụ nói riêng đã có sự phát triển đáp ứng được phần nào đòi hỏi của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới. Sự thay đổi này thể hiện sự vận động phù hợp với tình hình phát triển của xã hội cũng như diễn biến thực tế của tình hình tội phạm, sự thay đổi có tính chất phát triển này tuy chưa có tính đồng bộ nhưng là hướng phát triển đúng và tiếp tục được duy trì trong các giai đoạn tiếp theo.

## **2.2. DẤU HIỆU "CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ" TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH (BỘ LUẬT HÌNH SỰ 1999 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2009)**

Bộ luật hình sự năm 1999 ra đời có ý nghĩa là lần pháp điển hóa thứ hai luật hình sự của nhà nước ta, được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát huy những nguyên tắc, những chế định pháp luật và những thành tựu đã đạt được trong quá trình áp dụng BLHS cũ, cũng như đã tích lũy được những bài học kinh nghiệm về lập pháp, dựa trên thành tựu mới của khoa học luật hình sự hiện đại.

Bộ luật hình sự 1999 đã "tạo ra những tiền đề trong chính các bộ phận của hệ thống đấu tranh phòng và chống tội phạm cho việc nhân dân tham gia một cách tích cực, chủ động và rộng rãi vào nhiệm vụ đấu tranh phòng và chống tội phạm" [37, tr. 288]. Đây chính là công cụ sắc bén, hữu hiệu của nhà nước để bảo vệ sự nghiệp cách mạng, sự lãnh đạo của Đảng, quyền và lợi ích hợp pháp của các công dân (trong đó có người thi hành công vụ) và đảm bảo hiệu lực quản lý của nhà nước đối với xã hội.

Trong lý luận pháp luật, pháp luật được mô tả là hệ thống các quy tắc xử sự chung, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt ra hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh các QHXH phù hợp với trật tự xã hội đang tồn tại. Pháp luật có ba chức năng cơ bản là chức năng điều chỉnh, chức năng bảo vệ và chức năng giáo dục. Nhìn chung, tất cả các quy phạm pháp luật đều thực hiện đồng thời cả ba chức năng này song mỗi nhóm quy phạm pháp luật lại được nhà làm luật dành sự ưu tiên nhất định trong việc thực hiện một trong ba chức năng nêu trên. Các quy phạm pháp luật về xử lý những người có hành vi chống người thi hành công vụ thuộc các nhóm quy phạm "bảo vệ", được đặt ra nhằm mục đích bảo vệ tính hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước, cũng như bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm cũng như các quyền lợi chính đáng khác của người thi hành công vụ khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của họ. BLHS 1999 đã có sự thay đổi về các quy phạm pháp luật để thực hiện tốt hơn chức năng và nhiệm vụ này.

*Trước tiên*, phải kể đến thành công ban đầu của BLHS 1999 là khắc phục được những thiếu sót trong BLHS 1985: Trong khái niệm tội phạm (Điều 8), các nhà làm luật đã thay vì chỉ phân thành tội ít nghiêm trọng và tội nghiêm trọng như trong Điều 8 BLHS 1985, nay đã căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi được quy định trong Bộ luật, cũng như căn cứ vào mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội đó, và phân tội phạm thành bốn loại:

*Tội phạm ít nghiêm trọng*: là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến ba năm tù.

*Tội phạm nghiêm trọng*: là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến bảy năm tù.

*Tội phạm rất nghiêm trọng*: là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù.

*Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*: là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

*Thứ hai*, trong BLHS 1999 đã lần đầu tiên ghi nhận khái niệm hình phạt tại Điều 26 BLHS, là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích hợp pháp của người phạm tội. Hình phạt được quy định trong bộ luật hình sự và do Tòa án quyết định. Hình phạt bao gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung, trong BLHS hiện hành, hình phạt bổ sung đã được quy định ở từng điều luật cụ thể.

Những điểm nền tảng này sẽ là cơ sở để các quy định của BLHS 1999 có ý nghĩa thiết thực trong việc đóng vai trò là "căn cứ pháp lý quan trọng nhất để giải quyết vấn đề TNHS, là công cụ pháp luật hữu hiệu, sắc bén của Đảng và nhà nước, của nhân dân ta để đấu tranh phòng và chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay cũng như những năm sắp tới" [41, tr. 106].

### **2.2.1. Một số điểm mới của Bộ luật hình sự hiện hành về dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" so với Bộ luật hình sự năm 1985**

Nhằm đáp ứng công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới, đặc biệt với sự gia tăng về số lượng và mức độ nghiêm trọng của các hành vi phạm tội nói chung, hành vi phạm tội đối với người thi hành công vụ nói riêng, Bộ luật hình sự năm 1999 ra đời và sau lần sửa đổi bổ sung năm 2009 (gọi chung là BLHS hiện hành) đã có một số điểm mới được sửa đổi, bổ sung về các quy định có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" so với Bộ luật hình sự năm 1985. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, nhìn chung, về cơ bản BLHS hiện hành không hủy bỏ tội phạm nào trong số các tội phạm có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" nằm trong BLHS 1985. Trong BLHS 1985, với vị trí là dấu hiệu định tội, "chống người thi hành công vụ" là dấu hiệu định tội của 3 tội danh: Tội khủng bố, Tội phá rối an ninh (kèm theo dấu hiệu mục đích "chống chính quyền

nhân dân") và Tội chống người thi hành công vụ. Với vị trí là dấu hiệu định khung tội phạm, dấu hiệu này được quy định ở khung hình phạt tăng nặng TNHS của 4 tội: Tội giết người, Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, Tội làm nhục người khác và Tội gây rối trật tự công cộng; thì BLHS hiện hành vẫn giữ nguyên các tội phạm này, không có sự hủy bỏ hay thay thế. Nội dung chủ yếu sửa đổi đó là bổ sung một số dấu hiệu định khung ở một số điều luật, giữ nguyên dấu hiệu định tội "chống người thi hành công vụ" của 3 tội danh tương ứng, điều chỉnh một số khung hình phạt và quy định luôn hình phạt bổ sung ngay trong từng điều luật tương ứng (thay vì quy định ở cuối mỗi chương tội phạm như trước đây sẽ khó cho việc theo dõi và áp dụng). So với BLHS 1985, BLHS hiện hành đã quy định nhiều hơn về tội danh có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ", cụ thể bao gồm:

(1) Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 84): Trước lần sửa đổi bổ sung năm 2009, điều luật quy định Tội khủng bố (như tên gọi của tội phạm trong BLHS 1985), sau khi sửa đổi, bổ sung, Tội khủng bố được tách riêng thành một tội phạm độc lập nhưng không nằm trong chương Các tội xâm phạm an ninh quốc gia mà chuyển về chương Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (Điều 230a), về hành vi khách quan tại Điều 230a rộng hơn, bao gồm: gây ra tình trạng hoảng sợ trong công chúng; ép buộc chính quyền làm hoặc không làm một việc nhất định theo yêu cầu của những kẻ khủng bố; ép buộc tổ chức quốc tế làm hoặc không làm một việc nhất định theo yêu cầu của những kẻ khủng bố. Tội khủng bố (cũ) được đổi tên thành Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 84), trong đó, mục đích chống chính quyền nhân dân đã thể hiện ngay tại tên của tội phạm.

(2) Tội phá rối an ninh (Điều 89)

(3) Tội chống người thi hành công vụ (Điều 257)

(4) Tội giết người (Điều 93)

(5) Tội đe dọa giết người (Điều 103)

(6) Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 104)

(8) Tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 117)

(9) Tội cố ý truyền HIV cho người khác (Điều 118)

(10) Tội làm nhục người khác (Điều 121)

(11) Tội vu khống (Điều 122)

(12) Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (Điều 123)

(13) Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 143)

(14) Tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245)

Trong đó, hai tội phạm hoàn toàn mới đó là Tội lây truyền HIV cho người khác và Tội cố ý truyền HIV cho người khác, còn lại với các tội phạm khác, nhà làm luật dựa trên những điều luật đã có để bổ sung dấu hiệu định khung "chống người thi hành công vụ" tùy từng trường hợp, hành vi chống người thi hành công vụ sẽ cấu thành các tội phạm tương ứng cụ thể như trên. Việc sửa đổi, bổ sung và thêm tình tiết định khung tăng nặng chứa dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong Bộ luật hình sự hiện hành đã thể hiện được thái độ nghiêm khắc của nhà nước với hành vi phạm tội này, và tính đa dạng, mức độ nguy hiểm của hành vi chống người thi hành công vụ đã được luật kịp thời điều chỉnh, phù hợp với thực tiễn xét xử, tránh trường hợp khó khăn cho việc định tội danh như trước đây cơ quan xét xử vẫn thường gặp vướng mắc.

*Thứ hai*, ngoài việc bổ sung dấu hiệu chống người thi hành công vụ vào một số tội phạm cụ thể, bản thân nội dung các tội phạm đó cũng có sự sửa đổi, cụ thể:

Tội giết người (Điều 93): trước đây trong BLHS 1985, được quy định thành 4 khoản, nay thu gọn thành 3 khoản (khoản 3 là hình phạt bổ sung), dấu hiệu chống người thi hành công vụ nằm ở điểm d khoản 2 (trước là điểm c khoản 2).



Tội đe dọa giết người (Điều 103): được cấu tạo lại thành 2 khoản riêng biệt, trong đó khoản 2 quy định các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt, đó là: a/ Đối với nhiều người; b/ đối với người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân; c/ Đối với trẻ em; d/ để che giấu hoặc trốn tránh việc bị xử lý về một tội phạm khác.

Tội làm nhục người khác (Điều 121): bổ sung thêm các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt, ngoài tình tiết "phạm tội đối với người thi hành công vụ" được quy định tại Điều 116 BLHS 1985, cụ thể tại khoản 2 Điều 121: a/ phạm tội nhiều lần; b/ đối với nhiều người; c/ lợi dụng chức vụ, quyền hạn; d/ đối với người thi hành công vụ; đ/ đối với người dạy dỗ, chăm sóc, nuôi dưỡng, chữa bệnh cho mình.

Tội vu khống (Điều 122): bổ sung thêm các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt tại khoản 2, bổ sung dấu hiệu "chống người thi hành công vụ", cụ thể: a/ có tổ chức; b/ lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c/ đối với nhiều người; d/ đối với ông bà, cha mẹ, người dạy dỗ, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh cho mình; đ/ đối với người thi hành công vụ; e/ vu khống người khác phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (Điều 123): được cấu tạo lại thành 4 khoản, trong đó khoản 2 quy định bổ sung thêm các tình tiết là dấu hiệu định khung hình phạt: a/ có tổ chức; b/ lợi dụng chức vụ quyền hạn; c/ đối với người thi hành công vụ; d/ phạm tội nhiều lần; đ/ đối với nhiều người.

Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 143): tại khoản 2 Điều 160 BLHS 1985 có quy định 4 tình tiết định khung tăng nặng hình phạt đối với người phạm tội, và điều luật được cấu tạo thành 3 khoản. Điều 143 BLHS hiện hành đã bổ sung thêm các tình tiết tại khoản 2 và cấu tạo lại thành 4 khoản, thể hiện thái độ của nhà nước đối với loại tội phạm này, dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" được đưa vào điểm đ khoản 2 Điều 143 "vì lý do công vụ của người bị hại".

Cuối cùng, hình phạt của các tội có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong BLHS hiện hành đã thể hiện được sự nghiêm khắc trong chính sách hình sự của nhà nước ta. Việc so sánh giữa chế tài được quy định trong BLHS 1985 với BLHS hiện hành như đã phân tích ở các phần trên đã chứng tỏ được điều đó.

Như vậy so với Bộ luật hình sự năm 1985, bộ luật hình sự hiện hành đã mở rộng hơn phạm vi tác động và điều chỉnh đến những hành vi phạm tội đối với người thi hành công vụ, đồng thời áp dụng những chế tài nghiêm khắc hơn, triệt để hơn đã đánh dấu sự hoàn thiện của pháp luật trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người thi hành công vụ, trừng trị và răn đe, giáo dục kịp thời đến những hành vi phạm tội. Đây cũng là những cơ sở pháp lý quan trọng và cần thiết phù hợp với tình hình xã hội để cơ quan chức năng thực hiện nhiệm vụ của mình trong thực tiễn xét xử khi những hành vi chống người thi hành công vụ đang xảy ra ngày càng nhiều, các hành vi có sự đa dạng, phức tạp, nhiều thủ đoạn tinh vi và các đối tượng thực hiện tội phạm ngày một trẻ hóa về độ tuổi.

### **2.2.2. Các tội phạm cụ thể có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" trong Bộ luật hình sự hiện hành**

Bộ luật Hình sự hiện hành đã đưa dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" vào các điều luật với vị trí là dấu hiệu định tội và dấu hiệu định khung của một số tội phạm, điều này đã được làm sáng tỏ ở chương I. Các tội phạm có dấu hiệu chống người thi hành công vụ tuy được quy định ở những chương, những điều khác nhau, với những hành vi khách quan khác nhau nhưng xét về mặt lý luận cấu thành tội phạm, các mặt khách quan, mặt chủ quan, khách thể và chủ thể có những điểm chung nhất định như đã phân tích. Việc đi vào cụ thể từng yếu tố cấu thành tội phạm, qua đó làm sáng tỏ các dấu hiệu pháp lý hình sự và TNHS đối với từng tội phạm cụ thể để dễ dàng phân biệt tội phạm này đối với tội phạm khác cũng như các trường hợp không phải

là tội phạm là một việc hết sức cần thiết. Các tội phạm có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" sẽ được phân tích đánh giá qua bốn yếu tố: khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm.

***a) Tội chống người thi hành công vụ (Điều 257 BLHS)***

Đây là tội phạm điển hình và mang tính bản chất nhất của hành vi chống người thi hành công vụ, được pháp luật Hình sự quy định thành một tội phạm riêng, mang đặc điểm dấu hiệu cấu thành tội phạm cụ thể.

*Thứ nhất*, về khách thể của tội phạm: tội phạm xâm phạm vào hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội trong các lĩnh vực quản lý hành chính của nhà nước.

*Thứ hai*, mặt khách quan của tội phạm bao gồm các hành vi khách quan sau:

Hành vi *dùng vũ lực đối với người thi hành công vụ* nhằm cưỡng ép họ thực hiện hành vi trái pháp luật hoặc cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ. Dùng vũ lực là dùng sức mạnh vật chất tác động lên thân thể người thi hành công vụ, nếu việc dùng vũ lực này gây thương tích hoặc thiệt hại tính mạng của người thi hành công vụ thì không được xem xét theo Điều luật này;

Hành vi *đe dọa dùng vũ lực với người đang thi hành công vụ* là dùng lời nói, cử chỉ, hành động đe dọa sẽ tấn công bằng vũ lực đối với người thi hành công vụ, đe dọa gây thương tích hoặc gây tổn hại cho bản thân họ hoặc nhân thân của người thi hành công vụ để cản trở họ thi hành công vụ hoặc cưỡng ép họ làm trái pháp luật. Hành vi dùng vũ lực có thể ngay tức khắc hoặc không phải ngay tức khắc nhưng hành vi này sẽ cấu thành tội phạm khi người thi hành công vụ nhận thức được là việc dùng vũ lực sẽ xảy ra thật nếu mình không hành động theo ý muốn của người phạm tội;

*Dùng các thủ đoạn khác đối với người thi hành công vụ nhằm cản trở hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật là các hành vi như đe dọa tố cáo các bí mật đời tư, đe dọa gây thiệt hại về tài sản, danh dự, nhân phẩm, sự nghiệp của người thi hành công vụ, buộc họ phải thực hiện hành vi trái pháp luật.*

*Thứ ba, về mặt chủ quan của tội phạm: tội phạm chống người thi hành công vụ hầu hết được thể hiện dưới hình thức lỗi cố ý, nhưng không có mục đích chống chính quyền nhân dân.*

Cuối cùng, chủ thể của tội phạm là người có đủ NLTNHS và đạt độ tuổi do luật định.

***b) Nhóm tội phạm chống người thi hành công vụ có mục đích chống chính quyền nhân dân***

*- Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 84 BLHS)*

Khách thể của tội phạm: tội khủng bố xâm phạm sự vững mạnh của chính quyền nhân dân qua việc xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tự do thân thể của nhân viên nhà nước, nhân viên tổ chức xã hội và của công dân. Ngoài việc xâm hại đến sự vững mạnh của chính quyền nhân dân, tội khủng bố còn xâm hại đến an ninh đối nội, đối ngoại, gây khó khăn cho quan hệ quốc tế của nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Mặt khách quan của tội phạm: người phạm tội có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tự do thân thể của nhân viên nhà nước, nhân viên tổ chức xã hội hoặc của công dân (kể cả công dân nước ngoài tại Việt Nam) như giết người, đe dọa giết người, cố ý gây thương tích, bắt giữ người... Thực tế, hành vi này thường nhằm vào các viên chức nhà nước, kể cả bộ đội, công an và những người tích cực trong các tổ chức, đoàn thể quần chúng.

Về hậu quả: tội phạm gây ra hậu quả trực tiếp đó là gây chết người, thương tích, xâm phạm tự do thân thể của con người, tội phạm hoàn thành khi người phạm tội đã thực hiện hành vi gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe

hoặc tự do thân thể của công dân; Hậu quả gián tiếp là thông qua việc xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tự do thân thể của nhân viên nhà nước, nhân viên tổ chức xã hội hay của công dân làm suy yếu chính quyền nhân dân, làm ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý của một bộ phận nhân dân.

Mặt chủ quan: tội khủng bố được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích phạm tội là làm suy yếu chính quyền nhân dân, gây khó khăn cho quan hệ đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, gây nên tình trạng bất ổn định về an ninh. Đây là điểm cơ bản để phân biệt với các tội giết người, cố ý gây thương tích, đe dọa giết người, bắt giam giữ người trái pháp luật. Động cơ phạm tội có thể là hằn thù giai cấp, có thể do động cơ khác không phải dấu hiệu bắt buộc.

Chủ thể: là công dân Việt Nam, người nước ngoài hoặc người không quốc tịch có đủ NLTNHS và đạt độ tuổi theo luật định. Đối với người chưa thành niên, pháp luật yêu cầu phải làm rõ thái độ chính trị của họ.

*- Tội phá rối an ninh (Điều 89 BLHS)*

Xét về khách thể: tội phạm xâm phạm an ninh đối nội của nhà nước, xâm phạm sự vững mạnh của chính quyền nhân dân.

Mặt khách quan của tội phạm: thể hiện ở hành vi kích động lôi kéo, tụ tập đông người gây rối an ninh, chống người thi hành công vụ, cản trở sự hoạt động của cơ quan nhà nước hay tổ chức xã hội nhằm mục đích chống chính quyền nhân dân hoặc những hành vi đồng phạm khác phá rối an ninh, cụ thể như sau:

*Kích động, lôi kéo, tụ tập nhiều người phá rối an ninh* là những thủ đoạn tụ tập người khác tham gia gây rối an ninh chính trị ở địa phương như tuyên truyền, rủ rê, đe dọa, mua chuộc nhằm tụ tập nhiều người để hô hét, cản trở giao thông, gây tình trạng lộn xộn ở địa phương.

*Chống người thi hành công vụ:* là hành vi được thể hiện bằng các thủ đoạn như bắt người, cản trở người thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ của mình.

*Cản trở hoạt động của các cơ quan nhà nước hay tổ chức xã hội:* là hành vi gây khó khăn cho các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội thực hiện chức năng của mình dẫn đến tình trạng các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội không hoạt động bình thường được.

Tội phạm hoàn thành khi người phạm tội thực hiện một trong những hành vi kể trên.

Mặt chủ quan của tội phạm: tội phạm được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp với mục đích chống chính quyền nhân dân, mục đích này là dấu hiệu bắt buộc ở tội phạm này, để phân biệt với tội gây rối trật tự công cộng.

Chủ thể: là bất kỳ ai đủ điều kiện là chủ thể của tội phạm và thực hiện những hành vi trên.

### ***c/ Tội giết người (Điều 93 BLHS)***

Khách thể: Tội giết người xâm phạm trực tiếp vào quyền được sống của con người. Đối tượng tác động của tội giết người là thân thể con người đang sống một cách bình thường.

Mặt khách quan của tội phạm: Giết người là hành vi cố ý tước đoạt tính mạng của người khác một cách trái pháp luật (trừ trường hợp thi hành án tử hình theo Điều 259 Bộ luật Tố tụng Hình sự hoặc phòng vệ chính đáng theo Điều 15 BLHS). Tội giết người được thể hiện ở hành vi tước đoạt tính mạng người khác một cách trái pháp luật, hành vi này có thể được thực hiện bằng hành động (tức là dùng sức mạnh vật chất hoặc bằng các thủ đoạn khác tác động lên thân thể nạn nhân, gây nên cái chết cho nạn nhân) hoặc được thực hiện bằng phương pháp không hành động (tức là người phạm tội đã không làm một việc theo trách nhiệm, nghĩa vụ họ phải làm, nhằm tước đoạt tính mạng người khác).

Tội giết người có cấu thành tội phạm vật chất, thời điểm hoàn thành của tội phạm được tính từ khi xảy ra hậu quả chết người, còn nếu chưa gây ra hậu quả thì tùy từng trường hợp cụ thể mà người thực hiện hành vi có thể phạm tội giết người ở các giai đoạn chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt.

Tại khoản 1 Điều 93 quy định một số dấu hiệu hành vi của mặt khách quan phản ánh mức độ tăng lên tính chất nguy hiểm của các trường hợp phạm tội (cấu thành tặng nặng):

- a. Giết nhiều người.
- b. Giết phụ nữ mà biết là có thai.
- c. Giết trẻ em.
- d. Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.
- đ. Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình.
- e. Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng.
- g. Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác.
- h. Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân.
- i. Thực hiện tội phạm một cách man rợ.
- k. Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp.
- l. Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người.
- m. Thuê giết người hoặc giết người thuê.
- n. Có tính chất côn đồ.
- o. Có tổ chức.
- p. Tái phạm nguy hiểm.
- q. Vì động cơ đê hèn.

Trong các trường hợp này, dấu hiệu chống người thi hành công vụ được quy định tại điểm d khoản 1, cụ thể trong trường hợp này, cũng bằng những hành vi khách quan (hành động hoặc không hành động) nhằm tước đoạt tính mạng của nạn nhân nhưng nạn nhân ở đây là những người thi hành công vụ đang thực thi nhiệm vụ do cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội giao phó

vì những lợi ích chung. Người thực hiện hành vi tước quyền sống của nạn nhân biết rõ công vụ nạn nhân đang thực hiện. Giết người vì lý do công vụ của nạn nhân là trường hợp giết người có động cơ gắn liền với việc thi hành công vụ (ngăn chặn, cản trở, trả thù vì nạn nhân có công vụ đó).

Mặt chủ quan: Tội phạm được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý, đa số trường hợp là lỗi cố ý trực tiếp, một số trường hợp do lỗi cố ý gián tiếp tương đối phức tạp.

Chủ thể của tội phạm: tội phạm được thực hiện bởi bất kỳ người nào có đủ NLTNHS và đạt từ 14 tuổi trở lên.

#### ***d/ Tội đe dọa giết người (Điều 103 BLHS)***

Về khách thể: tội phạm xâm phạm vào quyền được sống của con người.

Mặt khách quan của tội phạm: thể hiện ở hành vi đe dọa tước đoạt tính mạng của người khác, có thể được thể hiện bằng lời nói, cử chỉ như mài dao, lấy súng, lên đạn; hoặc có thể gián tiếp như thông qua điện thoại, thư tín... để đe dọa sẽ tước đoạt tính mạng nạn nhân, hành vi này phải có cơ sở khiến người bị đe dọa tin rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện.

Nếu hành vi đe dọa giết người còn có hành vi chuẩn bị giết người bị đe dọa như mài dao, mua đạn, tìm hiểu quy luật đi lại của nạn nhân thì truy cứu TNHS về tội giết người ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội, nếu sau khi đe dọa đã giết người bị đe dọa thì xử lý về tội giết người (Điều 93 BLHS).

Nếu đe dọa giết người để chống người thi hành công vụ thì truy cứu TNHS về tội chống người thi hành công vụ (Điều 257 BLHS) mà không áp dụng Điều 103 BLHS.

Mặt chủ quan: tội phạm được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý, mục đích chỉ đe dọa nạn nhân lo sợ, chứ không có ý định giết nạn nhân.

Chủ thể: tội phạm do người có đủ NLTNHS thực hiện, đạt độ tuổi từ 16 tuổi trở lên.



***e/ Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 104 BLHS)***

Khách thể: tội phạm xâm hại đến quyền bảo vệ sức khỏe của công dân (cụ thể với trường hợp chống người thi hành công vụ, tội phạm này xâm hại trực tiếp đến quyền được bảo vệ sức khỏe của chính những người thi hành công vụ).

Mặt khách quan: Các hành vi trong mặt khách quan của tội phạm này bao gồm:

*Thứ nhất*, hành vi gây thương tích cho người khác: là hành vi dùng sức mạnh vật chất tác động lên thân thể con người làm cho con người có những thương tích nhất định (để lại dấu vết).

*Thứ hai*, hành vi gây tổn hại cho sức khỏe của người khác: dùng sức mạnh vật chất tác động lên thân thể của con người làm cho sức khỏe của nạn nhân yếu đi, không còn nguyên vẹn như trước mặc dù không để lại dấu vết trên thân thể họ, hoặc làm mất chức năng hoạt động của một bộ phận cơ thể của nạn nhân, làm giảm chức năng hoạt động của bộ phận đó.

Dấu hiệu hậu quả được xác định ở mức độ thương tích, hoặc gây nên mức độ tổn hại về sức khỏe của nạn nhân từ 11% trở lên đến 30%, khi mức thương tích từ 31% trở lên thì được coi là tình tiết định khung tăng nặng khi quyết định hình phạt. Tuy nhiên, nếu thương tích dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau thì người phạm tội vẫn bị truy cứu TNHS về tội phạm này:

- a. Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người.
- b. Gây cô tật nhẹ cho nạn nhân.
- c. Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người.
- d. Đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ.

đ. Đối với ông, bà, cha mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình.

e. Có tổ chức.

g. Trong trường hợp đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục.

h. Thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê.

i. Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm.

k. Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân: Trường hợp này chứa đựng dấu hiệu "chống người thi hành công vụ", khi người phạm tội gây thương tích nhằm gây khó khăn, cản trở nạn nhân thi hành công vụ của mình, mặc dù nhận thức được rõ nạn nhân đang thực thi nhiệm vụ của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội giao phó vì những lợi ích chung. Gây thương tích vì lý do công vụ của nạn nhân là trường hợp gây thương tích cho người khác mà có động cơ gắn liền với việc thi hành công vụ của họ.

Về mặt chủ quan: tội phạm được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân.

Chủ thể: Tội phạm được thực hiện bởi người có NLTNHS, đạt độ tuổi luật định.

#### ***f/ Tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 117 BLHS)***

Khách thể: Tội phạm xâm phạm quyền được bảo hộ sức khỏe của con người.

Mặt khách quan: Hành vi phạm tội ở đây được thực hiện bằng các cách thức, phương thức hoặc thủ đoạn khác nhau trực tiếp hoặc qua trung gian cố ý làm lây truyền vi rút HIV của mình cho người khác. Hành vi đó có thể là cắn, cào, cấu hoặc thông qua các vật thể trung gian như kim tiêm, lưỡi dao cạo có nhiễm vi rút HIV...

Hậu quả xảy ra là nạn nhân sau khi được xét nghiệm có kết luận bị nhiễm vi rút HIV là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm.

Mặt chủ quan: Tội phạm được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý, chủ thể đã nhận thức rõ mình bị nhiễm HIV nhưng vẫn cố ý lây truyền cho người khác, hình thức lỗi ở đây có thể là cố ý trực tiếp nhưng cũng có trường hợp là cố ý gián tiếp (người phạm tội tuy không mong muốn nhưng có ý thức bỏ mặc cho hậu quả xảy ra).

Chủ thể: Ngoài những dấu hiệu về mặt chủ thể, người thực hiện hành vi phạm tội này phải là người đang bị nhiễm HIV.

Dấu hiệu chống người thi hành công vụ được quy định tại điểm d khoản 2 (cấu thành tăng nặng), khi chủ thể thực hiện cũng bằng những hành vi khách quan đã phân tích ở trên tác động đến đối tượng là những người thi hành công vụ.

#### ***g/ Tội cố ý truyền HIV cho người khác (Điều 118 BLHS)***

Khách thể: Tội phạm xâm hại quyền được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của con người.

Mặt khách quan: hành vi khách quan của tội phạm này tương tự hành vi khách quan của Tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 117 BLHS).

Mặt chủ quan: Tội phạm được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý, mục đích của tội phạm là làm cho nạn nhân bị nhiễm HIV, để trả thù cá nhân hoặc các mục đích khác.

Chủ thể: Tội phạm được thực hiện do người có đủ NLTNHS và đạt độ tuổi luật định, sự khác nhau ở dấu hiệu chủ thể của Điều 117 và Điều 118 BLHS là vi rút HIV mà chủ thể tội phạm này cố ý truyền là vi rút HIV của người khác chứ không phải của chính mình.

Dấu hiệu chống người thi hành công vụ tại Điều 118 được quy định ở điểm d khoản 2.

#### ***h/ Tội vu khống (Điều 122 BLHS)***

Khách thể: tội phạm xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người.

Mặt khách quan: Hành vi phạm tội là bịa đặt, loan truyền những điều biết rõ là sai lệch nhằm xúc phạm hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác hoặc bịa đặt người khác phạm tội và tố cáo họ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

*Bịa đặt*: là tự mình sáng tác ra những tin tức, câu chuyện, sự việc không có thật nhằm xúc phạm danh dự người khác.

*Loan truyền tin biết rõ là bịa đặt*: là người phạm tội biết rõ những tin tức, câu chuyện, sự việc là không có thật nhưng vẫn phao tin làm trung gian, thông tin đến người khác hoặc làm cho đối tượng nhận thông tin tưởng là thật.

*Bịa đặt người khác phạm tội* là tự mình nghĩ ra cho người khác phạm một tội hình sự, sau đó tố cáo bằng các hình thức khác nhau sự việc nói trên cho bất kỳ một cơ quan có thẩm quyền để tố cáo người khác phạm tội.

Hành vi phạm tội được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Có tổ chức;
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- Đối với nhiều người: có hành vi vu khống từ hai người trở lên;
- Đối với ông bà, cha mẹ, người dạy dỗ, người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh cho mình;
- Đối với người thi hành công vụ: là người đang thực hiện những nhiệm vụ do cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội giao phó vì lợi ích chung của toàn xã hội (dấu hiệu chống người thi hành công vụ được quy định tại trường hợp này, khi người thi hành công vụ là đối tượng bị xâm hại của các hành vi bịa đặt, loan truyền tin biết rõ là bịa đặt, bịa đặt người thi hành công vụ phạm tội)
- Vu khống người khác phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng;

Về mặt chủ quan: Tội phạm được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

Chủ thể: tội phạm được thực hiện bởi người có đủ NLTNHS, đạt độ tuổi theo luật định.

***i/ Tội bắt, giữ, hoặc giam người trái pháp luật (Điều 123 BLHS)***

Khách thể: tội phạm xâm hại đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

Mặt khách quan: điều luật quy định ba tội tương ứng với ba hành vi như sau:

- + Hành vi bắt người trái pháp luật.
- + Hành vi giữ người trái pháp luật.
- + Hành vi giam người trái pháp luật.

Tính trái pháp luật nói trong điều luật là không đúng về thẩm quyền, không có căn cứ, không theo trình tự thủ tục mà pháp luật quy định trong việc bắt, giữ, hoặc giam người trái pháp luật. Tội phạm hoàn thành khi người phạm tội thực hiện những hành vi khách quan trên.

Mặt chủ quan: Tội phạm được thực hiện do lỗi cố ý, động cơ mục đích rất đa dạng, có thể do tư thù cá nhân, do hống hách, do muốn có thành tích, tuy nhiên đây không phải dấu hiệu bắt buộc trong CTTP này [22, tr.256].

Chủ thể thực hiện tội phạm sẽ được coi là có dấu hiệu chống người thi hành công vụ khi bằng chính ba hành vi khách quan trên thỏa mãn điểm c khoản 2 của điều luật.

***j/ Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản. (Điều 143)***

Khách thể: Tội phạm xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản.

Mặt khách quan: Tội phạm được thực hiện ở hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản, cụ thể:

*Hủy hoại tài sản* là làm cho tài sản mất hoàn toàn giá trị hoặc giá trị sử dụng, không còn khả năng khôi phục bằng các cách thức, thủ đoạn khác nhau như: đập, phá, đốt, đổ axit... hoặc bằng không hành động như cố ý không cắt cầu dao điện khi có sự cố làm chập cháy nhà máy.

*Cố ý làm hư hỏng tài sản* ở mức độ thấp hơn, chủ thể bằng các cách khác nhau tác động làm cho tài sản không thể sử dụng được, nhưng vẫn còn có khả năng khôi phục lại, chứ chưa hoàn toàn mất hết giá trị.

Đối với tội phạm này, điều kiện truy cứu TNHS đó là tài sản bị hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng phải có giá trị từ 2 triệu đồng trở lên, nếu trường hợp tài sản chưa đến 2 triệu đồng thì phải có một trong các điều kiện sau: a/ Gây hậu quả nghiêm trọng; b/ Đã bị xử phạt hành chính về hành vi hủy hoại và làm hư hỏng tài sản của người khác; c/ Đã bị kết án về tội phạm này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Tội phạm hoàn thành khi tài sản đã bị hủy hoại hoặc làm hư hỏng.

Mặt chủ quan của tội phạm: tội phạm được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp, động cơ mục đích đa dạng, có thể để trả thù cá nhân, có thể do ghen tuông, ... nhưng không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm.

Chủ thể: tội phạm do người có đủ NLTNHS thực hiện và đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật.

Đối với dấu hiệu "chống người thi hành công vụ", điều luật quy định tại khoản 2 (cấu thành tăng nặng) cùng với các trường hợp phạm tội sau:

1/ Có tổ chức.

2/ Dùng chất nổ, chất cháy hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác: được hiểu là dùng các loại chất nổ, chất cháy như mìn, thuốc nổ TNT, thuốc pháo, xăng, dầu... để thực hiện tội phạm hoặc dùng những thủ đoạn nguy hiểm khác như đổ axit vào máy móc, làm chập điện... để thực hiện tội phạm.

3/Gây hậu quả nghiêm trọng.

4/ Che giấu tội phạm khác.

5/ Vì lý do công vụ của người bị hại: được hiểu là động cơ mục đích phạm tội gắn liền với việc thực hiện công vụ của nạn nhân như để trả thù người thi hành công vụ, để ngăn cản người thi hành công vụ thực hiện công vụ của mình...

6/ Tái phạm nguy hiểm

7/ Gây thiệt hại cho tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng.

***k/ Tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245 BLHS)***

Khách thể: Tội phạm xâm phạm đến những nội quy, quy tắc, điều lệ... về trật tự ở những nơi công cộng, tội phạm xâm phạm trực tiếp đến trật tự chung, vi phạm nếp sống văn minh, quy tắc của cuộc sống XHCN, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường ở những nơi công cộng.

Mặt khách quan: Tội phạm được thực hiện ở hành vi của những người tham gia hoạt động ở những nơi công cộng đã tỏ ra coi thường trật tự chung bằng lời nói, cử chỉ, hành động gây mất trật tự hoặc là những hành vi càn quấy, hành hung người khác (nhưng chưa gây thương tích) ở những nơi công cộng gây lộn xộn, ảnh hưởng đến trật tự chung, cản trở hoạt động bình thường ở những nơi công cộng, gây bất bình căm phẫn trong xã hội.

Nơi công cộng được hiểu là nơi tập trung đông người như công viên, rạp hát, nhà ga, bến xe, đường phố... có nhiều người qua lại, cũng có thể đó là những nơi trao đổi hàng hóa, nơi vui chơi giải trí của công dân.

Trong đó: hành vi gây rối trật tự công cộng kèm theo sự đập phá tài sản hoặc có vũ khí thì tùy từng trường hợp có thể truy cứu TNHS thêm về tội khác như tội hủy hoại tài sản hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 143 BLHS); Hành vi hành hung chống lại người duy trì trật tự công cộng, người đang thi hành công vụ thì có thể người phạm tội phải chịu TNHS theo Điều 257 BLHS về Tội chống người thi hành công vụ; hành vi gây rối trật tự công cộng không

gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của người khác mà chỉ gây ảnh hưởng đến trật tự chung ở nơi công cộng.

Mặt chủ quan: chủ thể thực hiện hành vi dưới hình thức lỗi cố ý.

Chủ thể: Người thực hiện hành vi có đủ NLTNHS và đạt độ tuổi theo luật định.

\*

\* \*

Theo nguyên tắc xử lý tội phạm được Nhà nước ta quán triệt, mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật, nhằm không chỉ trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành những công dân có ích trong xã hội. Khi có tội phạm xảy ra, việc xác định đúng người, đúng tội, đúng trách nhiệm pháp lý mà người đó phải gánh vác sẽ có một ý nghĩa to lớn trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm, đặc biệt là với các tội phạm có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ". Pháp luật Hình sự đã rất chi tiết và cụ thể hóa trong việc quy định các hành vi chống người thi hành công vụ, tùy theo các hành vi khách quan và động cơ, mục đích khác nhau sẽ cấu thành các tội phạm khác nhau, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, của hình phạt và đảm bảo pháp chế XHCN. Tuy nhiên, từ việc quy định trong Luật Hình sự đến sự áp dụng các quy định này trong thực tiễn xét xử đã thống nhất hay chưa, còn những vướng mắc nào trong việc áp dụng pháp luật, chúng tôi xin được tiếp tục nghiên cứu ở chương tiếp theo.



### *Chương 3*

## **THỰC TIỄN ÁP DỤNG DẤU HIỆU "CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ" VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN LUẬT HÌNH SỰ VỀ DẤU HIỆU NÀY**

### **3.1. THỰC TIỄN ÁP DỤNG DẤU HIỆU "CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ"**

Tuy dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" được quy định trong Bộ luật Hình sự tại các chương, các tội danh khác nhau nhưng tất cả những tội phạm này đều có những điểm chung nhất định về hành vi, động cơ và mục đích, đối tượng tác động, chủ thể... Nói một cách khái quát, đối tượng tác động của tội phạm này là người thi hành công vụ, họ bị xâm hại vì việc thực thi công vụ đang có ảnh hưởng đến quyền lợi, lợi ích bất hợp pháp của người phạm tội, vì vậy người phạm tội ngoài việc cản trở người thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ của mình còn nhằm trả thù, đe dọa, hoặc ép buộc người thi hành công vụ thực hiện hành vi trái pháp luật theo ý đồ của người phạm tội. Những hành vi phạm tội đối với người thi hành công vụ có thể xảy ra trước, trong hoặc sau khi họ thực hiện công vụ của mình.

Có một vấn đề cần đặt ra khi xem xét các tội phạm có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" là cần phân biệt rõ hơn tội "chống người thi hành công vụ" tại Điều 257 BLHS với các tội phạm có dấu hiệu này, tránh sự nhầm lẫn khi áp dụng pháp luật. Bởi trong luật hình sự, hành vi chống người thi hành công vụ được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, xâm hại các khách thể khác nhau nên được quy định là tội phạm trong nhiều tội danh khác nhau. Tuy nhiên trong thực tế áp dụng các quy định của BLHS thường có sự nhầm lẫn giữa các tội này, mà đặc biệt là giữa tội Chống người thi hành công vụ với các tội khác, bởi quy định tại Điều 257 thực sự chưa phân biệt được rõ ràng với các tội có dấu hiệu chống người thi hành công vụ trong luật. Trong

thực tế xét xử đã xảy ra một số hành vi có cấu thành đồng thời của tội Chống người thi hành công vụ tại Điều 257 và một số tội có dấu hiệu này. Ví dụ, hành vi "đe dọa dùng vũ lực cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật", hành vi "đe dọa" này có thể là đe dọa giết người, đe dọa gây thương tích, gây tổn hại đến sức khỏe người thi hành công vụ. Hay đối với tình tiết "dùng thủ đoạn khác nhằm cản trở người thi hành công vụ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật", thủ đoạn khác có thể là vu khống, làm nhục người thi hành công vụ, hoặc bắt, giữ hoặc giam người thi hành công vụ trái pháp luật. Vậy ngoài hành vi thỏa mãn cấu thành tội "Chống người thi hành công vụ", còn đồng thời thỏa mãn dấu hiệu khách quan của các tội như Tội làm nhục người khác (Điều 121); Tội vu khống (Điều 122); Tội đe dọa giết người (Điều 103).. Vậy chế tài nào sẽ được áp dụng ở đây là vấn đề cần phải làm rõ.

Theo Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao quy định:

Nếu người phạm tội giết người thi hành công vụ thì họ bị xử lý về tội giết người theo điểm e khoản 1 Điều 101. Nếu họ gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người thi hành công vụ thì tùy tình tiết vụ án, họ bị xử lý theo điểm b khoản 2 Điều 109 (gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe) hoặc theo khoản 3 Điều 109 (gây cố tật nặng hoặc dẫn đến chết người) [32].

Nghị quyết số 04 hướng dẫn áp dụng quy định tội Chống người thi hành công vụ của Bộ luật Hình sự năm 1985 nhưng căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành, tội Chống người thi hành công vụ cũng được tham chiếu tương tự.

Có khá nhiều ý kiến đã bày tỏ quan điểm của mình về vấn đề này, về việc nên chọn một tội hay chọn đồng thời hai tội để xử lý, nếu như ngoài tội "Chống người thi hành công vụ" tại Điều 257 BLHS, hành vi của người phạm

tội đồng thời cấu thành một tội khác. Có tác giả cho rằng chỉ nên được chọn một tội để xử lý, hoặc tội "Chống người thi hành công vụ", hoặc tùy từng trường hợp một trong các tội được quy định tại các điều luật của BLHS có dấu hiệu Chống người thi hành công vụ. Lại có ý kiến khác cho rằng, có sự thu hút tội ở đây, ví dụ nếu người phạm tội có hành vi cấu thành Tội giết người, vừa cấu thành Tội chống người thi hành công vụ thì sẽ thu hút về Tội giết người với tình tiết định khung tăng nặng "giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân". Nếu hành vi chống người thi hành công vụ thỏa mãn cấu thành tội phạm của một trong các tội có dấu hiệu chống người thi hành công vụ, thì phải là tội danh tương ứng theo khung hình phạt tăng nặng mới phản ánh đúng đắn và đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Đây chính là trường hợp khoa học Luật hình sự gọi là dấu hiệu định tội, và định khung tăng nặng của tội danh nhất định. Khi đã quy định dấu hiệu định tội của một cấu thành tội phạm thành dấu hiệu định khung hình phạt của một cấu thành tội phạm khác thì hành vi chỉ cấu thành một tội và thuộc khung hình phạt tăng nặng (ví dụ dấu hiệu định khung hình phạt của Tội vu khống - đối với người thi hành công vụ). Có thể dẫn chứng vụ việc chống người thi hành công vụ tại xã Đông Hương, Thanh Hóa: Chiều 18/7/2011, trong lúc tổ công tác của Công an thành phố Thanh Hóa và Công an xã Đông Hương gồm 5 đồng chí: Hoàng Trung Kiên, Công an phụ trách xã; Nguyễn Trọng Tấn, Trưởng Công an xã Đông Hương; Nguyễn Hữu Hải, Phó trưởng Công an xã Đông Hương; Nguyễn Hoàng Doanh và Lê Văn Giang là Công an viên đang làm nhiệm vụ tại khu vực thôn Ba Tân, xã Đông Hương, thì bị đối tượng Nguyễn Trọng Đức chửi bới, lăng mạ và đe dọa giết đồng chí Kiên. Bởi lý do trước đó đồng chí Kiên thường xuyên gọi hỏi răn đe, nhắc nhở Đức về hành vi tổ chức đánh bạc. Không dừng lại ở đó, ngày 19/7/2011, Đức đã đến nhà đe dọa gây hoang mang, lo sợ cho gia đình đồng chí Kiên. TAND thành phố Thanh Hóa đã xét xử tên Đức với tội danh đe dọa giết người, với tình tiết tăng nặng mang dấu hiệu "chống người thi hành công vụ".

Vấn đề thứ hai được đề cập đến trong thực tiễn áp dụng dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" đó là sẽ có những trường hợp bị nhầm lẫn trong việc định tội danh cho các hành vi phạm tội. Việc so sánh cấu thành tội phạm của một tội được quy định trong Bộ luật hình sự với hành vi xảy ra trên thực tế nhằm mục đích định tội danh cho hành vi này. Nếu hành vi chống người thi hành công vụ phù hợp với cấu thành tội phạm của một tội nhất định thì hành vi đó là dấu hiệu định tội, nhưng nếu ngoài những dấu hiệu pháp lý cơ bản đó còn kéo theo những dấu hiệu pháp lý phù hợp với cấu thành tội phạm của những tội khác, lúc này dấu hiệu định tội "chống người thi hành công vụ" sẽ được chuyển thành dấu hiệu định khung hình phạt của tội tương ứng với hành vi người phạm tội thực hiện. Việc trừng trị kịp thời những kẻ có hành vi coi thường pháp luật, coi thường tính mạng sức khỏe con người và trật tự công cộng là điều rất cần thiết, tuy nhiên thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử loại hành vi này còn nhiều tồn tại vướng mắc liên quan đến việc định tội danh.

Có trường hợp Viện kiểm sát truy tố tội Cố ý gây thương tích với tình tiết "để cản trở người thi hành công vụ" nhưng Tòa án lại định tội Chống người thi hành công vụ; cũng có trường hợp Viện kiểm sát truy tố tội "Chống người thi hành công vụ" nhưng tòa án lại xét xử về tội Gây rối trật tự công cộng với tình tiết "hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng". Hoặc có trường hợp Viện kiểm sát truy tố 2 trong 3 tội trên nhưng Tòa án lại chỉ xét xử về một tội.

Thực tế xét xử có vụ việc như sau: Tháng 9-2008, TAND quận Gò Vấp (Thành phố Hồ Chí Minh) đã tuyên phạt ba anh em Trần Văn Hải, Trần Thanh Điền mỗi người một năm chín tháng tù, Trần Thanh Bình một năm năm tháng năm ngày tù về tội chống người thi hành công vụ. Tình tiết vụ án cụ thể vào tháng 4-2007, Hải cùng đồng phạm xông vào trụ sở công an, lấy dao đâm một cán bộ năm nhát vào vùng ngực trái và bụng. Thụ lý, cơ quan điều tra công an quận nhận định Hải chỉ có hành vi chống người thi hành công vụ nên chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát cùng cấp đề nghị truy tố về tội này. Từ báo cáo của TAND quận Gò Vấp, TAND Thành phố Hồ Chí Minh đã

cho rằng việc Hải dùng dao đâm vào vùng ngực trái là nơi trọng yếu của cơ thể nạn nhân, có dấu hiệu của tội giết người nên rút hồ sơ lên, chuyển cho Viện kiểm sát thành phố ra cáo trạng truy tố về tội giết người. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, công an không chứng minh được động cơ giết người của Hải, đồng thời Hải chỉ gây thương tích nhẹ cho nạn nhân nên Viện kiểm sát thành phố lại chuyển vụ án ngược lại cho Viện kiểm sát quận Gò Vấp điều tra bổ sung về tội cố ý gây thương tích. Ngặt một nỗi, nạn nhân lại không đồng ý đi giám định thương tật cũng như không có yêu cầu xử lý hình sự nên các cơ quan tố tụng quận Gò Vấp không thể giải quyết được. Cuối cùng, họ chỉ xét xử Hải được mỗi tội chống người thi hành công vụ. Nhận định vụ việc trên, tội danh của Hải được định theo Điều 257 BLHS là chưa thích đáng với hành vi phạm tội và mức độ nghiêm trọng của vụ việc, tuy nhiên do vướng mắc trong quá trình giải quyết, nên có nhiều quan điểm cho rằng vụ án có bản án xét xử chưa đúng với tội danh.

Rõ ràng, nguyên tắc pháp chế XHCN đang bị vi phạm nếu các quan điểm về định tội danh chưa được thống nhất. Để định đúng tội danh và loại bỏ những hậu quả tiêu cực, cần phải đưa ra những tiêu chí phân biệt trong các tội phạm có chung dấu hiệu chống người thi hành công vụ với nhau, tránh sự nhầm lẫn khi áp dụng. Có thể xây dựng một số tiêu chí để phân biệt các tội với nhau như sau:

- Tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245 BLHS) : Người nào dùng vũ lực đối với người thi hành công vụ nhưng không nhằm cản trở họ thực thi nhiệm vụ mà chỉ vì bản tính côn đồ hoặc ý thức coi thường pháp luật, hành vi đó cũng chưa gây ra thương tích hoặc gây ra nhưng không đáng kể cho nạn nhân.

- Tội chống người thi hành công vụ (Điều 257 BLHS): Người nào dùng vũ lực để cản trở người thi hành công vụ nhưng vì hành vi đó chưa gây ra thương tích nào hoặc không đáng kể cho người thi hành công vụ

- Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác (Điều 104 BLHS): Người nào dùng vũ lực đối với người thi hành công vụ và gây ra thương tích đáng kể có tỷ lệ thương tật cho người thi hành công vụ thì cấu thành tội này, với tình tiết định khung "để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân".

Ngoài ra, khi áp dụng pháp luật, việc chứng minh được dấu hiệu mục đích "chống chính quyền nhân dân" trong các tội Khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 84), Tội phá rối an ninh (Điều 89) là việc rất quan trọng để định tội danh cho các hành vi chống người thi hành công vụ. Xét về mặt khách quan, các tội phạm này có hành vi khách quan tương tự với những tội phạm còn lại có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ". Bởi:

- Hành vi xâm phạm tính mạng cán bộ, công chức tương tự với hành vi của Tội giết người (giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân).

- Hành vi xâm phạm tự do thân thể, sức khỏe của cán bộ công chức tương tự với hành vi khách quan của các tội Cố ý gây thương tích, Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật.

- Hành vi đe dọa xâm phạm tính mạng cán bộ công chức hoặc đối với người thân của họ tương tự với hành vi khách quan của Tội đe dọa giết người.

- Hành vi kích động, lôi kéo, tụ tập nhiều người phá rối an ninh, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan tổ chức tương tự với hành vi khách quan của các Tội chống người thi hành công vụ, Tội gây rối trật tự công cộng.

Khi áp dụng vào quá trình điều tra, truy tố, xét xử, những người tiến hành tố tụng phải chứng minh được mục đích chống chính quyền nhân dân của người phạm tội, nếu bỏ qua dấu hiệu mục đích này, việc định tội danh đối với người phạm tội sẽ không phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi mà họ thực hiện đối với nhà nước, cơ quan tổ chức, cán bộ công chức và nhân dân.

Những bất cập như đã phân tích ở trên là yếu tố gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc áp dụng pháp luật một cách thống nhất, chính vì bản thân các điều luật không có sự phân biệt một cách rạch ròi nên hậu quả thể hiện ở việc định tội danh không chính xác. Vì vậy cần thiết nhà làm luật phải có hướng dẫn cụ thể để phân biệt giữa các điều luật có sự tương tự về mặt cấu thành tội phạm của các tội có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ", làm tiền đề cho việc giải quyết các vụ việc trong thực tế.

### **3.2. THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN CỦA TỘI PHẠM CÓ DẤU HIỆU "CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ" VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN LUẬT HÌNH SỰ VỀ DẤU HIỆU NÀY**

#### **3.2.1. Thực trạng của tội phạm có dấu hiệu chống người thi hành công vụ**

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội thì tình hình an ninh trật tự cũng có nhiều diễn biến phức tạp, với sự gia tăng của nhiều loại tội phạm, xuất hiện nhiều tội phạm mới hoặc có những loại tội phạm đã giảm thì nay gia tăng trở lại. Các lực lượng thi hành pháp luật gặp rất nhiều khó khăn trong công tác phòng chống do phương thức, thủ đoạn hoạt động và che dấu tội phạm của các đối tượng ngày càng tinh vi, xảo quyệt, tính chống đối ngày càng mạnh động, liều lĩnh. Tình trạng chống người thi hành công vụ có chiều hướng gia tăng và diễn biến rất phức tạp cả về số vụ và tính chất phạm tội.

Trong 10 năm trở lại đây (từ năm 2001 đến năm 2010), tội phạm thực hiện đối với người thi hành công vụ nói chung có chiều hướng gia tăng về số vụ, tính chất nghiêm trọng, và phương thức, thủ đoạn phạm tội mới. Riêng đối với tội phạm Chống người thi hành công vụ, trung bình mỗi năm xảy ra 500 vụ, đặc biệt từ năm 2009 đến nay tình trạng này gia tăng, trung bình mỗi năm xảy ra 700 vụ, cụ thể như sau:

- Năm 2009: xảy ra 749 vụ (tăng 12% so với năm 2008)

- Năm 2010: xảy ra 718 vụ (tuy có giảm 4,1% so với năm 2009 nhưng tính chất nguy hiểm lại có chiều hướng cao hơn, gây thương vong lớn cho người thi hành công vụ).

Đối với các tội phạm khác có dấu hiệu chống người thi hành công vụ, theo thống kê chưa đầy đủ của Bộ Công an cho thấy từ năm 2003 đến nay trên toàn quốc trung bình mỗi năm xảy ra hơn 3.000 vụ, làm chết và bị thương hàng trăm cán bộ hành pháp các cấp, hư hỏng nhiều tài sản, phương tiện công tác của lực lượng thi hành công vụ. Trong đó, trên 75% số vụ có hành vi chống người thi hành công vụ nhằm vào lực lượng công an nhân dân, chủ yếu là chống lại lực lượng cảnh sát (đặc biệt là cảnh sát giao thông) và công an xã chiếm tỷ lệ rất cao bởi do đặc thù nghề nghiệp, lực lượng công an, nhất là cảnh sát thường xuyên trực tiếp giải quyết những vụ việc liên quan đến quyền lợi vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là trong trường hợp tham gia giải quyết những vụ việc phức tạp về an ninh trật tự. Chỉ tính riêng trên địa bàn Hà Nội (cũ) năm 2008 đã xảy ra 154 vụ (tăng 250%) so với năm 2007. Theo thống kê của Tổng cục Cảnh sát Phòng chống tội phạm, từ năm 2001 đến nay, đã có hơn 100 cán bộ chiến sỹ cảnh sát hy sinh; trên 1.300 cảnh sát bị thương, bị phơi nhiễm HIV, cho thấy tình trạng chống người thi hành công vụ diễn ra nghiêm trọng hơn, nhiều vụ ngang nhiên, công khai, trắng trợn, xâm hại không những đến hoạt động bình thường của nhà nước, mà nguy hiểm hơn, những hành vi phạm tội này còn xâm hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của người thi hành công vụ, đặc biệt là lực lượng cảnh sát. Đặc biệt trong thời gian gần đây, các tội phạm chống người thi hành công vụ đang có chiều hướng gia tăng rất nhanh.

Trong đợt cao điểm tấn công tội phạm bảo vệ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và Tết Tân mao năm 2011, tình trạng tội phạm này tăng đến mức đột biến, cụ thể là 109 vụ, tăng 29 vụ (36,2%) so với cùng kì năm 2009, tăng 08 vụ (7,92%) so với thời gian liền kề, trên 95% số vụ là chống lại lực lượng công an nhân dân, công an xã,



dân phố, dân phòng, trong đó: Số vụ chống lại cảnh sát giao thông là 18,2%; Số vụ chống lại công an xã là 21,2%; Số vụ chống lại cảnh sát khu vực, cảnh sát trật tự là 23,2%; Số vụ chống lại các đối tượng thi hành công vụ khác là 37,4%

Trong đợt cao điểm này, công an các đơn vị, địa phương đã điều tra làm rõ được 82 vụ, bắt và xử lý được 101 đối tượng (đạt tỷ lệ 75,2%) [2].

Dưới góc độ thực trạng của những hành vi chống người thi hành công vụ, thường mang những đặc điểm như sau:

*Thứ nhất*, về hành vi chống người thi hành công vụ, có thể thấy những hành vi này xảy ra ngày càng nhiều, tỷ lệ tội phạm năm sau cao hơn năm trước, tính chất các vụ việc thường manh động, liều lĩnh, táo tợn và nguy hiểm. Các đối tượng chống người thi hành công vụ không chỉ để ngăn cản các lực lượng chức năng thi hành công vụ sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bản thân, còn mang yếu tố chống lại để chạy trốn, hoặc để cho người thân chạy trốn, không bị thi hành các biện pháp cưỡng chế về hình sự, hành chính, hoặc cao hơn nữa là còn ngang nhiên tấn công và chống lại lực lượng thi hành công vụ, xông vào trụ sở của các cơ quan chức năng, kể cả cơ quan công an để tấn công, giải cứu đồng bọn, cướp lại tang vật. Chỉ vài năm trở lại đây, dư luận xã hội đã nhiều lần bức xúc với tình trạng lực lượng Cảnh sát giao thông liên tục bị người vi phạm Luật Giao thông chống lại bằng nhiều hình thức. Nhẹ thì chửi bới, có khi còn nhổ nước bọt vào mặt, rồi tát Cảnh sát giao thông, nặng thì đâm thẳng ô tô vào người, có lái xe còn cố tình chạy ngoằn ngoèo qua nhiều cây số trong khi cảnh sát giao thông vẫn còn bám trên nắp capô. Hoặc như vụ việc tại TP Thanh Hóa xảy ra vụ va chạm giao thông giữa hai xe máy. Sau khi va quệt, hai thanh niên đi chung một xe định bỏ chạy, 2 cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ gần đó đã kịp thời có mặt, yêu cầu những người có liên quan cho xe máy vào lề đường giải quyết. Ngay lập tức, một tên đã gọi điện

thoại cho gần 10 đối tượng khác đi xe máy, bịt khẩu trang đến chửi bới, lăng mạ và dùng dao, kiếm tấn công 2 cảnh sát và người đàn ông vừa bị va quệt giao thông, đồng thời giải thoát cho 2 đối tượng vi phạm. Công an thành phố Thanh Hóa đã điều tra, xác minh và bắt giữ 5 đối tượng là thủ phạm chính trong số 12 đối tượng đã có hành vi côn đồ, chống lại người thi hành công vụ này.

*Thứ hai*, về công cụ phương tiện mà những đối tượng thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ sử dụng để phạm tội ngày càng đa dạng hơn. Nếu như giai đoạn trước đây các đối tượng chủ yếu dùng gậy gộc, những thanh gỗ, thanh sắt để chống người thi hành công vụ, thì gần đây các đối tượng đã sử dụng các loại vũ khí như súng quân dụng, súng bắn đạn hoa cải, lựu đạn... (như vụ việc xảy ra tại Cầu Bính - Thành phố Hải Phòng đầu năm 2012, một chiến sĩ cảnh sát cơ động khi đang thực hiện nhiệm vụ đã bị đối tượng phạm tội dùng súng hoa cải bắn trọng thương và đã hi sinh), và các loại công cụ hỗ trợ như roi điện, mã tấu, lưỡi lê... thậm chí có đối tượng còn dùng cả phương tiện giao thông lao thẳng vào lực lượng thi hành công vụ, hậu quả nghiêm trọng hơn rất nhiều, có những vụ lực lượng thi hành công vụ bị trọng thương, hoặc bị chết. Trong đó số vụ dùng súng, dao, kiếm, mã tấu... chiếm 14,5%, dùng gậy, gạch đá chiếm 23%, sử dụng phương tiện giao thông đâm trực tiếp vào Cảnh sát chiếm 8% tổng số vụ chống người thi hành công vụ.

Đặc biệt đối với các trường hợp xử lý vi phạm giao thông, khi vi phạm bị xử lý, các đối tượng sử dụng mọi biện pháp như xin xỏ ai đó tác động, hoặc dùng tiền đưa cho cảnh sát giao thông để đạt được mục đích. Khi mục đích không thực hiện được, các đối tượng này đã quay ra cản trở, hành hung người thi hành công vụ. Nhiều vụ khi lực lượng cảnh sát giao thông ra hiệu lệnh dừng xe thì người điều khiển xe đã liều lĩnh đâm thẳng vào người đang thi hành công vụ. Điều này chứng tỏ thái độ coi thường kỉ cương pháp luật nhà nước, thể hiện bản tính côn đồ, hung hãn (số lượng này năm 2010 tăng hơn 60% so với năm 2009). Hoặc các đối tượng còn tiến hành hủy hoại tài sản,

phương tiện của lực lượng thi hành công vụ, như vụ xảy ra ngày 17/12/2009 tại Mê Linh, Hà Nội, do bị kích động, hàng trăm người dân đã kéo đến hiện trường việc giải phóng mặt bằng để đập phá, đốt xe ô tô của cảnh sát thi hành công vụ và 05 xe ô tô khác.

*Thứ ba*, đối tượng chống người thi hành công vụ rất đa dạng, từ số đối tượng phạm tội nguy hiểm, có tiền án, tiền sự, côn đồ, càn quấy đến đối tượng phạm tội lần đầu, thanh thiếu niên mới lớn, trong đó theo phân tích của cơ quan công an, chủ yếu là nam giới độ tuổi từ 18-35 (chiếm khoảng 96%) và tập trung nhiều là loại đối tượng thích ăn chơi, không chịu lao động, hay tụ tập, lêu lổng, đối tượng lưu manh chuyên nghiệp, côn đồ hung hãn, đa số đối tượng có trình độ học vấn thấp, kém hiểu biết pháp luật; hoặc ngay cả cán bộ công nhân viên Nhà nước, thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên (50% số lượng này có nghề nghiệp ổn định). Tính chất hành vi chống trả tấn công ngày càng mạnh động, nguy hiểm, thể hiện ý thức coi thường pháp luật của một bộ phận công dân. Đặc biệt, đối tượng chống người thi hành công vụ đang có xu hướng trẻ hóa, do có một bộ phận thanh thiếu niên xuống cấp đạo đức, không tôn trọng pháp luật.

*Thứ tư*, về địa bàn, các vụ chống đối người thi hành công vụ không chỉ xảy ra ở các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng... mà còn diễn biến phức tạp ở nhiều địa phương khác trên toàn quốc, trong đó có cả vùng thôn quê, vùng sâu, vùng xa, nhứt nhối nhất là tại các địa phương đang đô thị hóa, xảy ra tranh chấp đất đai hoặc giải phóng mặt bằng phục vụ triển khai các dự án lớn. Chẳng hạn vụ việc xảy ra ở xã Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình làm 3 cán bộ, chiến sỹ công an hi sinh, 4 cán bộ, chiến sỹ công an bị thương; hoặc các vụ việc xảy ra ở các tỉnh như Gia Lai, Bắc Giang, Hải Dương...

*Thứ năm*, về hành vi chống đối, cũng rất đa dạng như không chấp hành mệnh lệnh, có lời nói xúc phạm, giật mũ, áo, tụ tập đông người kéo đến

vây ráp, gây áp lực, ném đất đá, cản trở không cho lực lượng cảnh sát thực hiện nhiệm vụ, lôi kéo, kích động người khác tấn công cảnh sát, tấn công trụ sở làm việc đập phá tài sản, đánh tháo đối tượng, cướp phá phương tiện nghiệp vụ, lợi dụng đám đông kích động gây rối, tấn công cản trở không cho lực lượng thi hành công vụ làm nhiệm vụ. Đáng quan tâm là thời gian gần đây, có nhiều vụ đối tượng manh động tấn công vào mục tiêu mà cảnh sát đang canh gác, bảo vệ, đập phá trụ sở cơ quan Nhà nước như vụ một số cổ động viên bóng đá của đội Xi măng Hải Phòng đã chống lại cảnh sát, ném đá vào một số cơ quan sau trận đấu với đội Thể Công trên sân Hàng Đẫy. Một số vụ tập trung đông người ngăn cản, chống đối khi chính quyền và công an địa phương tiến hành giải tỏa mặt bằng, gây rối trật tự tại một số phiên tòa xét xử ở các địa phương hoặc tấn công cảnh sát để tìm cách thoát thân. Nhiều đối tượng có HIV dùng dao, kim tiêm có dính máu đe dọa và tấn công cảnh sát. Có trường hợp mang vũ khí đến tận nhà công an xã đe dọa, kéo đông người đến vây cán bộ, đánh lại lực lượng cảnh sát ngay tại trụ sở làm việc.

*Thứ sáu*, về lĩnh vực thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ, theo báo cáo của cơ quan công an, qua nghiên cứu những vụ điển hình trong năm 2010 cho thấy tỷ lệ người thi hành công vụ bị chống đối trong các lĩnh vực sau:

Giải quyết các vụ việc về an ninh trật tự ở cơ sở là 30.2%; Giải quyết các vụ việc vi phạm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng là 28,6%; Cưỡng chế, giải phóng mặt bằng thi công, công trình trái phép là 15,7%; Truy bắt những vụ khai thác, buôn bán, vận chuyển lâm sản hoặc các loại hàng hóa trái phép khác là 14,2%; Bắt giữ các đối tượng phạm tội là 4,8% [2].

Đặc biệt, những đối tượng vi phạm giao thông lỗi không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe gắn máy, bị ngăn chặn xử lý đã lăng mạ, tấn công lực lượng cảnh sát chiếm tỷ lệ rất cao (trên 70%) tổng số vụ chống người thi hành công vụ trong lĩnh vực đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

Xem xét tỷ lệ này, có thể thấy đối tượng bị tấn công trong các vụ chống người thi hành công vụ chủ yếu là lực lượng cảnh sát nhân dân (chiếm trên 50% tổng số vụ chống người thi hành công vụ), đặc biệt là chống lại lực lượng cảnh sát giao thông vì họ là những người thường trực hàng ngày giải quyết và xử lý những vụ việc vi phạm giao thông từ mức độ nhẹ đến những vụ việc nghiêm trọng. Từ đầu năm 2010 đến nay, theo thống kê chưa đầy đủ đã xảy ra hơn 540 vụ chống lại lực lượng cảnh sát thi hành công vụ, làm 02 cảnh sát hi sinh, 80 cảnh sát bị thương. Bên cạnh đó, tình trạng chống lại lực lượng công an xã, bảo vệ dân phố, dân phòng cũng xảy ra nghiêm trọng ở một số địa phương (ví dụ vụ gây rối trật tự công cộng tại địa bàn xảy ra ngày 09/02/2010, đối tượng đã đâm chết anh Thắng là bảo vệ dân phố ở Biên Hòa, Đồng Nai khi anh đang phối hợp giải quyết vụ việc). Đối tượng cũng thường xuyên là tâm điểm của các vụ chống người thi hành công vụ đó là lực lượng kiểm lâm, do tình hình lâm tặc đã hung hăng chống đối, thậm chí nổ súng làm bị thương hoặc làm chết cán bộ kiểm lâm để hòng chạy thoát; hoặc có trường hợp các đối tượng phá rừng đã chủ động tìm đến nhà cán bộ kiểm lâm để đe dọa hành hung, chống trả lại lực lượng chức năng để cướp lại tang vật...

Cuối cùng, về thủ đoạn phạm tội, ngoài việc sử dụng vũ lực để chống người thi hành công vụ nhằm bảo vệ lợi ích của mình, các đối tượng còn lợi dụng quyền tự do, dân chủ, quyền khiếu nại, tố cáo và tự do ngôn luận để vu khống, làm sai lệch sự thật, làm mất uy tín khiến cho người dân hiểu sai bản chất sự việc, làm nhụt ý chí của người thi hành công vụ. Theo báo cáo tổng kết công tác Thanh tra năm 2010, có 4.761 đơn khiếu nại, trong đó có 59,6% đơn phản ánh không đúng sự thật, hoặc nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo xuyên tạc, bóp méo về sai phạm của cán bộ, chiến sỹ, người thi hành công vụ.

Dưới đây là số liệu thống kê các vụ án đã xét xử hàng năm của TAND tối cao, cụ thể, chỉ riêng với Tội chống người thi hành công vụ nói riêng, số liệu từ 2005 - 2010 như sau:

**Bảng 3.1: Số liệu thống kê các vụ án chống người thi hành công vụ từ năm 2005 - 2010**

Năm	Tội chống người thi hành công vụ			
	Số vụ phải giải quyết	Số bị cáo phải giải quyết	Số vụ xét xử	Số bị cáo bị xét xử
2005	680	1264	593	1057
2006	683	1242	611	1100
2007	650	1171	570	962
2008	714	1374	642	1196
2009	802	1376	725	1172
2010	812	1470	721	1234
<b>Tổng</b>	<b>4341</b>	<b>7879</b>	<b>3862</b>	<b>6721</b>

*Nguồn:* [2].

Bảng biểu thống kê trên đã chứng tỏ một thực trạng đó là chỉ trong vòng 5 năm nhưng số vụ án chống người thi hành công vụ theo chiều hướng gia tăng. Nếu năm 2005, số vụ xét xử là 593 vụ thì đến năm 2010, số vụ đưa ra xét xử là 721 vụ (tăng 121,6%), số bị cáo từ 1057 bị cáo bị xét xử tăng lên 1234 bị cáo (tăng 116,7%). Chưa kể đến các hành vi chống người thi hành công vụ nằm trong các tội phạm khác, có thể nói hiện tượng một bộ phận xã hội đang đứng trước nguy cơ xử sự không phù hợp với chuẩn mực xã hội, và chính quyền lợi hợp pháp của những người thi hành công vụ đang bị đe dọa trực tiếp.

### **3.2.2. Nguyên nhân của các tội phạm có dấu hiệu chống người thi hành công vụ**

Những tội phạm chống người thi hành công vụ có xu hướng gia tăng mạnh, xâm hại đến nhiều khách thể khác nhau, nhưng nhìn chung đều ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của bản thân người thi hành công vụ, có những tội phạm còn gây hại đối với người thân của người thi hành công vụ để gây sức ép, hoặc để trả thù người thi hành công

vụ. Những hành vi như vậy được thực hiện do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, chủ yếu bởi những nguyên nhân sau:

*Thứ nhất*, là nguyên nhân liên quan đến vấn đề kinh tế - xã hội, thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI, bước sang nền kinh tế thị trường, đất nước ta không ngừng tiến bước trên con đường đổi mới, tích cực, đời sống nhân dân từng bước được nâng cao, văn hoá xã hội có nhiều tiến bộ, tình hình kinh tế - chính trị - xã hội tương đối ổn định, an ninh quốc phòng được tăng cường, quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng, hợp tác quốc tế được tiến hành chủ động và đạt kết quả tốt. Tuy nhiên, theo quy luật chung của hiện tượng xã hội thì vấn đề gì cũng có mặt trái của nó. Bên cạnh những thành tựu đạt được, chúng ta cũng phải gánh chịu những ảnh hưởng không nhỏ do mặt trái của nền kinh tế thị trường đem lại, cộng với sự thiếu kinh nghiệm trong quản lý kinh tế xã hội đã làm cho đời sống xã hội có những biến động phức tạp: sự xuống cấp về đạo đức và lối sống, tình trạng thiếu việc làm và thất nghiệp gia tăng, sự phân hoá giàu nghèo sâu sắc, lai căng văn hoá dân tộc... Ý thức pháp luật của một bộ phận dân cư còn hạn chế dẫn đến tình trạng coi thường pháp luật, một số người bị đối tượng xấu kích động dẫn đến hành vi chống lại lực lượng thi hành công vụ (nhất là trong lĩnh vực giải phóng mặt bằng các công trình, dự án.. do phát triển kinh tế hình thành nhiều khu công nghiệp, khu quy hoạch để phát triển cơ sở hạ tầng, từ đó vấn đề bồi thường, giải phóng mặt bằng, đền bù không thỏa đáng dẫn đến quần chúng nhân dân khiếu kiện và lợi dụng việc khiếu kiện quá khích dẫn đến vi phạm pháp luật); hoặc cũng do trình độ nhận thức pháp luật hạn chế, đối tượng có hành vi lăng mạ, giằng xé quần áo, phù hiệu, hoặc tát người thi hành công vụ mà không biết đó là hành vi vi phạm pháp luật.

*Thứ hai*, là nguyên nhân liên quan đến vấn đề quản lý xã hội, khi những quy định trong chủ trương, chế độ, chính sách còn chưa phù hợp, chưa sát với thực tế, việc thực hiện tổ chức ở cơ sở có nơi có lúc chưa nghiêm, chưa đúng, còn chậm trễ, thiếu nhất quán, nhất là trong lĩnh vực quản lý đất

đai, thực hiện các chính sách xã hội... Ngoài ra có những văn bản được ban hành chưa kịp đi vào cuộc sống lại có thay đổi. Hoặc việc ban hành văn bản pháp luật chưa rõ ràng, quá chung chung, muốn đi vào thực tế lại phải chờ văn bản hướng dẫn, nhất là trong lĩnh vực đất đai, thuế, tài chính, kinhdoanh, thương mại... Đó còn chưa kể đến việc ban hành văn bản pháp luật trái thẩm quyền của một số cơ quan hay việc thực hiện không thống nhất giữa các địa phương, thậm chí ở một số nơi còn tự ban hành văn bản để thực hiện trái với quy định của hiến pháp và văn bản pháp luật của cơ quan cấp trên, vi phạm nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa. Điều đó khiến nhân dân không đồng tình, không chấp hành, xảy ra nhiều vụ tranh chấp, khiếu kiện kéo dài gây bức xúc trong nhân dân dẫn đến tụ tập đông người và gây rối trật tự công cộng. Khi đó, lực lượng thi hành công vụ phải đứng ra giải quyết nên thường bị chống đối lại, và nếu không giải quyết tốt thì tình hình sẽ trở nên nghiêm trọng hơn.

*Thứ ba*, do đặc thù của hoạt động thi hành pháp luật, những người thi hành công vụ thường xuyên phải đối mặt với các loại tội phạm, các vấn đề bức xúc của xã hội có liên quan đến quyền và lợi ích của các tầng lớp, các bộ phận dân cư. Để trốn tránh pháp luật hoặc phản ứng với các quyết định của cơ quan có thẩm quyền, nhiều đối tượng đã chống lại lực lượng thi hành công vụ rất quyết liệt. Bên cạnh đó, hàng năm thường có các đợt cao điểm trấn áp tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Trong thời gian qua, công an các tỉnh, thành phố đã mở nhiều đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm nói chung, tội phạm chống người thi hành công vụ nói riêng. Từ năm 2005 đến nay đã điều tra khám phá 3.552 vụ trong tổng số 3.758 vụ xảy ra, bắt giữ 6.200 đối tượng. Trong đó, xử lý hình sự 2.458 vụ, bắt giữ 4.023 đối tượng và xử lý hành chính 1.094 vụ, bắt giữ 1.775 đối tượng. Khi lực lượng thi hành công vụ ra quân tấn công, trấn áp tội phạm, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật, sự chống trả của các đối tượng phạm tội ngày càng mạnh động, quyết liệt, phản



ứng chống đối rất gay gắt, thậm chí còn nhận là người nhà của cán bộ cấp cao trong ngành để uy hiếp lực lượng thi hành công vụ.

*Thứ tư*, các chế tài quy định trong BLHS nằm trong các điều luật có dấu hiệu chống người thi hành công vụ còn chưa thực sự nghiêm khắc, tuy hầu hết dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" đã được quy định ở khung hình phạt tăng nặng nhưng cụ thể Điều 257 BLHS hiện hành dành riêng cho Tội Chống người thi hành công vụ, chế tài còn chưa tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi này. Tại khoản 1 Điều 257 BLHS quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm, còn khoản 2 Điều 257 (cấu thành tăng nặng) cũng chỉ quy định hình phạt tù từ 2 năm đến 7 năm, thiết nghĩ vẫn còn nhẹ, dẫn đến hiệu quả giáo dục và cải tạo, phòng ngừa chung không cao.

*Thứ năm*, nhiều quy định liên quan đến hoạt động của lực lượng thi hành công vụ còn chưa kịp thời được bổ sung, sửa đổi phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ, đặc biệt là các quy định liên quan đến những trường hợp được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và sử dụng vũ lực trong phòng, chống tội phạm đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công tác của người thi hành công vụ. Trong nhiều trường hợp người thi hành công vụ có vũ khí, công cụ hỗ trợ nhưng không sử dụng để tự vệ, chiến đấu chống tội phạm vì các quy định chưa cho phép, sợ vi phạm, làm mất đi tính chiến đấu và uy lực của lực lượng phòng chống tội phạm khi thi hành công vụ, hoặc thậm chí có thể dẫn đến hậu quả người thi hành công vụ bị trọng thương hoặc bị chết. Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của người thi hành công vụ rất hạn chế. Lực lượng kiểm lâm khi tuần tra rừng vẫn đang trong tình trạng đe dọa khi đối mặt với tội phạm phá rừng được trang bị nhiều vũ khí nguy hiểm. Lực lượng công an nhân dân truy bắt tội phạm tuy được trang bị súng nhưng chỉ được sử dụng trong những trường hợp đặc biệt và bọn tội phạm thì lại chuẩn bị hàng "nóng" và sẵn sàng liều lĩnh đe dọa tính mạng của các chiến sĩ công an bất kì lúc nào...

*Thứ sáu*, là nguyên nhân liên quan đến lĩnh vực báo chí, truyền thông, do công tác quản lý của nhà nước trên lĩnh vực này còn chưa đáp ứng được yêu cầu. Có nhiều trường hợp, nhiều vụ việc báo chí đưa tin nhưng chưa thực sự khách quan và toàn diện, khi chưa nắm bắt được những thông tin chính xác, dẫn đến dư luận theo dõi và nhận định không đúng nội dung sự việc. Ví dụ có trường hợp báo chí đưa tin nặng về những sai phạm, tiêu cực của người thi hành công vụ đã tác động không tốt đến tâm lý của nhân dân, làm giảm uy tín của lực lượng thi hành công vụ. Hoặc có những trường hợp xảy ra va chạm giữa người thi hành công vụ và người vi phạm, báo chí và người dân chỉ đứng về phía người vi phạm để lên án, phê phán hành vi của người thi hành công vụ. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục ý thức pháp luật cũng một phần to lớn thuộc về vai trò của báo chí, như tuyên truyền về nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng thi hành công vụ, về trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong việc chấp hành pháp luật vẫn còn nhiều hạn chế.

Nguyên nhân cuối cùng là về phía bản thân người thi hành công vụ, đôi khi lực lượng thi hành công vụ khi thực thi nhiệm vụ có thái độ ứng xử chưa đúng mực, khả năng thuyết phục quần chúng và các đối tượng khác không cao hoặc có biểu hiện cửa quyền, hách dịch, gây ức chế cho người dân, dẫn đến một số vụ chống người thi hành công vụ. Cá biệt, có một số trường hợp người thi hành công vụ không chấp hành đúng quy định, quy trình công tác, thậm chí vi phạm pháp luật, khiến người dân bức xúc, phản ứng dẫn đến hành vi chống đối. Một bộ phận cán bộ có hành vi tham nhũng, tiêu cực, vi phạm về đạo đức nghề nghiệp, ảnh hưởng đến uy tín của lực lượng, trở thành một trong những nguyên nhân dẫn đến thái độ không đồng tình của người dân. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm quy trình, quy định, tác phong ứng xử với người dân và người vi phạm của các cán bộ thi hành công vụ có nơi, có lúc chưa đúng mực, hòa nhã, chưa chấn chỉnh kịp thời những sai phạm. Một số cán bộ lãnh đạo chưa quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch, phương án thực thi nhiệm vụ, chưa chú trọng kiểm tra, uốn nắn

và chân chính kịp thời những hành vi sai phạm của cán bộ mình quản lý; hoặc trong giải quyết vụ việc chống người thi hành công vụ chưa có sự đồng bộ, dứt điểm, gây nhũng nhĩu cho dân, đã gây ra sự căng thẳng, phản ứng quyết liệt từ phía người dân. Lực lượng thi hành công vụ còn chưa được trang bị đầy đủ các kỹ năng tự vệ chiến đấu và kỹ năng ứng phó trong các tình huống, chưa linh hoạt và thành thục nên khi bị phản ứng, chống đối thì sẽ không ứng phó kịp thời, hiệu quả thấp, thậm chí còn bị thiệt hại về người, trang bị, phương tiện...

### **3.2.3. Phương hướng hoàn thiện Luật Hình sự về các tội phạm có dấu hiệu chống người thi hành công vụ**

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm chống người thi hành công vụ, có rất nhiều giải pháp được đưa ra để triển khai. Tiêu biểu nhất đó là thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm chống người thi hành công vụ; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác này, tạo dư luận và khí thế đấu tranh mạnh mẽ đối với tội phạm nói chung và các tội phạm chống người thi hành công vụ nói riêng. Ngoài ra, còn có một số giải pháp như giải pháp về mặt kinh tế - xã hội, về văn hóa - giáo dục, về đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nhất là về quyền và nghĩa vụ của công dân, nâng cao ý thức pháp luật trong nhân dân. Nhưng vấn đề chủ chốt mang tính chất pháp lý trong vấn đề giảm thiểu số lượng cũng như mức độ nguy hiểm của những hành vi chống người thi hành công vụ, đó là làm thế nào để các quy định của pháp luật, cụ thể là Luật Hình sự thật sự chặt chẽ, nghiêm khắc, để làm căn cứ giải quyết triệt để những hành vi đi ngược lại với quy định của pháp luật. Đó chính là những phương hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật nhìn từ góc độ sự phản ứng của nhà nước trong giới hạn pháp lý của việc xử lý hành vi vi phạm nói chung và các quy định Luật hình sự về các tội phạm có dấu hiệu chống người thi hành công vụ nói riêng.

*a/ Các quy định pháp luật nhìn từ góc độ giới hạn pháp lý của việc xử lý hành vi chống người thi hành công vụ*

Theo quy định của Hiến pháp hiện hành nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, Nhà nước ta là một Nhà nước pháp quyền XHCN, Điều 2 Hiến pháp 1992 quy định: "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân". Yêu cầu tối thượng của Nhà nước pháp quyền là đề cao vai trò của Hiến pháp và pháp luật. Tất cả mọi chủ thể pháp luật, từ cá nhân, cơ quan, tổ chức, kể cả Nhà nước cũng đều phải tôn trọng và nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật. Mọi biện pháp giới hạn các quyền cơ bản hay hạn chế, tước bỏ lợi ích của công dân đều phải được luật định trong các văn bản pháp luật đã được công bố theo đúng trình tự, thủ tục mà Hiến pháp và Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định. Pháp luật là sự giới hạn hoạt động của công quyền. Xét ở góc độ này, các quy định pháp luật về xử lý người có hành vi chống lại cảnh sát giao thông đường bộ thi hành công vụ là giới hạn hoạt động xử lý đối tượng vi phạm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Pháp luật quy định rõ: ai có thẩm quyền xử lý, xử lý theo trình tự, thủ tục nào, xử lý căn cứ vào đâu, với mức độ cụ thể ra sao đối với đối tượng có hành vi vi phạm.

Nhà nước chỉ xử lý người có hành vi vi phạm bằng các chế tài pháp luật khi hành vi của người đó thỏa mãn các dấu hiệu của một hành vi vi phạm pháp luật, nghĩa là hành vi đó nằm trong giới hạn xử lý bằng pháp luật. Xét từ góc độ giới hạn xử lý của công quyền đối với người có hành vi vi phạm, các quy định pháp luật về xử lý người có hành vi chống người thi hành công vụ có ý nghĩa quan trọng bởi nó:

*Thứ nhất*, tạo ra hành lang pháp lý chắc chắn cho hoạt động đấu tranh với hành vi vi phạm, bảo vệ có hiệu quả trật tự chung của xã hội.

*Thứ hai*, bảo đảm cân bằng quyền lợi giữa các bên: công quyền chỉ xử phạt trong giới hạn luật định và trong trường hợp xử phạt vẫn bảo đảm các quyền, lợi ích chính đáng của bên vi phạm.

*Thứ ba*, bảo đảm pháp chế XHCN, góp phần nâng cao ý thức pháp luật cho người dân.

*Thứ tư*, bảo đảm quyền con người trong việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền XHCN.

Nghiên cứu các quy định pháp luật về xử lý người có hành vi người thi hành công vụ dưới góc độ giới hạn hoạt động xử lý của Nhà nước đối với người có hành vi vi phạm, cần thấy được những yêu cầu đặt ra đối với các quy định pháp luật này.

*Thứ nhất*: các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải xây dựng một hệ thống quy phạm pháp luật cần và đủ điều chỉnh QHXX liên quan để xử lý người có hành vi chống người thi hành công vụ. Việc ban hành các văn bản pháp luật chứa đựng hệ thống quy phạm về xử lý người có hành vi chống người thi hành công vụ luôn mang tính khách quan bởi nó xuất phát từ yêu cầu khách quan về việc bảo vệ trật tự chung của xã hội. Việc ban hành các văn bản pháp luật này cũng đồng thời là biểu hiện của hoạt động quản lý của Nhà nước đối với xã hội. Một xã hội tổ chức tốt là xã hội được quản lý tốt bởi công quyền thông qua công cụ pháp luật. Dù vậy, pháp luật không phải là công cụ mang tính vạn năng, có hiệu quả trong mọi trường hợp và sự can thiệp của bản thân pháp luật vào từng lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội cũng chỉ đạt hiệu quả khi nó được sử dụng với một chừng mực thích hợp.

Trong hoạt động đấu tranh với người có hành vi chống người thi hành công vụ, pháp luật hóa những hành vi vi phạm có tính chất điển hình nhất trong các quy phạm nghiêm khắc, đồng thời cũng phải tính toán đến phương án xây dựng các quy phạm có khả năng vận dụng để xử lý các hành vi vi phạm mang tính ít phổ biến hơn trong các quy phạm có cấu thành "mềm dẻo" hơn. Về chế tài xử phạt, nên đa dạng hóa sự trừng phạt cho phù hợp với mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm. Nên nhấn mạnh đến tính răn đe song không lạm dụng sự răn đe khi xử lý người có hành vi vi phạm bởi mục đích

cơ bản của việc áp dụng chế tài trong pháp luật Việt Nam là nhằm giáo dục người vi phạm cũng như những người khác trong xã hội, ngăn ngừa khả năng diễn ra sự tái vi phạm trong tương lai.

*Thứ hai:* phải đảm bảo tính công bằng trong việc xử lý người vi phạm. Người có hành vi chống người thi hành công vụ là người có hành vi vi phạm pháp luật. Họ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tuy nhiên, pháp luật áp dụng đối với họ phải là pháp luật công bằng. Tính công bằng của pháp luật trong trường hợp này thể hiện ở chỗ: biện pháp chế tài áp dụng phải tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm, phải phù hợp với nhân thân người vi phạm cũng như hoàn cảnh thực tế của họ. Mức xử lý đối với những người có hành vi vi phạm gần giống nhau phải tương tự như nhau.

*b/ Phương hướng hoàn thiện các quy định của Luật hình sự về đấu hiệu chống người thi hành công vụ*

Thực tiễn đấu tranh thời gian qua cho thấy, hầu hết những vụ chống người thi hành công vụ đã được điều tra, truy tố, xét xử, thậm chí một số vụ được xử điểm với mức hình phạt cao hơn thông lệ. Song, diễn biến của tội phạm này vẫn còn rất phức tạp. Điều đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của người dân cần được nâng cao hơn nữa cũng như các văn bản pháp luật cần tiếp tục được bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện.

Trước tình trạng chống người thi hành công vụ ngày càng gia tăng nghiêm trọng, các bộ, ngành liên quan trong đó có Bộ Công an đã triển khai nhiều giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn. Các vụ việc chống người thi hành công vụ đều được tổ chức điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội. Các đơn vị, cơ quan chức năng chủ động xây dựng và thực hiện nhiều biện pháp giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, giáo dục tác phong làm việc với nhân dân, xây dựng các quy trình, quy chế công tác, tăng cường kiểm tra nhằm phòng ngừa sai phạm của cán bộ trong khi thi hành công vụ. Phương tiện, công cụ hỗ trợ cũng được chú trọng trang bị cho lực lượng thi hành công vụ

để tăng hiệu quả trấn áp, giảm thiểu thương vong... Bên cạnh đó, hành lang pháp lý để xử lý hành vi chống người thi hành công vụ cũng đã và đang được xem xét hoàn thiện. Do tính chất nguy hiểm mà hành vi chống người thi hành công vụ đã được quy định thành một tội danh độc lập trong Bộ luật Hình sự (Tội chống người thi hành công vụ - Điều 257 BLHS), ngoài ra còn được quy định ở một số các tội khác đã được nghiên cứu ở các chương trước. Tuy nhiên, theo đánh giá khái quát, các quy định của luật hình sự về dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" chưa thực sự nghiêm khắc.

Cụ thể, trước tiên là các chế tài được quy định tại Điều 257 BLHS, kể từ khi Bộ luật Hình sự năm 1999 được Quốc hội khóa X thông qua và có hiệu lực thi hành cho đến nay chưa có văn bản nào hướng dẫn cụ thể của các cơ quan có thẩm quyền về việc áp dụng điều 257 của BLHS (Tội chống người thi hành công vụ) để truy cứu TNHS đối với người có hành vi phạm tội. Điều 257 quy định tội chống người thi hành công vụ với 3 mức phạt là cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm (khoản 1); hoặc bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm khi có một trong các tình tiết định khung tăng nặng như có tổ chức, phạm tội nhiều lần, xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội, gây hậu quả nghiêm trọng hoặc tái phạm nguy hiểm quy định tại khoản 2 điều này. Trong đó, tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng" cần được hiểu là hành vi phạm tội đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của Nhà nước, gây thiệt hại lớn về tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân, gây cản trở nghiêm trọng việc thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước... Tại khoản 1, điều 257 quy định về tội chống người thi hành công vụ nêu rất chung chung: "Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật..." nhưng thực tế, người thi hành công vụ rất đa dạng, với những nhiệm vụ khác nhau và sự chống đối của các đối tượng cũng gây ra những hậu quả khác nhau. Ví dụ: Một Chấp hành viên đến nhà đương sự thực

hiện việc niêm phong, kê biên tài sản phục vụ việc thi hành án bị chống đối khác với việc một nhóm người đến các cơ quan Nhà nước kiện tụng, gây rối, chống đối lại lực lượng cảnh sát bảo vệ... Vì vậy, nếu sửa đổi luật thì nên cụ thể hóa từng loại khách thể để việc xét xử được chuẩn xác và khách quan. Mặt khác, hình phạt của tội này cũng nên sửa đổi theo hướng tăng nặng. Cụ thể, bỏ hình phạt "cải tạo không giam giữ đến ba năm"; thay thế "phạt tù từ sáu tháng đến ba năm" thành "phạt tù từ một năm đến ba năm" để nâng cao hiệu quả trong đấu tranh, phòng chống tội phạm này. khoản 2, điều 257 nên có khung hình phạt từ 2 đến 10 năm tù (thay cho từ 2 đến 7 năm như hiện nay). Có như vậy, những bản án không chỉ mang tính phòng ngừa mà còn răn đe với những kẻ phạm tội.

Trong thực tiễn điều tra, truy tố và xét xử đối với hành vi này các cơ quan tiến hành tố tụng nhiều lúc còn vướng mắc trong xác định tội danh, khung hình phạt tăng nặng, xác định tư cách tham gia tố tụng của người thi hành công vụ... Với những diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ, quan điểm của ngành Tòa án là phải xét xử kịp thời, nghiêm minh đối với loại tội phạm này, đặc biệt là đối với các trường hợp có đồng người tham gia, có đồng phạm, phạm tội có tổ chức, tái phạm và tái phạm nguy hiểm, phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng. Đồng thời kết hợp với công tác tuyên truyền giáo dục, thuyết phục nhằm đạt hiệu quả phòng ngừa cao.

Đối với những quy định trong các điều luật khác của BLHS có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ", có những vấn đề cần phải làm rõ như sau:

*Thứ nhất*, việc hoàn thiện các quy định trong các Điều 93, 103, 117, 118, 121, 122, 123 và 143 BLHS nên theo hướng quy định của các điều luật này phải thể hiện rõ và đầy đủ các động cơ của người phạm tội để làm phương hướng giải quyết trong thực tế xét xử. Như đã nghiên cứu ở những phần trước, những hành vi chống người thi hành công vụ có động cơ để *cản trở người thi hành công vụ* hoặc để *trả thù vì lý do công vụ của người thi*



*hành công vụ, hoặc đe dọa người thi hành công vụ, hoặc kết hợp những động cơ này với nhau. Vậy chỉ khi nào người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội đối với người thi hành công vụ về mặt chủ quan có những động cơ đó, cơ quan tố tụng mới có cơ sở quy định những trường hợp phạm tội đó theo tình tiết tăng nặng khung hình phạt. Ngược lại, nếu hành vi phạm tội tuy có xảy ra với người thi hành công vụ nhưng không chứng minh được động cơ hoặc người phạm tội không nhằm cản trở, trả thù, hoặc đe dọa thì hoàn toàn không có căn cứ pháp lý quy định việc phạm tội là dấu hiệu định khung tăng nặng TNHS, vì vậy vẫn xét xử theo khung cơ bản của điều luật.*

*Thứ hai, trong BLHS hiện hành, trừ quy định ở điểm k khoản 1 Điều 104 "để cản trở người thi hành công vụ", còn các quy định ở điểm d khoản 1 Điều 93; điểm b khoản 2 Điều 103; điểm d khoản 2 Điều 117; điểm d khoản 2 Điều 118; điểm d khoản 2 Điều 121; điểm đ khoản 2 Điều 122; điểm c khoản 2 Điều 123; điểm đ khoản 2 Điều 143 đều hoặc không phản ánh được động cơ của người phạm tội, hoặc đã phản ánh nhưng không đầy đủ. Trong quy định của những điều luật này, yếu tố "giết người đang thi hành công vụ", "đối với người thi hành công vụ", hoặc "vì lý do công vụ của nạn nhân" mới chỉ phản ánh được thực tế khách quan là hành vi phạm tội xảy ra đối với người thi hành công vụ hoặc trả thù vì lý do công vụ mà chưa phản ánh được động cơ của người phạm tội trong một số trường hợp còn là để cản trở người thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ của họ. Quy định phạm tội "đối với người thi hành công vụ" tại điểm d khoản 2 Điều 121, điểm đ khoản 2 Điều 122, điểm c khoản 2 Điều 123 và phạm tội vì lý do công vụ của người bị hại tại điểm đ khoản 2 Điều 143 đã không phản ánh rõ mà còn phản ánh không đầy đủ động cơ của người phạm tội, bởi trong các trường hợp này có thể nhằm cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ, để trả thù cá nhân hoặc để đe dọa người khác.*

Theo Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 19/11/1986 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định "giết người đang thi

hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân" đã giải thích như sau: "kẻ giết người có thể thực hiện tội phạm khi nạn nhân sắp thi hành công vụ hoặc đang thi hành công vụ để cản trở họ thực hiện công vụ hoặc giết người thi hành công vụ để trả thù họ hoặc để đe dọa người khác". Hướng dẫn này chỉ có trong quy định về Tội giết người, và đã xác nhận được động cơ của người phạm tội, tuy nhiên không chỉ riêng với trường hợp "giết người" mà với hầu hết các tội có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt trong BLHS, người phạm tội đều có các động cơ trên. Ý tưởng của nhà làm luật khi quy định các trường hợp phạm tội đối với người thi hành công vụ là dấu hiệu định khung tăng nặng của các tội tương ứng có tính đến yếu tố chống người thi hành công vụ trong việc thực hiện các hành vi phạm tội cụ thể như Nghị quyết số 04 đã xác nhận. Mặc dù vậy, lời văn trong các điều luật chưa thống nhất và đầy đủ, chưa lột tả rõ các động cơ của người phạm tội trong tình hình thực tế phức tạp như hiện nay (trừ quy định tại điểm k khoản 1 Điều 104).

Nhằm hoàn thiện hơn các quy định của pháp luật về vấn đề này, để áp dụng pháp luật trong thực tế xét xử được thống nhất, một số giải pháp được kiến nghị như sau:

*Thứ nhất*, sửa các quy định tại các điều luật thành "*để cản trở người thi hành công vụ*" bởi quy định này không những phản ánh rõ động cơ của người phạm tội và thực tế hành vi xảy ra đối với người thi hành công vụ mà còn phản ánh được hành vi phạm tội có thể xảy ra khi nạn nhân chuẩn bị thi hành công vụ hoặc đang thi hành công vụ (thời điểm người phạm tội thực hiện tội phạm). Ví dụ, tại Điều 123 (Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật), có thể quy định như sau:

**Điều 123. Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật.**

1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- c) Để cản trở người thi hành công vụ;**
- d) Phạm tội nhiều lần;
- đ) Đối với nhiều người.

3. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ một năm đến năm năm.

*Thứ hai*, bổ sung dấu hiệu "vì lý do công vụ của nạn nhân" vào điểm d khoản 2 Điều 121; điểm đ khoản 2 Điều 122; điểm c khoản 2 Điều 123 và bổ sung dấu hiệu "để cản trở người thi hành công vụ" vào trước dấu hiệu "vì lý do công vụ của nạn nhân" vào điểm đ khoản 2 Điều 143 vì sẽ phản ánh được đầy đủ hơn động cơ của người phạm tội trong những trường hợp này.

*Thứ ba*, các cơ quan có thẩm quyền cần ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng tình tiết "giết người đang thi hành công vụ" để áp dụng thống nhất các quy định pháp luật, tránh những hậu quả đáng tiếc có thể xảy ra trong thực tiễn xét xử, vì hơn 20 năm nay chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào thay thế Nghị quyết số 04/HĐTP mặc dù Bộ luật Hình sự năm 1985 đã được thay thế bằng Bộ luật Hình sự năm 1999 và đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, đặc biệt là khi những quy định về hành vi chống người thi hành công vụ trong các văn bản mới này cũng có nhiều điểm được sửa đổi và bổ sung.

Đối với riêng tội "Chống người thi hành công vụ" quy định tại Điều 257 BLHS, ngoài những vấn đề được đề cập đến ở trên, thực tế giải

quyết vụ án cho thấy vướng mắc nhất là yếu tố "dùng thủ đoạn khác" hiện nay vẫn chưa thống nhất được hiểu như thế nào là đúng. Chưa có văn bản hướng dẫn sẽ dẫn đến khó khăn cho việc giải thích và vận dụng điều luật này. Để cản trở người thi hành công vụ, kẻ phạm tội có thể gây thiệt hại về tài sản, vu khống nhằm hạ thấp danh dự nhân phẩm, lăng mạ uy tín người thi hành công vụ, vậy đó có phải là "thủ đoạn khác" để cấu thành tội chống người thi hành công vụ hay không? Vậy cần nhất để đảm bảo cho việc xét xử các vụ án được nhất quán, cần có văn bản cụ thể hóa quy định này. Một hành vi cấu thành tội chống người thi hành công vụ, nhưng lại có dấu hiệu của tội khác vẫn chưa thống nhất giải quyết như thế nào. Vì vậy Điều 257 BLHS nên có thêm một tình tiết nữa quy định "*Nếu hành vi chống người thi hành công vụ gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm của người bị hại thì sẽ xử lý theo tội tương ứng với hành vi khách quan đó*" sẽ giúp các cơ quan chức năng dễ dàng hơn trong việc áp dụng pháp luật giải quyết tội phạm ở đây.

Cuối cùng, nhà làm luật cần giải quyết vướng mắc trong trường hợp các điều luật có tình tiết liên quan đến chống người thi hành công vụ như Điều 84 (Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân); Điều 89 (Tội phá rối an ninh); Điều 257 (Tội chống người thi hành công vụ)... Khi tình tiết này đã là tình tiết định tội rồi có tiếp tục được sử dụng là tình tiết định khung nữa không? Và áp dụng như vậy có vi phạm nguyên tắc cá thể hóa TNHS hay không, và nếu không thì áp dụng trong thực tế xét xử sẽ viện dẫn như thế nào để có cơ sở pháp luật.

Những vướng mắc và đề xuất cụ thể như trên nếu được giải quyết thì việc xử lý hành vi chống người thi hành công vụ sẽ có hướng đi thuận lợi hơn, nhằm đảm bảo pháp chế XHCN và dần dần giảm thiểu hành vi này trong xã hội.

## KẾT LUẬN

Các tội phạm có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" là dạng tội phạm nguy hiểm xâm hại đến nhiều khách thể khác nhau, nên được quy định là tội phạm ở các chương, các điều luật khác nhau. Tội phạm này ngoài việc xâm hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người thi hành công vụ còn xâm hại đến an ninh chính trị, sự ổn định của quốc gia, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính hoặc xâm hại quyền sở hữu của cá nhân người thi hành công vụ. Điều đáng bàn đến ở đây là trong khoảng mười năm gần đây, tình hình tội phạm này có sự gia tăng về số vụ, về mức độ nghiêm trọng và nguy hiểm của hành vi, có sự cấu kết chặt chẽ và tổ chức, chủ thể thực hiện hành vi nguy hiểm ngày một trẻ hóa về độ tuổi và đa dạng về các thành phần, đồng thời, tính manh động dẫn đến việc thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ đã thể hiện phần nào lối sống lệch chuẩn của một bộ phận không nhỏ người dân trong xã hội.

Do vậy, việc phân tích, làm sáng tỏ dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" là việc làm nhằm góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm chống người thi hành công vụ và hướng tới giảm thiểu loại tội phạm nguy hiểm có sự xâm hại rộng rãi này.

Đi từ các vấn đề lý luận cơ bản của dấu hiệu "chống người thi hành công vụ", đề tài phân tích được khái niệm "người thi hành công vụ" và "chống người thi hành công vụ" trong Luật Hình sự, đối chiếu so sánh với cùng dạng hành vi nhưng ở mức độ ít nguy hiểm hơn được quy định trong Luật Hành chính. Từ đó, tác giả đề cập đến một loạt các vấn đề như vị trí, vai trò của dấu hiệu chống người thi hành công vụ trong Luật Hình sự, cũng như xem xét xuyên suốt quá trình lập pháp đến khi sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự năm 2009, từ đó thấy được tầm quan trọng của việc làm rõ dấu hiệu "chống người thi hành công vụ".

Tuy nhiên, việc áp dụng các quy định về pháp luật hình sự về các tội phạm có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" còn rất nhiều bất cập, thể hiện ở các quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành còn chưa chặt chẽ, còn nhiều kẽ hở nên gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc áp dụng pháp luật thống nhất. Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải làm rõ những đặc điểm mâu chốt khác biệt giữa các điều luật, làm tiền đề cho việc giải quyết loại tội phạm này.

Để đấu tranh phòng, chống các tội phạm có dấu hiệu "chống người thi hành công vụ" đòi hỏi phải có sự phối hợp thống nhất giữa toàn bộ các cấp các ngành, các lĩnh vực, có các biện pháp khả thi nhằm hạn chế và tiến tới loại bỏ hành vi mang tính nguy hiểm cho xã hội. Trước hết và quan trọng là việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự về dấu hiệu "chống người thi hành công vụ". Khi có sự nỗ lực và thực hiện một cách thống nhất giữa các chủ thể áp dụng pháp luật, chắc chắn tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ trong những năm tới sẽ được hạn chế, ngăn ngừa những hậu quả bất lợi nảy sinh đối với người thi hành công vụ, động viên họ tiếp tục thực thi tốt nhiệm vụ của mình, vì nhiệm vụ chung của nhà nước, của toàn xã hội.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo thi hành Bộ luật Hình sự (2000), *Tài liệu tập huấn chuyên sâu về Bộ luật Hình sự năm 1999*, Nhà in Bộ Công an, Hà Nội.
2. Bộ Công an (2011), *Báo cáo số 745/C41-C42 ngày 8/3 về tình hình tội phạm trong 10 năm từ 2001 đến 2011*, Hà Nội.
3. Lê Cẩm (2003), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. (Tái bản lần thứ nhất).
4. Lê Văn Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật Hình sự (phần chung)*, (Sách chuyên khảo), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Nguyễn Ngọc Chí (1997), "Hình phạt trong các tội xâm phạm sở hữu", *Báo cáo số 08*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. Nguyễn Ngọc Chí (1997), "Yếu tố chức vụ, quyền hạn trong các tội xâm phạm sở hữu", *Báo cáo số 06*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Nguyễn Ngọc Chí (1997), "Sự phát triển của pháp luật Hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm sở hữu", *Báo cáo số 02*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
8. Chính phủ (1998), *Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 31/7 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình Quốc gia phòng chống tội phạm*, Hà Nội.
9. Chính phủ (2007), *Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 15/7 của Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng, chống khủng bố trong tình hình mới*, Hà Nội.
10. Chính phủ (2008), *Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16/12 quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002, sửa đổi năm 2008*, Hà Nội.
11. Chính phủ (2010), *Nghị định số 73/2010/NĐ-CP ngày 12/7 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội*, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
14. Nguyễn Minh Đoan (2008), *Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Phạm Hồng Hải (2000), *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
16. Trần Thị Hiền (Dịch) (2011), *Bộ luật Hình sự Nhật Bản*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
17. Nguyễn Ngọc Hòa (2001), *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
18. Nguyễn Ngọc Hòa (2001), "Nguồn của pháp luật hình sự, những yêu cầu được đặt ra cho pháp luật hình sự Việt Nam", *Luật học*, (7).
19. Nguyễn Ngọc Hòa (2007), "Luật Hình sự Việt Nam, sự phát triển trong 20 năm đổi mới và các định hướng hoàn thiện", *Luật học*, (1).
20. Hồ Thế Hòe (2011), "Đấu tranh với tội phạm chống người thi hành công vụ: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp", *Nhà nước và pháp luật*, 7(279).
21. Trần Minh Hưởng (2009), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (thực hiện từ 01-01-2010)*, Nxb Lao động, Hà Nội
22. Trần Minh Hưởng (2010), *Tìm hiểu Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và những văn bản hướng dẫn thi hành*, Nxb Lao động, Hà Nội
23. Vũ Văn Kiệm (2006), *Tội chống người thi hành công vụ và đấu tranh phòng chống loại tội phạm này*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Hà Nội.
24. C. Mác - Ph. Ăngghen (1978), *Toàn tập*, Tập I, Nxb Sự thật, Hà Nội.



25. Dương Tuyết Miên (2004), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội
26. Hoàng Phê (2002), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
27. Quốc hội (1985), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
28. Quốc hội (1999), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
29. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
30. Lê Thế Tiêm (2006), "Nhiệm vụ phòng, chống tội phạm trong tình hình mới", *Tạp chí Cộng sản*, (8).
31. Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử Luật Hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Tòa án nhân dân tối cao (1986), *Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần Các tội phạm của Bộ luật Hình sự năm 1985*, Hà Nội.
33. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/ của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
34. Tòa án nhân dân tối cao (2009), *Báo cáo tham luận về công tác xét xử các vụ án hình sự trong năm 2006, 2007, 2008 và một số kiến nghị của Tòa hình sự - Tòa án nhân dân tối cao*, Hà Nội.
35. Trường đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật Hình sự Cộng hòa liên bang Đức*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
36. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật Hình sự Canada*, Tập 1, Tập 2, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội
37. Đào Trí Úc (2000), *Luật hình sự Việt Nam (Quyển I - Những vấn đề chung)*, Nxb. Khoa học - xã hội, Hà Nội.
38. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2002), *Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội.

39. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2007), *Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
40. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2008), *Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
41. Trịnh Tiên Việt (2010), *Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân theo Luật Hình sự Việt Nam*, (Sách chuyên khảo), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội